

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 196 – Chúa nhật 05.05.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Dân Thiên Chúa.....	Vatican 2
GIÁO HỘI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CƠ CẤU HÀNH CHÍNH MÀ LÀ CÂU CHUYỆN VỀ TÌNH YÊU” (ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ).....	Minh Đức (WHĐ)
CUỘC PHỤC HỒI CỦA PHÊRÔ.....	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD
CẦU NGUYỆN VÀ LỜI CHÚA.....	Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist
ĐỔI MỚI MỌI SỰ.....	Lm. Vĩnh Sang, dcct.
GIỚI RẰN MỚI : “MỚI” Ở ĐÂU ?.....	Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, ofm
ĐỐI THỌAI NĂM ĐỨC TIN—VẤN ĐỀ 06.....	Lm. Đan Vinh
TÓM LƯỢC SẮC LỆNH TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN APOSTOLICAM ACTUOSITATEM (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II – BÀI 6).....	Phaolo Phạm Xuân Khôi
Nhân cách và biểu hiện.....	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
NHỮNG TRÔNG ĐỢI.....	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
TRUY TÌM UNG THƯ RUỘT GIÀ.....	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
Vội.....	Lm. Anmai, CSsR

Dân Thiên Chúa

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội : Lumen Gentium

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Chương II

Dân Thiên Chúa 9*

9. Giao Ước mới và Dân Tộc mới. Chắc chắn trong mọi thời đại và mọi dân tộc, bất cứ người nào kính sợ Thiên Chúa và thực hành đức công chính đều được Ngài đoái thương (x. CvTđ 10,35). Tuy nhiên, Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết chính Ngài trong chân lý, và phụng sự Ngài trong thánh thiện. Vì thế, Ngài đã chọn dân Israel là dân Ngài, đã thiết lập với họ một giao ước, giáo huấn họ dần dần bằng cách tỏ chính mình và ý định mình qua lịch sử dân ấy, và Ngài đã thánh hóa họ để dành riêng cho mình. Tuy nhiên, tất cả những điều ấy chỉ là chuẩn bị và hình bóng của giao ước mới và hoàn hảo, sẽ được ký kết trong Chúa Kitô, và là chuẩn bị cho mạc khải trọn vẹn hơn do chính Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể mang đến. Thiên Chúa phán: "Này đây sẽ tới ngày Ta ký giao ước mới với nhà Israel và nhà Giuđa... Ta sẽ ban luật Ta trong lòng chúng, và khắc ghi luật ấy vào trái tim chúng, và Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng, và chúng sẽ trở thành dân Ta... Tất cả mọi người từ nhỏ chí lớn đều sẽ nhận biết Ta. Đó là Lời Chúa phán" (Gier 31,31-34). Chúa Kitô đã thiết lập minh ước mới ấy, đó là giao ước mới trong máu Người (x. 1Cor 11,25), Người triệu tập dân chúng từ dân Israel và từ các dân ngoại, hợp thành một khối duy nhất trong Thánh Thần chứ không theo xác thịt, để làm họ nên dân tộc mới của Thiên Chúa. Thực vậy, những ai tin kính Chúa Kitô đều được tái sinh không phải bởi mầm mống hay hư nát, nhưng do mầm mống bất diệt nhờ lời Thiên Chúa hằng sống (x. 1P 1,23), không phải bởi xác thịt nhưng bởi nước và Thánh Thần (x. Gio 3,5-6), và cuối cùng trở thành một "dòng giống được tuyển chọn, thành hàng tư tế vương giả, dân tộc thánh, dân tộc đã được Thiên Chúa thu phục, trước kia không phải là một dân, mà nay là dân của Thiên Chúa" (1P 2,9-10).

Dân thiên sai này có vị thủ lãnh là Chúa Kitô, "Đấng đã bị nộp vì tội lỗi ta và phục sinh cho ta nên công chính" (Rm 4,25), và bây giờ Người được một danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu, và đang hiển trị trên trời. Địa vị dân này là được vinh dự và tự do làm Con Thiên Chúa, và Thánh Thần ngự trong tâm hồn họ như trong đền thờ. Luật của họ là giới răn mới: phải thương yêu nhau như chính Chúa Kitô đã yêu thương chúng ta (x. Gio 13,34). Sau cùng, cứu cánh của họ, tức là phát triển thêm Nước Thiên Chúa, đã được Ngài khai nguyên trên trần gian, cho tới khi được Ngài hoàn tất trong ngày tận thế, ngày mà Chúa Kitô, sự sống của chúng ta, hiện đến (x. Col 3,4), ngày mà "chính tạo vật cũng được giải phóng khỏi ách nô lệ hư nát, lại được tự do trong vinh quang con cái Thiên Chúa" (Rm 8,21). Vì thế, dân tộc thiên sai ấy, tuy hiện nay chưa bao gồm toàn thể nhân loại và đôi khi tỏ ra như một đàn chiên nhỏ, nhưng lại là một mầm mống vững chắc nhất của hiệp nhất, hy vọng và cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Dân tộc thiên sai ấy được Chúa Kitô thiết lập để thông dự vào sự sống, bác ái và chân lý, được Người xử dụng như khí cụ cứu rỗi cho mọi người, và được sai đi khắp thế giới như ánh sáng trần gian và muối đất (x. Mt 5,13-16).

Cũng như dân Israel theo xác thịt, khi đang lữ hành trong sa mạc, đã được gọi là Giáo Hội của Thiên Chúa (x. 2Esd 13,1; Ds 20,4; Dnl 23,1tt), dân Israel mới tiến bước trong thời đại này đang tìm về thành thánh tương lai bất diệt (x. Dth 13,14) cũng được gọi là Giáo Hội Chúa Kitô (x. Mt 16,18). Thực vậy, chính Người đã lấy máu mình mà chuộc lấy Giáo Hội đó (x. CvTđ 20,28), Người đổ tràn Thánh Thần và ban các phương thế thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình. Thiên Chúa triệu tập tất cả những người tin kính và mong đợi Chúa Kitô, Đấng ban ơn cứu độ và hiệp nhất, nguyên lý của sự hòa bình; Ngài thiết lập họ thành Giáo Hội để Giáo Hội trở nên bí tích hữu hình của sự hiệp nhất cứu độ ấy cho toàn thể và cho mỗi người 1. Với bốn phận phải lan rộng khắp thế giới, Giáo Hội đi sâu vào lịch sử nhân loại. Tuy nhiên Giáo Hội đồng thời cũng vượt thời gian và biên giới các dân tộc. Tiến bước giữa cơn cám dỗ và đau thương, Giáo Hội vững mạnh nhờ ơn Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã hứa ban, hầu Giáo Hội vẫn hoàn toàn trung tín, sống như một Hiền Thê xứng đáng của Chúa mình, dầu xác thịt yếu hèn, và không ngừng tự đổi mới dưới tác động của Chúa Thánh Thần cho đến ngày, nhờ thánh giá, đạt đến ánh sáng không hề tắt. 10*

10. Chức tư tế cộng đồng. 11* Chúa Kitô, Linh Mục Thượng Phẩm được chọn nơi loài người (x. Dth 5,1-5), để biến dân tộc mới thành một "vương quốc, thành những tư tế cho Thiên Chúa, Cha Người" (Kh 1,6; x. 5,9-10). Thực vậy, những người đã lãnh phép Thánh Tẩy, nhờ được tái sinh và xức dầu của Thánh Thần, được cung hiến để trở thành chỗ ở thiêng liêng và nhận chức tư tế thánh, hầu qua mọi hoạt động của con người Kitô hữu, dâng của lễ thiêng liêng và rao truyền những kỳ công của Đấng đã gọi họ từ bóng tối đến ánh sáng kỳ diệu của Ngài (x. 1P 2,4-10). Vì thế, tất cả các môn đệ của Chúa Kitô, trong khi kiên tâm cầu nguyện và cùng nhau ca tụng Thiên Chúa (x. CvTđ 2,42-47), họ phải dâng mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa (x. Rm 12,1), phải làm chứng về Chúa Kitô trên khắp mặt đất và trình bày niềm hy vọng về cuộc sống vĩnh cửu mà họ ôm ấp cho những ai đang khao khát. (x. 1P 3,15).

Chức tư tế cộng đồng của các tín hữu và chức tư tế thừa tác hay phẩm trật, tuy khác nhau không chỉ về cấp bậc mà còn về bản chất, song cả hai bổ túc cho nhau. Thực vậy, cả hai đều tham dự vào chức linh mục duy nhất của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình 2. Tư tế thừa tác, nhờ có quyền do chức thánh, đào tạo và cai quản dân tộc tư tế, đóng vai trò Chúa Kitô cử hành hy tế tạ ơn và dâng của lễ ấy lên Thiên Chúa nhân danh toàn thể dân chúng. Phần tín hữu, nhờ chức tư tế vương giả, cộng tác dâng thánh lễ 3, và thi hành chức vụ đó trong việc lãnh nhận các bí tích, khi cầu nguyện và tạ ơn, bằng đời sống chứng tá thánh thiện, bằng sự từ bỏ và bác ái tích cực. 12*

11. Hành sử chức tư tế cộng đồng trong các bí tích. 13* Đặc tính thánh thiện và có tổ chức của cộng đoàn tư tế được thể hiện trong hành động nhờ các bí tích và các nhân đức. Các tín hữu tháp nhập vào Giáo Hội bởi phép Thánh Tẩy, và nhờ ấn tích, họ được đề cử thi hành việc phụng thờ Kitô giáo và, được tái sinh làm con Thiên Chúa, họ có bổn phận tuyên xưng trước mặt mọi người đức tin mà họ nhận lãnh từ Thiên Chúa qua Giáo Hội 4. Nhờ ơn bí tích Thêm Sức, họ gắn bó với Giáo Hội cách hoàn hảo hơn và được dư đầy sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần, do đó họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm như những chứng nhân đích thực của Chúa Kitô 5. Khi tham dự thánh lễ, nguồn mạch và chóp đỉnh của đời sống Kitô giáo, họ dâng lên Thiên Chúa Lễ Vật thần linh và cùng với Lễ Vật ấy họ tự dâng chính mình họ 6. Khi dâng lễ cũng như khi hiệp lễ, không phải cách lộn xộn, nhưng mỗi người một cách góp phần vào việc cử hành phụng vụ. Hơn nữa, được bổ dưỡng bởi Mình Thánh Chúa Kitô trong thánh lễ, họ biểu lộ cách cụ thể sự hiệp nhất của Dân Thiên Chúa, sự hiệp nhất ấy được diễn tả đầy đủ và thực hiện cách kỳ diệu trong bí tích cực trọng này.

Những ai đến nhận lãnh bí tích Cáo Giải đều được Thiên Chúa nhân từ tha thứ những xúc phạm đến Ngài. Đồng thời họ được giao hòa cùng Giáo Hội mà tội lỗi họ đã làm tổn thương. Nhưng Giáo Hội hằng nỗ lực lấy đức ái, gương lành và kinh nguyện, để hoán cải họ. Bằng phép Xức Dầu Thánh và lời cầu nguyện của các linh mục, toàn thể Giáo Hội phó thác các bệnh nhân cho Chúa Kitô đau khổ và hiển vinh để Người an ủi và cứu rỗi họ (x. Giac 5,14-16); hơn nữa, Giáo Hội còn thúc giục họ sẵn sàng kết hợp với Chúa Kitô chịu đau khổ và chịu chết (x. Rm 8,17; Col 1,24; 2Tm 2,11-12; 1P 4,13) để mưu ích cho Dân Thiên Chúa. Còn những người trong các tín hữu có hân hạnh lãnh nhận chức Thánh, được đặt lên nhân danh Chúa Kitô để chăn dắt Giáo Hội bằng ân sủng và Lời Thiên Chúa. Sau cùng, nhờ sức thiêng của bí tích Hôn Phối, các đôi vợ chồng Kitô giáo biểu hiện và tham dự mầu nhiệm hiệp nhất và tình yêu phong phú giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (x. Eph 5,32); họ giúp nhau nên thánh trong đời sống hôn nhân, trong việc đón nhận và giáo dục con cái; cũng vì đó, họ được những ơn riêng cho đáng bậc mình trong Dân Chúa 7. Từ sự kết hợp ấy phát sinh ra gia đình, nơi các công dân mới của xã hội loài người được sinh ra, và nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần trong bí tích Thánh Tẩy, họ trở nên con cái Thiên Chúa, hầu Dân Chúa tồn tại mãi trong dòng lịch sử. Trong gia đình như một Giáo Hội nhỏ, ước gì cha mẹ là những người đầu tiên dùng gương lành và lời nói mà truyền dạy đức tin cho con cái, cũng như phải lo chăm sóc đến ơn gọi riêng của từng đứa con, và phải đặc biệt chăm sóc đến ơn kêu gọi làm linh mục.

Được ban cho những phương tiện cứu rỗi dồi dào như thế, mọi Kitô hữu, dù ở địa vị nào, bậc sống nào, đều được Chúa kêu gọi đạt tới sự trọn lành thánh thiện như Chúa Cha trọn lành, tùy theo con đường của mỗi người. 14*

12. Cảm thức của đức tin và đoàn sủng trong Dân Thiên Chúa. Dân Thánh Thiên Chúa cũng tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô bằng cách phổ biến chứng tá sống động về Người, nhất là qua đời sống đức tin và đức ái; và dâng lên Thiên Chúa của lễ ca tụng, hoa trái của những miệng lưỡi ngợi khen thánh Danh Người (x. Dth 13,15). Toàn thể tín hữu, được Chúa Thánh Thần xúc dầu (x. 1Gio 2,20 và 27), không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ đặc tính ấy nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa, khi "từ các giám mục cho đến người giáo dân rốt hết" 8 đều đồng ý về những điều liên quan đến đức tin và phong hóa. Thực vậy, nhờ cảm thức về đức tin được Thánh Thần chân lý khơi dậy và duy trì, dưới sự hướng dẫn và giáo huấn thần linh của Giáo Hội mà họ trung thành tuân theo, Dân Thiên Chúa nhận lãnh không phải lời nói của loài người nữa, mà thực sự là lời của Thiên Chúa (x. 1Th 2,13; họ gắn bó hoàn toàn "với đức tin chỉ một lần được ban bố cho các thánh" (Gđa 3), họ tiến sâu hơn trong đức tin nhờ phán đoán đứng đắn, và sống đức tin cách hoàn hảo hơn.

Hơn nữa, cũng chính Thánh Thần ấy, không chỉ thánh hóa và hướng dẫn Dân Thiên Chúa bằng các bí tích, các chức vụ, và trang điểm họ bằng các nhân đức, nhưng Ngài còn ban phát các ân sủng đặc biệt cho mọi cấp bậc các tín hữu "phân chia ân huệ cho mỗi người theo ý Ngài" (1Cor 12,11), khiến người lãnh nhận các ân sủng ấy có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội như lời chép rằng: "Thánh Thần hiển hiện trong mỗi người hầu mang lại lợi ích" (1Cor 12,7). Phải lãnh nhận những đoàn sủng này, từ các ơn chói lọi nhất đến các ơn thường mà nhiều người lãnh được, với lòng tri ân và yên ủi vì các ơn đó mang ích lợi và phù hợp với nhu cầu của Giáo Hội. Nhưng không nên liêu lĩnh kêu nài những ơn đặc biệt, và cũng đừng vì đó mà tự đắc mong rằng việc tông đồ sinh kết quả. Những vị thủ lãnh trong Giáo Hội có thẩm quyền phán quyết về tính cách chân chính và sự xử dụng hợp lý các ơn lạ ấy; các ngài có nhiệm vụ đặc biệt phải khảo sát tất cả, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để giữ lại những điều thiện hảo (x. 1Th 5,12 và 19-21). 15*

13. Tính cách phổ quát nơi Dân duy nhất của Thiên Chúa. 16* Mọi người được mời gọi gia nhập Dân Tộc mới của Thiên Chúa. Vì thế, Dân mới này, một dân duy nhất và hiệp nhất, có bốn phận phải lan rộng khắp thế giới trải qua mọi thế hệ, hầu hoàn tất kế hoạch của Thánh Ý Thiên Chúa, Đấng từ nguyên thủy đã tạo dựng một bản tính nhân loại duy nhất, và quyết định sau này tập hợp tất cả con cái Ngài tản mát đó đây thành một dân tộc độc nhất (x. Gio 11,52). Chính vì mục đích ấy mà Thiên Chúa đã sai Con Ngài xuống, Đấng mà Ngài đã đặt làm thừa kế vũ trụ (x. Dth 1,2), hầu trở nên Thầy, Vua và Tư Tế cho mọi người, và nên Thủ Lãnh của dân tộc mới và phổ quát của con cái Thiên Chúa. Sau cùng, cũng vì mục đích đó mà Thiên Chúa đã sai Thánh Thần của Con Ngài, là Chúa và là Đấng ban sự sống. Đối với toàn Giáo Hội, với tất cả cũng như với mỗi tín hữu, Thánh Thần là nguyên lý qui tụ và hiệp nhất, trong giáo lý của các Tông Đồ, trong sự hiệp thông, bẻ bánh và kinh nguyện (x. CvĐ 2,42, bản Hy Lạp).

Như thế, Dân duy nhất của Thiên Chúa hiện diện nơi mọi dân nước trần gian. Tuy dân của Nước Ngài là công dân của các nước, song thực ra, đặc tính của Nước ấy không thuộc về thế gian nhưng thuộc về Trời. Quả thực, mọi tín hữu rải rác trên khắp hoàn cầu đều hiệp thông trong Thánh Thần với tất cả các tín hữu khác, và vì thế "kẻ ở Rôma biết rằng người Ấn Độ là chi thể mình" 9. Nhưng vì Nước Chúa Kitô không thuộc về thế gian này (x. Gio 18,36), nên Giáo Hội, tức Dân Thiên Chúa, hợp thành Nước ấy, không loại bỏ bất cứ một phần di sản trần thế nào của các dân tộc; trái lại, Giáo Hội chăm sóc và thu dụng tất cả những gì tốt lành nơi gia sản, nơi nguồn lực và phong hóa của các dân tộc, và khi thu dụng, Giáo Hội tinh luyện, kiện toàn và làm chúng nên cao thượng. Thực vậy, Giáo Hội nhớ rằng mình phải kết hợp với Vua ấy là Đấng đã lãnh nhận các dân nước làm gia nghiệp mình (x. Tv 2,8), và các dân nước mang đến Thành Đô Người của lễ và tặng vật (x. Tv 71 (72),10; Is 60,4-7; Kh 21,24). Đặc tính phổ quát này, tư trang của Dân Thiên Chúa, là một ân huệ do chính Thiên Chúa ban, nhờ đó Giáo

Hội Công Giáo luôn nỗ lực cách hữu hiệu qui tụ toàn thể nhân loại cùng những gì tốt lành nơi họ dưới một Thủ Lãnh là Chúa Kitô, trong sự hiệp nhất với Chúa Thánh Thần 10.

Nhờ đặc tính công giáo ấy, mỗi phần tử mang những ân huệ riêng của mình đến cho các phần tử khác và cho toàn Giáo Hội, do đó toàn thể và mỗi phần tử tăng triển nhờ hiệp thông với nhau và nhờ nỗ lực tiến đến viên mãn trong sự hiệp nhất. Vì thế, Dân Thiên Chúa tạo thành không những do các dân nước qui tụ lại nhưng còn do các chức vụ khác nhau trong nội bộ nữa. Thực vậy, giữa các phần tử trong dân, có nhiều sự khác biệt: hoặc do chức vụ, như những người thi hành thừa tác vụ thánh để mưu lợi ích cho anh em mình, hoặc do hoàn cảnh và nếp sống, như những người sống trong bậc tu trì, cố gắng nên thánh bằng con đường khắc khổ hơn và nêu gương khích lệ anh em. Cũng vì thế, ngay trong sự hiệp thông của Giáo Hội cũng có sự hiện diện hợp pháp của những Giáo Hội địa phương, thừa hưởng những truyền thống riêng, mà vẫn không phương hại đến quyền tối thượng của Tòa Thánh Phêrô, Tòa Thánh này, thủ lãnh toàn thể cộng đoàn đức ái 11, bảo vệ các dị biệt hợp pháp không phương hại, trái lại còn sinh ích cho sự hiệp nhất đó. Cũng vì thế các thành phần khác nhau của Giáo Hội liên kết với nhau bằng mối dây hiệp thông mật thiết về của cải thiêng liêng, về thợ truyền giáo và về sự trợ giúp vật chất. Quả thực, mọi phần tử Dân Thiên Chúa được kêu gọi chia sẻ của cải mình và lời nói sau đây của vị Tông Đồ cũng có giá trị cho mọi Giáo Hội: "Mỗi người hãy tùy theo ơn đã nhận được mà giúp đỡ lẫn nhau, như những quản lý tài ba phân phối mọi thứ ơn của Thiên Chúa" (1P 4,10).

Vì thế mọi người đều được mời gọi vào sự hiệp nhất công giáo này của Dân Thiên Chúa, sự hiệp nhất ấy tiên báo và cổ vũ nền hòa bình phổ quát. Họ thuộc về hoặc hướng về sự hiệp nhất đó dưới nhiều thể cách khác nhau, được sắp xếp hoặc họ là tín hữu công giáo hay là những người tin Chúa Kitô, hoặc sau cùng tất cả mọi người không trừ ai đều được ơn Thiên Chúa kêu mời lãnh nhận phần rỗi. 17*

14. Tín hữu công giáo. 18* Vậy trước tiên, Thánh Công Đồng hướng lòng về các tín hữu công giáo. Dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền, Thánh Công Đồng dạy rằng: Giáo Hội hữu hình này cần thiết cho phần rỗi. Thực vậy, chỉ mình Chúa Kitô là Trung Gian và là đường cứu độ, Người hiện diện giữa chúng ta trong thân thể Người là Giáo Hội; chính Người đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy (x. Mc 16,16; Gio 3,5), đồng thời Người đã xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép Thánh Tẩy. Vì thế, những ai biết rằng Giáo Hội Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu Kitô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia nhập hoặc không muốn kiên trì sống trong Giáo Hội này thì không thể được cứu rỗi.

Được kể là gia nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Giáo Hội, những ai lãnh nhận Thánh Thần Chúa Kitô, chấp nhận trọn vẹn tổ chức và các phương tiện cứu rỗi được thiết lập trong Giáo Hội; và nhờ các mối liên lạc do việc tuyên xưng đức tin, các bí tích, việc cai trị của Giáo Hội và sự hiệp thông, họ liên kết với Chúa Kitô trong tổ chức hữu hình mà Người điều khiển nhờ Giáo Hoàng và các Giám Mục. Dù được tháp nhập vào Giáo Hội, nhưng nếu không kiên trì sống trong đức ái thì vẫn không được cứu rỗi, vì tuy "thể xác" họ thuộc về Giáo Hội, nhưng "tâm hồn" họ không ở trong Giáo Hội 12. Nhưng các con cái của Giáo Hội phải nhớ rằng, địa vị cao trọng của họ không phải do công đức riêng mình, nhưng do đặc ân của Chúa Kitô; nếu họ không đáp lại hồng ân ấy bằng tư tưởng, lời nói và việc làm, thì không những họ không được cứu rỗi mà còn bị xét xử nghiêm khắc hơn 13.

Phần những người dự tòng, nhờ Thánh Thần thúc đẩy, nếu minh nhiên xin gia nhập Giáo Hội, thì do chính ước muốn ấy, họ đã được kết hợp cùng Giáo Hội rồi; và Giáo Hội là Mẹ hiền yêu thương săn sóc họ như con cái mình. 19*

15. Giáo hội và Kitô hữu không công giáo. Với những kẻ đã lãnh phép Thánh Tẩy, mang danh hiệu Kitô hữu, nhưng không tuyên xưng đức tin trọn vẹn, hoặc không hiệp thông với đáng kể vị Thánh Phêrô, Giáo Hội vẫn biết mình có liên hệ với họ vì nhiều lý do 14. Thực vậy, có nhiều người cung kính lấy Thánh Kinh làm mẫu mực cho lòng tin và đời sống, giữ đạo cách

niệt thành, thành thực, hết lòng tin kính Chúa Cha toàn năng, và Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, Con Thiên Chúa 15. Được bí tích Thánh Tẩy ghi ấn, họ kết hợp với Chúa Kitô, họ còn công nhận và lãnh một số bí tích khác trong Giáo Hội, hoặc trong các cộng đồng Giáo Hội của họ. Nhiều người trong họ còn có chức giám mục, họ vẫn cử hành bí tích Thánh Thể và tôn kính Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa 16. Họ cũng hiệp thông trong lời cầu nguyện và các việc lành thiêng liêng khác; hơn nữa, họ thực sự kết hợp trong Chúa Thánh Thần, Đấng cũng dùng ân huệ và thánh sủng tác động trong họ nhờ thần lực thánh hóa của Ngài, và đã củng cố một số người trong họ đi đến chỗ đổ máu tử đạo. Vì thế, Thánh Thần thúc giục hết thảy các môn đệ Chúa Kitô ước muốn và hành động để tất cả được an bình hiệp nhất trong một đàn chiên dưới quyền một Chủ Chăn duy nhất 17, theo cách thức Chúa Kitô đã vạch ra. Để được vậy, Giáo Hội, Mẹ hiền không ngừng cầu nguyện, hy vọng và hành động, cũng như khuyên giục con cái thanh tẩy và canh tân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo Hội. 20*

16. Giáo hội và những người không thuộc Kitô giáo. Sau cùng, những ai chưa lãnh nhận Phúc Âm cũng được an bài bằng nhiều cách để thuộc về Dân Thiên Chúa 18. Trước tiên phải kể dân tộc đã lãnh nhận lời hứa và giao ước, mà bởi dân ấy, Chúa Kitô đã sinh ra theo thể xác (x. Rm 9,4-5). Họ là dân rất được yêu quý, bởi đã được tuyển chọn vì cha ông họ: Thiên Chúa không ân hận gì vì đã ban ơn và kêu gọi họ (x. Rm 11,28-29). Nhưng kế hoạch cứu độ cũng còn bao hàm những ai nhận biết Đấng TẠO HÓA: trước tiên phải kể đến người Hồi Giáo; họ xưng rằng họ giữ đức tin của Abraham; cùng với chúng ta, họ thờ phượng Thiên Chúa duy nhất, nhân từ, Đấng sẽ phán xét loài người trong ngày sau hết. Những kẻ đang tìm kiếm Thiên Chúa trong bóng tối và qua ngẫu tượng, Thiên Chúa mà họ không biết, cả những kẻ ấy, Ngài cũng không xa họ, bởi vì chính Ngài ban cho mọi người sự sống, hơi thở và tất cả mọi sự (x. CvTđ 17,25-28), và vì là Đấng Cứu Thế, Ngài muốn mọi người đều được cứu rỗi (x. 1Tm 2,4). Thực thế, những kẻ vô tình không nhận biết Phúc Âm của Chúa Kitô và Giáo Hội Người, nhưng nếu thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, họ cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong công việc mình theo sự hướng dẫn của lương tâm, thì họ có thể được cứu rỗi 19. Cả những kẻ vô tình chưa nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, nhưng nhờ ơn Chúa, cố gắng sống đời chính trực, thì Chúa Quan Phòng không từ chối ban ơn trợ lực cần thiết để họ được cứu rỗi. Thực vậy, Giáo Hội xem tất cả những gì là chân thiện nơi họ như để chuẩn bị họ lãnh nhận Phúc Âm 20, và như một ân huệ mà Đấng soi sáng mọi người ban cho hầu cuối cùng họ được sống. Nhưng thường con người bị ma quỷ gạt gẫm làm sai lạc phán đoán của mình khiến họ đánh đổi chân lý Thiên Chúa lấy sự giả dối, khiến họ phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng TẠO HÓA (x. Rm 1,21 và 25); hoặc vì họ sống chết như không có Thiên Chúa trên đời này, nên liêu mình rơi vào sự thất vọng tội độ. Vì hàng quan tâm làm vinh danh Thiên Chúa, và cứu rỗi tất cả những người ấy và hằng nhớ lời Chúa truyền: "Hãy rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật" (Mc 16,15), nên Giáo Hội tận tâm lo lắng và cổ vũ việc truyền giáo. 21*

17. Tính cách truyền giáo của Giáo Hội. Như Chúa Cha sai Người thế nào, Chúa Con cũng sai các Tông Đồ như vậy (x. Gio 20,21) khi Người phán: "Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, thanh tẩy họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, hãy dạy dỗ họ vâng giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con. Và đây Thầy sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28,19-20). Lệnh ấy, lệnh mà Chúa Kitô long trọng truyền rao giảng chân lý cứu rỗi, Giáo Hội đã nhận lãnh từ các Tông Đồ để chu toàn khắp cõi đất (x. CvTđ 1,8). Vì thế, Giáo Hội xem lời sau đây của Thánh Tông Đồ như lời của mình: "Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm" (1Cor 9,16), và vì thế Giáo Hội không ngừng gửi sứ giả Phúc Âm cho đến khi các Giáo Hội trẻ được trưởng thành hoàn toàn và tự mình tiếp tục việc rao giảng Phúc Âm. Chúa Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội cộng tác với Ngài để hoàn tất trọn vẹn kế hoạch của Thiên Chúa là Đấng đã đặt Chúa Kitô làm nguyên lý cứu độ cho cả thế giới. Bằng việc rao giảng Phúc Âm, Giáo Hội sửa soạn cho người nghe đón nhận và tuyên xưng đức tin, và chuẩn bị cho họ lãnh phép Thánh Tẩy, đưa họ ra khỏi cảnh nô lệ của sự lầm lạc, tháp nhập họ vào thân thể Chúa Kitô, hầu nhờ đức ái, họ tăng triển mãi trong Người cho đến khi đạt tới viên mãn. Thực ra, những gì thiện hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc,

hoạt động của Giáo Hội không nhằm tiêu diệt chúng, nhưng lành mạnh hóa, nâng cao và hoàn thành chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người. Mỗi môn đệ Chúa Kitô đều có bổn phận góp phần truyền bá đức tin 21. Tuy bất cứ ai cũng có thể ban phép Thánh Tẩy cho những kẻ tin, nhưng chỉ có linh mục mới hoàn tất, xây dựng Nhiệm Thể bằng hy lễ tạ ơn, làm trọn lời Thiên Chúa đã phán qua miệng tiên tri: "Từ đông sang tây, Danh Ta sẽ được lừng lẫy khắp muôn dân; khắp nơi đều sát tế và dâng lễ vật thanh sạch kính Danh Ta" (Mal 1,11) 22. Như thế Giáo Hội vừa cầu nguyện vừa hoạt động để toàn thể vũ trụ biến thành Dân Thiên Chúa, Thân Thể Chúa Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần, và trong Chúa Kitô là thủ lãnh muôn loài, mọi danh dự và vinh quang được dâng lên Chúa Cha Đấng Tạo Thành vũ trụ. 22*

Chú Thích:

9* Chương nhất của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội bàn về màu nhiệm Giáo Hội đặc biệt trong chiều hướng ngoài thời gian. Chương hai trình bày hình ảnh màu nhiệm Giáo Hội cụ thể của Chúa Giêsu Kitô trong chiều hướng lịch sử: sự xuất hiện, bản tính là Dân Thiên Chúa đang trong cuộc hành trình, sự bành trướng của Giáo Hội trong không gian và thời gian. Lịch sử tính phổ quát của màu nhiệm Giáo Hội - như số 8 đã khai mào - có thể diễn tả một cách tổng hợp như sau: Giáo Hội là Dân Thiên Chúa trên đường lữ hành qua lịch sử thánh, bắt đầu từ lúc Israel được Chúa gọi đi tới Giáo Hội với những chiều hướng phổ quát của cuộc hoàn tất trong sự hiệp thông với Chúa Ba Ngôi. Công Đồng đã lưu tâm xây dựng khoa Giáo Hội học dựa trên lịch sử cứu rỗi, như thế là trở về với dự kiến nền tảng của khoa Giáo Hội học thời Giáo Hội sơ khai mà khoa thần học thời Trung Cổ (ít quan tâm đến lịch sử), thời chống phái Cải Cách (nhấn mạnh đặc biệt tới khía cạnh phẩm trật), thuộc thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ XX (khám phá ra đặc tính huyền thiêng của Giáo Hội và khai triển ý niệm tĩnh về Nhiệm Thể) đã bỏ qua. Dự kiến nền tảng ấy như sau: chỉ mình Giáo Hội Chúa Kitô là sự hoàn tất hợp pháp của dân tộc mang lời hứa Cựu Ước; cộng đoàn con người là Giáo Hội (với những nhiệm vụ, vai trò và trách nhiệm khác nhau) mặc hình thức một dân tộc được triệu tập và liên kết bởi một Tân Ước tiếp nối cho Cựu Ước. Triệu tập là tiếp tục lời mời đối với Israel trước đây, nhưng không còn dành riêng cho một chủng tộc nào nữa: từ nay trong Tân Ước, lời mời gọi của Thiên Chúa qua Máu Chúa Kitô sẽ đến với mọi người. Như thế Giáo Hội được coi như Dân Thiên Chúa đang tiến tới viên mãn dưới Thần Khí Chúa Kitô. Dự kiến ấy là nền tảng cho tất cả những khai triển của Hiến Chế. Để có thể cân nhắc chính xác vai trò của các hạng người trong Giáo Hội (phổ quát tính của Dân Chúa), cần phải định vị các nhóm này (giáo phẩm, giáo dân, tu sĩ) trong toàn thể Dân Chúa: "Dân Chúa nơi đây phải hiểu là cả mục tử lẫn con chiên... Phải nhìn Dân Chúa trong toàn diện; có vậy mới thấy rõ trách vụ của mục tử là cung ứng cho con chiên những phương thế cứu rỗi, và ơn gọi của con chiên là phải cộng tác với mục tử để truyền bá Phúc Âm và mở mang Giáo Hội" (Rel. Gen.). Trước khi đề cập chi tiết đến những hạng người khác nhau, cần phải mô tả cộng đoàn và cho biết yếu tố chung của mỗi người, tức là: phải thuộc về Dân Thiên Chúa như là nơi tập hợp các tín hữu.

Ý niệm về Dân Thiên Chúa giữ một vị trí then chốt trong toàn thể Hiến Chế và nói lên hai điểm:

a) Sự liên tục lịch sử của kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa thực hiện trong màu nhiệm Giáo Hội, như là dân mới của Tân Ước với đặc tính đón nhận mọi người;

b) Cộng đoàn sống trong đức tin của tất cả những nhóm và những hạng người tạo thành Dân Thiên Chúa.

Chương này có kết cấu đơn giản. Sau phần nhập đề về Dân Thiên Chúa cách tổng quát (số 9), phần nhất mô tả địa vị chung và đồng nhất cho mọi Kitô hữu được Chúa chọn để tham dự vào Dân Ngài: Dân Thiên Chúa là dân tư tế (các số 10-12). Phần hai bàn về ơn gọi phổ quát

- công giáo tính - của Dân Chúa, ý định được cụ thể hóa trong lịch sử Dân Ngài. Công Đồng cố gắng bày tỏ sao cho những hạng người khác nhau nói lên mối tương quan với Dân Thiên Chúa, là sự phổ diễn lịch sử của mầu nhiệm cứu độ phổ quát (các số 13-16). Phần kết luận của chương này nói về Chúa Thánh Thần là Đấng xướng xuất ra phổ quát tính ấy mà những sứ mệnh của Ngài là biểu tượng sống động.

1 Xem T. Cyprianô, Epist. 69, 6 : PL 3, 1142 B ; Hartel 3 B, trg 754: "bí tích hiệp nhất bất khả phân ly".

10* Số 9: Giao ước mới và dân tộc mới.

Thần học về Dân Thiên Chúa được trình bày qua ba giai đoạn:

a) Ý định hữu hiệu của Thiên Chúa muốn cứu vớt nhân loại qua việc Chúa làm cho nhân loại trở thành một dân tộc mà Israel cũ là hình bóng chuẩn bị trước. Dân tộc mới của Chúa kế nghiệp dân tộc cũ và cũng dành cho mình những tước hiệu của dân tộc cũ (số 9a).

b) Những chiều hướng của dân tộc mới: có thủ lãnh là Chúa Kitô, có qui chế là chức vị và sự tự do của các con cái Chúa, có luật pháp là giới răn mới, có không gian là phổ quát tính, có cùng đích là Nước Trời. Nó vượt quá biên cương một quốc gia để tiến tới mọi quốc gia (số 9b).

c) Dân tộc mới này là Giáo Hội Chúa Kitô. Vì chính trong dân ấy mà ý định cứu rỗi đạt được mục đích là qui tụ các con cái tản mát của Thiên Chúa về hiệp nhất. Nhờ các con cái ấy mà Dân Thiên Chúa tạo thành Giáo Hội để Giáo Hội trở nên bí tích hữu hình của một ơn cứu rỗi. Giáo Hội là Dân Thiên Chúa luôn tiến tới viên mãn là Nước Trời. Bền rễ trong lịch sử, thiết lập trên trái đất và giữa trần gian, Giáo Hội đang trên đường đi về Giêrusalem thiên quốc (số 9c; x. số 5 và chương VIII).

11* Các số 11-12: Dân tư tế.

Dân tộc này là một dân "tư tế". Công Đồng giải thích vắn tắt bản tính của chức tư tế (số 10) và việc thi hành chức vụ ấy (các số 11-12).

2 Xem Piô XII, Huấn từ Magnificate Dominum, 2-11-1954 : AAS 46 (1954), trg 669. Tđ. Mediator Dei, 20-11-1947 : AAS 39 (1947), trg 555.

3 Xem Piô XI, Tđ. Miserentissimus Redemptor, 8-5-1928 : AAS 20 (1928), trg 171t. Piô XII, Huấn từ "Vous nous avez", 22-9-1956 : AAS 48 (1956), trg 714.

12* Số 10: Bản tính của chức tư tế cộng đồng.

Công Đồng đi theo đường lối truyền thống khi quả quyết là người đã chịu phép Thánh Tẩy đều được thánh hiến để lãnh nhận chức tư tế thánh. Quả thực, Dân Thiên Chúa tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô vì là dân tộc được thừa hưởng những đặc ân của dân tư tế mà Thiên Chúa đã tuyển chọn và dành riêng cho Ngài trên núi Sinai. Chúa Kitô đã được thánh hiến để trở thành vị Tư Tế (tức là vị Trung Gian của Tân Ước), nhờ Ngôi Hiệp. Chức vụ tư tế ấy được Dân Thiên Chúa tham dự, trở thành chung cho mọi tín hữu nhờ phép Thánh Tẩy. Công Đồng gọi là "chức tư tế cộng đồng". Chúa Kitô biến dân này thành một cộng đoàn được thánh hiến. Người theo đuổi sứ mệnh của Người trong mỗi tín hữu, mỗi phần tử của Dân Thiên Chúa. Ai chịu phép Thánh Tẩy để vào Giáo Hội, thì cũng đều nhận được sự thánh hiến tư tế này, nghĩa là, Chúa Kitô cho người đó tham dự vào chức tư tế, và sứ mệnh tiên tri và vào chức vụ vương giả của Người (số 10a).

Nhưng phải phân biệt chức tư tế cộng đồng này với chức tư tế thừa tác được trao phó cho một số người đã chịu phép Thánh Tẩy. Chức tư tế thừa tác bao gồm quyền hành trên Dân Thiên Chúa. Cả hai chức tư tế đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô, và có liên quan với nhau: chức tư tế cộng đồng hoàn tất nhờ chức tư tế thừa tác và chức tư tế thừa tác dựa trên chức tư tế cộng đồng (số 10b).

13* Các số 11-12: Việc thi hành chức tư tế cộng đồng.

Việc thi hành bao gồm hai nhiệm vụ riêng cho Dân Chúa: tham dự vào các bí tích và chứng tá cho đức tin.

4 Xem T. Tôma, Summa Theol. III, q.63, a.2.

5 Xem T. Cyrillô Hieros., Catech. 17, về Chúa Thánh Thần, II, 35-37 : PG 33, 1009-1012. Nic. Cabasilas, De vita in Christo, C. III, về lợi ích của dầu thánh: PG 150, 569-580. T. Tôma, Summa Theol. III, q. 95, a.3 và q. 72, a.1 và 5.

6 Xem Piô XII, Tđ. Mediator Dei, 20-11-1947 : AAS 39 (1947), nhất là trg 552 t.

7 1Cor 7,7: "Mỗi người Chúa ban cho ơn riêng (idion charisma), người được ơn này, người được ơn kia". Xem T. Augustinô, De Dono Persev. 14, 37 : PL 45, 1015t: "Không những tiết dục, nhưng cả khiết tịnh của đôi bạn cũng là ơn Chúa ban".

14* Số 11: Tham dự vào các bí tích.

Chức tư tế cộng đồng biểu thị tính chất một cộng đoàn có tổ chức hệ thống nên phải được thi hành bằng những phương tiện có hệ thống và hữu hình. Bí tích chiếm hàng đầu, nhưng cũng đừng bỏ qua những nhân đức Kitô giáo do các bí tích truyền thông và thăng tiến nhờ chính những hoạt động của chúng. Đoạn này nhắc cho chúng ta ý niệm thần học cổ điển đã nói trong Thông điệp "Mediator Dei": việc tham dự vào các bí tích (không phải chỉ tiếp nhận thụ động, nhưng phải tiếp nhận trong sự thấu suốt bằng đức tin) là sự thi hành chức tư tế ấy. Thực ra, Công Đồng nhấn mạnh tới hiệu quả mà bí tích mang lại cho đời sống Kitô hữu hơn là tới chính việc tham dự vào quyền tư tế của Chúa Kitô. Thần học sẽ còn phải đào sâu về quyền tư tế, một thứ quyền chủ động, trên bình diện toàn thể Dân Chúa.

8 Xem T. Augustinô, De Praed. Sanct. 14,27 : PL 44, 980.

15* Số 12: chứng tá cho đức tin.

Hiện chế coi việc tuyên xưng đức tin Kitô giáo liên quan tới chức vụ tư tế cộng đồng và đặc tính vô ngộ của đức tin nơi toàn thể Dân Thiên Chúa là do Chúa Thánh Thần linh ứng. Đức tin này không chỉ là việc tuân theo các lời giáo huấn của Giáo Hội, các công thức Giáo Hội đề ra, nhưng còn diễn tả một "ý thức" sâu thẳm do Chúa Thánh Thần ghi tạc trong Dân Chúa, ý thức ấy giúp phân biệt chân lý, vững tâm chấp nhận chân lý mà không sợ sai lầm. Những chân lý ấy được Công Đồng quảng diễn theo ba cách:

a) Trước hết mỗi dây liên lạc giữa chức tư tế cộng đồng với sứ mệnh tiên tri của Chúa Kitô, sứ mệnh mà Dân Chúa tham dự và cũng nhờ đó mới có thể minh chứng đức tin.

b) Ý thức đức tin có ảnh hưởng trong cộng đoàn nhờ việc Chúa Thánh Thần xức dầu, và như vậy chính tín hữu, được soi sáng trong tâm hồn, sẽ phân biệt giáo lý chân chính với tà thuyết.

c) Trong ý thức đức tin, người ta có thể nhận ra một đoàn sủng được trao ban cho toàn thể cộng đoàn, và biểu lộ bằng những ân sủng đặc biệt do Chúa Thánh Thần tự do ban phát vì lợi ích cộng đoàn. Các đoàn sủng bày tỏ quyền năng hoạt động của Chúa Thánh Thần trong Dân Chúa. Tuy nhiên, các thủ lãnh của Giáo Hội phải cho biết giá trị chính thực của những ân sủng đặc biệt này.

16* Các số 13-16: Công giáo tính của một Dân Thiên Chúa.

Từ số 13, Công Đồng bắt đầu một khai triển mới, nhấn mạnh tới điều cốt yếu của hiệp nhất công giáo, nghĩa là tới sự hiệp nhất của Giáo Hội đang lan rộng khắp cả thế giới. Để quả quyết cho đặc điểm công giáo tính này, Công Đồng chú trọng đến ý định cứu rỗi của Thiên Chúa (1Tm 2,3). Có hai hiệu quả là, một đảng Giáo Hội tự mình phải lan rộng đến mọi dân tộc; đảng khác, mọi người có thiện chí, dù sống trong tình trạng nào đi nữa, thì cũng hoặc thuộc về Giáo

Hội, hoặc có tương quan với Giáo Hội, hoặc hướng về Giáo Hội. Chủ đề được khai triển trong hai phần: phần nhất bàn về các nguyên tắc (số 13), và phần hai trình bày những áp dụng cụ thể.

9 Xem T. Gioan Kim Khẩu, In Jo., bài giảng 65, 1 : PG 59, 361.

10 Xem T. Ireneô, Adv. Haer. III, 16, 6; 22, 1-3 : PG 7, 925C - 926A và 955C - 958A; Harvey 2, 87t. và 120-123; Sagnard, x.b. Sources Chrét. Trg 290-292 và 372tt.

11 Xem T. Inhaxiô Tử Đạo, Ad Rom., Lời mở đầu : x.b. Funk, I, trg 252.

17* Số 13: Công giáo tính cứ luật của Giáo Hội.

Số 13 đã được sửa đổi hầu hết trong lần tu chính sau cùng. Theo thuyết trình viên thì "chủ đích của bản văn này là trình bày những nguyên tắc của hiệp nhất tính và phổ quát tính của Dân Chúa, trước khi mô tả những phương thức khác nhau làm cho con người liên kết với Dân Chúa (các số 14-16). Bởi vậy, đoạn này chính là gạch nối giữa hai phần của chương hai: phần đầu nói lên những đặc tính tổng quát của Dân Chúa, phần sau bàn về các thành phần, hoặc hiện là thành phần, hoặc là thành phần trong tiềm năng" (Rel. Gen.).

Những chủ đề được quảng diễn như sau:

a) Đoạn đầu (13a) chỉ nhấn mạnh tới sự hiệp nhất nối kết Giáo Hội mọi lúc và mọi nơi. Thiên Chúa đã muốn qui tụ toàn thể nhân loại trong Con của Ngài nhờ hoạt động hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, và còn muốn nối kết nhân loại trong Giáo Hội của Chúa Kitô. Sự hiệp nhất thấy được trong việc bẻ bánh và trong kinh nguyện.

b) Đoạn hai (13b) khai triển ý tưởng Dân Chúa hiện diện trong mọi quốc gia trên mặt đất mà không đồng hóa với một quốc gia nào. Dân Chúa phổ quát theo sự lan rộng về địa lý nhưng lại vượt quá biên cương mọi quốc gia do đặc tính siêu việt và do sự kiện bắt nguồn từ Thiên Chúa. Chính thế mà mọi dân mọi nước khác biệt lại trở thành anh em và sự hiệp nhất của Dân Chúa có tính cách "công giáo" thực sự. Chủ đề thu-về-một-mối được áp dụng triệt để.

c) Nhờ đặc tính công giáo ấy, tất cả các phần tử Dân Chúa đặt mọi của cải và ân huệ riêng biệt của mình làm của chung. Cơ cấu nội tại của sự hiệp nhất công giáo của Giáo Hội thật phức tạp. Bởi vậy mới có sự dị biệt hiệp nhất trong mọi tầng lớp của Dân Chúa và mọi phần tử phải hợp tác vào sự hiệp nhất dị biệt. Ngay trên bình diện Giáo Hội, cũng cần phải có các giáo hội địa phương khác biệt nhau nhưng bổ túc cho nhau, mà không phương hại tới sự hiệp nhất. Hủy bỏ mọi khác biệt sẽ tạo nên tình trạng nhàm chán nghèo nàn, và là lý do gây nguy hại cho chính việc hiệp nhất. Nhưng muốn cho sự dị biệt sinh hiệu quả phong phú, cần phải có yếu tố thông hảo trong đức ái. Trong chiều hướng ấy, Giáo Hội Rôma là năng lực cai trị và là sự thống nhất các nguyên tắc nhờ trung thành với đức ái (13c).

Trong câu kết luận (13d) sửa soạn cho phần khai triển kế tiếp, Công Đồng tái xác nhận việc mọi người được mời gọi tới ơn cứu rỗi trong Dân Chúa, nhưng mức độ tham dự và qui hướng tới Dân Chúa lại rất khác nhau, tùy như người đó đã chịu phép Thánh Tẩy hay mới chỉ là những người được định hướng tới Giáo Hội mà chính họ không hay biết. Để nói lên sự khác nhau đó, Công Đồng xử dụng hai động từ: *pertineri* và *ordinari*. Chỉ những ai chịu phép Thánh Tẩy đúng ra mới thuộc về Dân Chúa, còn những người khác hướng về Dân Chúa tùy như mức độ và thiện chí của họ. Cũng như sự lôi cuốn giữa Cha và Con mà Giáo Hội được tham dự, Giáo Hội cũng lôi kéo đến mình tất cả mọi người không trừ ai, bởi vì mọi người đều qui hướng về Giáo Hội do ý định cứu rỗi phổ quát.

18* Các số 14-16: Tình trạng con người tương quan với Giáo Hội.

Đối với Giáo Hội, không ai ở ngoài cuộc cả. Trong cố gắng cụ thể hóa dựa vào những nguyên tắc đã đề ra, Công Đồng cứu xét, giữa các hạng người khác nhau trong tình trạng cụ thể của họ, đâu là mối tương quan của họ với Giáo Hội, là Dân Chúa, là bí tích hữu hình và phổ quát của ơn cứu rỗi. Vậy nên Công Đồng cứu xét sự liên lạc của những người công giáo với

Giáo Hội (số 14), của các Kitô hữu ly khai (số 15), của các người ngoài Kitô giáo có thiện chí (số 16).

12 Xem T. Augustinô, Bapt. c. Donat. V, 28, 39 : PL 43, 197: "Hiển nhiên, khi nói trong và ngoài Giáo Hội, phải hiểu là trong tâm hồn chứ không phải trong thân xác". Xem n.v.t., III, 19, 26: cột 152; V, 18, 24; cột 189; In Jo., Tr. 61, 2 : PL 35, 1800, và nơi khác.

13 Lc 12,48: "Lại đã trao phó cho ai nhiều, kẻ ấy cũng bị đòi hỏi nhiều hơn". Xem Mt 5,19-20; 7,21-22; 25,41-46; Giac 2,14.

19* Số 14: Các tín hữu công giáo.

Công Đồng bắt đầu từ các tín hữu. Bản văn gồm 3 phần:

a) Phần nhất xác quyết Giáo Hội cần cho phần rỗi, bằng những hạng từ tổng quát dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền. Có thuộc về Giáo Hội thì mới được cứu rỗi vì chỉ có một vị Trung Gian cho ơn cứu độ là Chúa Kitô, Đấng hiện diện trong Giáo Hội là Thân của Người. Hơn nữa, Chúa cũng đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và phép Thánh Tẩy để dẫn đưa chúng ta vào Giáo Hội. Nhưng, như Công Đồng đã minh định, hai yếu tố đó cần thiết với điều kiện là phải biết Thiên Chúa đã nhờ Chúa Giêsu Kitô mà thiết lập Giáo Hội như phương tiện cần thiết. Nói bằng những hạng từ tổng quát thì sự cần thiết phải được giải thích như sau: người tự lỗi riêng mình mà ở ngoài Giáo Hội, phải chịu trách nhiệm về án phạt mình. Công Đồng vẫn tôn trọng trường hợp vô tri bất khả thắng cứ thực hay cứ luật của biết bao nhiêu người trên thế giới (số 14a).

b) Phần hai giải thích sự gia nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Giáo Hội. Sự gia nhập này thực hiện qua những điều kiện bên ngoài như chịu phép Thánh Tẩy, tuyên xưng đức tin, thông hảo với giáo phẩm trong tinh thần tuân phục. Nhưng hơn thế nữa, còn đòi phải có Thánh Thần Chúa Kitô. Chỉ tham dự thuần bên ngoài mà thôi không đủ. Ngoài những yếu tố hữu hình, phải có dây liên lạc với Thánh Thần, tâm hồn phải thuộc về Chúa Kitô, nghĩa là sống trong đức ái và xa lánh tội lỗi. Một sự gia nhập trọn vẹn giả thiết có thể có những mối dây liên lạc bất toàn. Chúng ta sẽ xét đến những mối dây đó trong những đoạn sau (số 14b).

c) Phần ba bàn về các người dự tòng. Chắc hẳn không thể liệt kê họ vào số những người không công giáo, dù họ mới chỉ đang trên đường đi tới việc tháp nhập vào Giáo Hội. Họ đã minh nhiên thỉnh nguyện để được gia nhập, và do ý muốn minh nhiên ấy mà họ được liên kết với Giáo Hội. Chỉ ý muốn này thôi cũng đủ để thuộc về Giáo Hội và đạt tới ơn cứu rỗi khi hoàn cảnh không cho phép họ lãnh nhận phép Thánh Tẩy.

14 Xem Lêô XIII, Tông thư Praeclara gratulationis, 20-6-1894 : AAS 26 (1893-94), trg 707.

15 Xem Lêô XIII, Tđ. Satis Cognitum, 29-6-1896 : AAS 28 (1895-96), trg 738. Tđ. Caritatis studium, 25-7-1898 : AAS 31 (1898-99), trg 11. Piô XII, Diễn văn truyền thanh Nell Alba, 24-12-1941 : AAS 34 (1942), trg 21.

16 Xem Piô XI, Tđ. Rerum Orientalium, 8-9-1928 : AAS 20 (1928), trg 287. Piô XII, Tđ. Orientalis Ecclesiae, 9-4-1944 : AAS 36 (1944), trg 137.

17 Xem Giáo huấn của Bộ thánh vụ, 20-12-1949 : AAS 42 (1950), trg 142.

20* Số 15: Những mối dây liên lạc của Giáo Hội đối với các Kitô hữu không công giáo.

Đoạn này coi là căn bản và tóm lược điều mà Sắc lệnh về Hiệp Nhất sẽ trình bày: nền tảng thần học của việc Hiệp Nhất. Công Đồng vẫn công nhận các anh em ly khai là Kitô hữu, dầu họ không tuyên xưng một đức tin trọn vẹn hoặc không hiệp thông với Đấng kế vị Thánh Phêrô. Sau đó, Công Đồng liệt kê những mối dây liên lạc khác nhau nối kết Giáo Hội với anh em ly khai: dây hữu hình như Thánh Kinh, đức tin vào Thiên Chúa Cha và Chúa Kitô, phép Thánh Tẩy và một số bí tích khác; dây vô hình như sự kết hợp thiêng liêng qua kinh nguyện, qua sự

trao đổi những việc lành siêu nhiên; sự kết hiệp chính thực nhưng bất toàn: đó là hai khía cạnh của một sự kết hiệp mà ngày nay trở thành rộng rãi hơn.

18 Xem T. Tôma, *Summa Theol.* III, q. 8, a. 3 ad 1.

19 Xem Thư của Bộ thánh vụ gửi cho Tổng giám mục Boston: Dz 3869 - 72.

20 Xem T. Eusebiô Caes., *Praeparatio Evangelica*, 1, 1: PG 21, 28 AB.

21* Số 16: Tình trạng của các người ngoài Kitô giáo đối với Giáo Hội.

Số này muốn phác họa một khoa thần học về những tôn giáo ngoài Kitô giáo mà Tuyên Ngôn về các Tôn Giáo này sẽ lập lại và đào sâu hơn. Công Đồng xác quyết ba đề xướng thần học:

a) Tất cả những người ngoài Kitô giáo đều được qui hướng về Dân Chúa, do hiệu quả của ý muốn cứu rỗi phổ quát. Công Đồng xếp họ thành những lớp khác nhau tùy theo đặc tính qui hướng về Giáo Hội hữu hình. Một vài tôn giáo như Do Thái Giáo và Hồi Giáo, còn bảo trì Cựu Ước và đức tin của Abraham, thì qui hướng nhiều hơn. Đối với các tôn giáo khác, nỗ lực tìm về "một Thượng Đế chưa được biết đến" mà ai cũng có thể có được, phần nào chứng tỏ Thiên Chúa muốn lôi kéo họ đến với Ngài là Thiên Chúa Chân Thật.

b) Sự qui hướng ấy được thực hiện nhờ ân sủng. Ân sủng hỗ trợ hữu hiệu khiến mọi người thiện chí sống một đời ngay thẳng, và trong các việc làm biết nỗ lực chu toàn ý muốn của Thiên Chúa mà họ nhận ra qua tiếng lương tâm.

c) Tuy nhiên, nhiều trở ngại (về suy lý, tâm lý, thực tiễn) khiến cho việc tìm về Thiên Chúa trở thành hết sức khó khăn, có thể làm cho họ phải thất vọng.

Tựu trung, đối với những người ngoài Kitô giáo có thiện chí, Thiên Chúa sẽ đưa họ tới Giáo Hội bằng ân sủng của Ngài. Ngoài ra, "tôn giáo" họ theo cũng nâng đỡ họ và ngoại cảnh xã hội (chuẩn bị cho Phúc Âm) còn giúp họ sống ngay chính theo lương tâm. Và như vậy họ được qui hướng tới Giáo Hội.

Những trở ngại mà các người ngoài Kitô giáo gặp phải trên đường tìm về Thiên Chúa giúp ta nhận rõ tầm quan trọng của việc truyền giáo trong đời sống Giáo Hội. Ở số cuối cùng trong chương hai này, Công Đồng lập lại tính cách phổ quát của Dân Chúa dưới khía cạnh đặc biệt là nỗ lực truyền giáo.

21 Xem Benedictô XV, Tông thư *Maximum illud*: AAS 11 (1919), trg 440, nhất là trg 451tt. Piô XI, Tđ. *Rerum Ecclesiae*: AAS 18 (1926), trg 68-69. Piô XII, Tđ. *Fidei Donum*, 21-4-1957: AAS 49 (1957), trg 236-237.

22 Xem Didachê, 14: x.b. Funk I, trg 32. T. Giustinô, Dial. 41: PG: 6, 564, T. Ireneô, Adv. Haer. IV, 17,5: PG 7, 1023; Harvey, 2, trg 199t. CĐ Trentô, khóa 22, ch. 1: Dz 939 (1742).

22* Số 17: Đặc tính truyền giáo của Giáo Hội.

Một số người công kích vì dựa vào những sự mập mờ của những công cuộc truyền giáo và vì chủ trương giản dị rằng người lương chỉ cần có thiện chí và với ơn Chúa giúp cũng có thể được cứu rỗi; để chống lại, Công Đồng đã quả quyết việc truyền giáo cần thiết trong viễn tượng phổ quát riêng biệt của chương hai này. Quả quyết bằng cách định nghĩa rõ ràng mục đích việc truyền giáo và những nguyên tắc của việc tông đồ. Sau đây là những chủ đề:

a) Việc truyền giáo đặt nền tảng trong sứ mệnh của Ba Ngôi. Như Cha đã sai Con mình, Đấng Cứu Thế cũng sai các Tông Đồ đi rao giảng, thánh hóa và chữa lành; Giáo Hội có nhiệm vụ phải lưu truyền sứ mệnh ấy. Đó là lý do khiến Giáo Hội tồn tại. Giáo Hội là Giáo Hội truyền giáo do huấn lệnh truyền giáo (Mt 28,19-20).

b) Đối tượng riêng của việc truyền giáo khi thi hành sứ mệnh đã lãnh nhận, không những là rao giảng Chúa Kitô, nhưng còn phải thiết lập các Giáo Hội bản xứ, và chính những Giáo Hội này cũng mang tính cách truyền giáo nơi người đồng hương của mình. Hoạt động truyền giáo là chuẩn bị cho con người đón nhận đức tin và phép Thánh Tẩy, giữ bỏ làm lạc để gia nhập Giáo Hội. Làm thế là thừa nhận và thanh tẩy cho thành tựu tất cả những mầm mống thiện hảo trong tâm hồn mọi người và mọi dân tộc (chuẩn bị cho Phúc Âm).

c) Môn đệ nào của Chúa Kitô cũng có nhiệm vụ này. Nhưng chính những Linh Mục có một nhiệm vụ không thể thay thế được. Tất cả Giáo Hội sẽ nhờ kinh nguyện và việc làm để cố gắng thực hiện lần lần sự sung mãn của Dân Chúa, vì vinh quang Chúa Cha trong Chúa Kitô.

Một khoa thần học truyền giáo chính đáng phải lưu ý tới ba khía cạnh mà Công Đồng đã nêu ra đây: vấn đề là phải biết tổng hợp cả ba khía cạnh: khía cạnh nhân loại bản vị (ơn cứu độ của con người), khía cạnh Giáo Hội (việc thiết lập Giáo Hội) và tương quan của cả hai với một ý niệm tập trung về Chúa Kitô và Ba Ngôi.

Trong hai chương trên, Công Đồng đã đặt nền móng vững chắc cho một khoa Giáo Hội học chính thức. Việc mô tả các cơ cấu của Giáo Hội trong các chương sau cũng sẽ dựa trên những nền tảng tín lý đó. Các chương sau này phải được quan niệm dưới ánh sáng mạc khải về mẫu nhiệm Giáo Hội và Dân Chúa thì mới có giá trị đích thực.

VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CƠ CẤU HÀNH CHÍNH MÀ LÀ CÂU CHUYỆN VỀ TÌNH YÊU” (ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ)

WHĐ (25.04.2013) – Giáo hội không phải là một cơ cấu hành chính, nhưng là câu chuyện về tình yêu. Nếu “Giáo hội lập ra các cơ quan và trở nên phần nào quan liêu, Giáo hội sẽ đánh mất bản chất chính yếu của mình và có nguy cơ biến thành một tổ chức phi chính phủ. Nhưng Giáo hội không phải là một tổ chức phi chính phủ”.

Đức Thánh Cha đã lặp đi lặp lại ý tưởng trên trong Thánh Lễ sáng thứ Tư 24-04 tại nhà nguyện của Nhà khách Thánh Martha. Trong số những người hiện diện, có các nhân viên của Viện Giáo vụ (IOR). Vì vậy Đức Thánh Cha nhấn mạnh: “Giáo hội là một câu chuyện về tình yêu ... Nhưng ở đây có các nhân viên IOR ... tôi xin lỗi, ... có những thứ cần thiết, cần có các văn phòng... Vâng! Nhưng chỉ cần đến một mức độ nào đó: như một sự trợ giúp cho câu chuyện về tình yêu này. Nhưng khi tổ chức chiếm vị trí ưu tiên, tình yêu sẽ rơi xuống hàng thứ yếu và Giáo hội, đáng buồn thay, sẽ trở thành một tổ chức phi chính phủ. Và đây không phải là con đường đi tới”.

Các bài đọc trong Thánh lễ hôm nay kể lại câu chuyện cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên phát triển và gia tăng số môn đệ. Đức Thánh Cha nói, đó là điều tốt, nhưng điều đó có thể đẩy người ta đến chỗ “mặc cả” để có “nhiều người hơn tham gia vào liên doanh này”. “Thay vào đó, con đường mà Chúa Giêsu muốn cho Giáo hội của Người đi theo là con đường khác: con đường của những khó khăn, con đường thập giá, con đường của bách hại... Và điều này khiến chúng ta tự hỏi: Giáo hội này là gì đây, Giáo hội của chúng ta như thế chẳng có vẻ gì giống như một nghiệp đoàn của con người”. Giáo hội là “điều gì hơn thế nữa”. Không phải các môn đệ đã xây dựng Giáo hội. Họ chỉ là những sứ giả được Chúa Giêsu sai đi và Chúa Kitô cũng được Chúa Cha sai đi. Giáo hội được sinh ra từ trái tim của Chúa Cha, Đấng đã có ý tưởng này –hay đúng hơn, đã có tình yêu này– là câu chuyện về tình yêu, đã bắt đầu và cứ kéo dài mãi mà vẫn chưa kết thúc. Chúng ta đang ở giữa câu chuyện về tình yêu ấy: mỗi người chúng ta là một mắt xích trong chuỗi tình yêu ấy. Và nếu chúng ta không hiểu được điều này, chúng ta cũng chẳng hiểu gì về Giáo hội.

“Giáo hội không phát triển nhờ sức mạnh của con người: một số Kitô hữu đã có những sai lầm vì lý do lịch sử, họ đã đi sai, họ đã có quân đội, và họ tiến hành những cuộc chiến tranh tôn giáo: đó là một câu chuyện khác, không phải là câu chuyện về tình yêu này. Cả chúng ta cũng phải học –qua những sai lầm của mình– để biết câu chuyện về tình yêu diễn tiến ra sao. Nhưng diễn tiến thế nào? Như Chúa Giêsu đã nói: như hạt cải, nó lớn lên như men trong bột, chẳng ồn ào. “Giáo hội phát triển từ dưới lên, một cách tiệm tiến”.

Đức Thánh Cha giải thích thêm: “Khi Giáo hội tự mãn về số lượng và cơ cấu hành chính, thiết lập các cơ quan và một cách nào đó trở thành bộ máy hành chính, khi đó Giáo hội đánh mất bản chất của mình và rơi vào nguy cơ trở thành một tổ chức phi chính phủ. Giáo hội không phải là một tổ chức phi chính phủ nhưng là câu chuyện về tình yêu.”

Đức Thánh Cha kể: “Một vị lãnh đạo quốc gia hỏi rằng đoàn vệ binh giáo hoàng to lớn như thế nào”; nhưng Giáo hội không phát triển “nhờ quân đội”, mà nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, vì Giáo hội không phải là một tổ chức. “Không, Giáo hội là một người mẹ. Ở đây có rất nhiều bà mẹ, trong Thánh Lễ này. Các chị em cảm thấy thế nào nếu có ai đó hỏi chị em: ‘Bà có phải là quản gia trong nhà bà không?’ ‘Không, tôi là người mẹ’. Giáo hội là Mẹ. Và chúng ta ở giữa một câu chuyện về tình yêu được kể bằng quyền năng của Chúa Thánh Thần; và chúng ta, tất cả chúng ta cùng với nhau, là một gia đình trong Giáo hội Mẹ của chúng ta”.

Minh Đức (WHĐ)

VỀ MỤC LỤC

CUỘC PHỤC HỒI CỦA PHÊRÔ

Chúa Nhật 3 Phục Sinh (Cv 5:27-32, 40b-41; Kh 5:11-14; Ga 21:1-19 / 21: 1-14)

Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Câu chuyện Phúc Âm hôm nay (Ga 21:1-19) xảy ra trong bối cảnh của Biển Galilee. Phần lớn những mục vụ của chúa Giêsu đều được thực hiện dọc theo bờ Tây Bắc biển Galilée hay còn gọi là biển Tiberia (Ga 6:1) và hồ Gennesaret (Lc 5:1).

Gọi là biển nhưng thực tế nó là một hồ nước ngọt có hình giống như một cây thụ cầm dài cỡ 12-13 dặm và rộng chừng 7-8 dặm. Cá và nghề chài lưới giữ một vai trò quan trọng trong Tân Ước và Giáo Hội sơ khai. Bắt cá cuối cùng đã trở thành một biểu tượng quan trọng của sứ vụ truyền giáo của Giáo Hội từ lúc chúa Giêsu kêu gọi các môn đệ của Người “thả lưới bắt cá người ta” (Mt 4:19; Lc 5:10; Mc 1:17). Nguồn gốc của Kitô giáo như có cái gì có vẻ “cá”!

BẢN HÒA TÁU VÀ BỮA ĐIỂM TÂM

Chương 21 là một chương phụ làm kết luận cho bản Tin Mừng thánh Gioan. Chúng tôi gọi đây là một bản hòa tấu bữa điểm tâm hậu phục sinh có hai hồi. Hồi thứ nhất (c.1-14) tả chúa Giêsu sống lại hiện ra với các môn đệ “bên cạnh Biển Tiberia.” Hồi này liên quan đến Cá và Bắt Cá. Khi ông Phêrô quyết định đi thả lưới cho thấy ông muốn từ nhiệm và tìm một cơ hội khác cho đời mình, nói lên tâm trạng buồn nản và thất vọng mà chính ông và các môn đệ bạn ông đã cảm thấy sau cái chết của chúa Giêsu. Ông Phêrô thì đơn thuần chỉ muốn trở lại nghề cũ của mình.

Đúng lúc đó, Chúa Giêsu hiện ra như một màu nhiệm, trong một khung cảnh quen thuộc nhưng “không ai biết là Chúa”. Các môn đệ đi biển và “đêm đó họ chẳng bắt được gì cả”(c.3). Một hình ảnh trống rỗng. Họ làm điều mà họ nghĩ là đúng nhưng thực tế đã thất bại. Điều này cho họ một bài học, không có Chúa họ chẳng làm nên cơm cháo gì (Ga 15:5). Câu chuyện xảy ra vào buổi sáng sớm là biểu tượng của bình minh ánh sáng tinh thần. Chúa Giêsu, một lần nữa, được diễn tả là... Người đứng đó, mà không nói Người đến như thế nào và bằng cách nào (c. 4; 20:14, 19, 26).

Đứng đó rồi Chúa Giêsu khởi đầu và hỏi các môn đệ: “Các bạn ơi, không có con cá nào à ?”(c.5). Các môn đệ trả lời là họ thất bại chẳng bắt được con nào cả. Nhưng chúa Giêsu nói với họ “Hãy thả lưới bên mạn phải của thuyền thì các bạn sẽ bắt được cá” (c.6). Lúc đó, các ông nghĩ rằng đó chỉ là một gợi ý khơi khơi của kẻ bàng quang đứng trên bờ. Chúa đã không nói hay đề nghị “Hãy thử ném lưới chỗ này chỗ kia xem sao” mà lại đưa ra một lời hứa là họ sẽ bắt được cá nếu họ làm theo lời Chúa chỉ, thả lưới bên mạn phải của thuyền.

Khi các môn đệ lên bờ, họ nhận thấy có than hồng lửa cháy với bánh và cá đã sẵn sàng (c. 9). Không có dấu hiệu nào cho thấy Chúa Giêsu lấy bánh và cá ở đâu. Thức ăn này xuất hiện chính là một huyền nhiệm của Chúa. Riêng than hồng lửa cháy như gợi lại quang cảnh đêm Chúa chịu nạn lúc Phêrô chối Chúa mà thánh Luca đã nói tới (Lc 22:55). Lửa đó là lửa chối từ và phản bội. Còn lửa thánh Gioan nói tới là lửa thống hối và cam kết.

Bữa ăn, đối với những Kito hữu thời sơ khai, có ý nghĩa là Minh Thánh Chúa, bởi vì câu 13 (Ga 21:13) và câu 11 (Ga 6:11) đều cho thấy cử chỉ chúa Giêsu làm giống y hệt trong bữa tiệc ly cuối cùng. Về số cá bắt được, nhiều người thắc mắc đã hỏi tại sao lại là con số 153? Đã lâu rồi, thánh Jerome nói là những nhà sinh vật học Hy Lạp đã chia cá ở trong hồ thành 153 loại! Chúng ta có thể cho rằng con số đó có một ý nghĩa biểu tượng đặc biệt liên quan đến sứ mạng phổ quát khắp thế giới của các tông đồ.

Màn kế tiếp là một màn đầy ngạc nhiên và kinh hãi mà không một tông đồ nào dám hỏi Chúa Giêsu “Ông là ai?”(c.12). Quả là Chúa có cái gì khác biệt, cho dù các tông đồ ai cũng đã nhận ra Chúa rồi. Bây giờ đến lượt Chúa Giêsu và ông Phêrô trở thành trọng tâm của câu chuyện. Sau khi ăn điểm tâm, Chúa bắt đầu nói thẳng với Phêrô. Chúa đã gọi Phêrô là Simon Phêrô (c. 2-3, 7b, 11) hay chỉ là Phêrô (c.7a) là tên mà Chúa đã đặt cho ông ta (Ga 1:42; Mc 3:16; Lc 6:14). Chúa Giêsu gọi ông bằng tên cũ, Simon con ông Gioan (c.15) như thể ông không còn hoặc chưa là môn đệ của Chúa.

CUỘC PHỤC HỒI CỦA PHÊRÔ VÀ NHIỆM VỤ MỚI.

Tiếp theo là hồi 2 của bản hòa tấu (c.15-23) diễn tả cuộc đàm thoại nhức nhối giữa Chúa Giêsu và ông Phêrô, về một ủy nhiệm liên quan đến chiên và chủ chiên với việc chăn dắt chiên. Phêrô thì tự biết mình đã từng thất bại trên đoạn đường môn đệ. Một môn đệ được gọi là “Đá” mà phải khóc vì hối hận đã chối Chúa mình (Lc 22: 62). Nhưng sáng nay, Phêrô có được cơ hội này để ăn năn và cam kết lại với Chúa.

Chúa Giêsu đã hỏi Phêrô rồi đưa ra một mệnh lệnh. Người đã hỏi ba lần. Đây là câu hỏi tối hậu, có tính quyết định cho cả cuộc đời: “Anh có yêu Thầy hơn những cái này không?” (c. 15). “Những cái này” đây phải chăng là lưới, là thuyền, là tất cả vật dụng của nghề lưới cá ? Chúa Giêsu cũng có thể ám chỉ đó là những môn đệ khác. Theo các Phúc Âm Thư khác, Phêrô đã cương bậy là “dù tất cả những người đó có vấp ngã nhưng ông sẽ không bao giờ” (Mt 26:33; Mc 14:29; Lc 22:33; Ga 13:37). Gioan thì không ghi lại lời ông Phêrô cương bậy, nhưng cho thấy hành động Phêrô nhảy xuống nước bơi và tự mình kéo lưới cũng nói lên thái độ ấy. Do đó

câu hỏi của chúa Giêsu hẳn phải có ý nghĩa sâu xa hơn và khác với những vấn đề bình thường. Người đã đi đến tận cùng gốc rễ của mọi tội lỗi là kiêu ngạo và tự đắc.

Bên cạnh sự chuyển nghĩa đó, động từ YÊU cũng có những ý nghĩa đặc biệt khác nhau trong ngôn ngữ Hy Lạp. Yêu thực tình, vô vị lợi (Agape/Agapao) như tình yêu của Chúa; Yêu vì cảm tình, thân thích như tình yêu gia đình, anh em bạn bè (Phileo/philia) và Yêu có tính xác thịt như tình yêu nhân tình (Eros). Kiểu Yêu khuôn mẫu mà Chúa Giêsu hỏi ông Phêrô hai lần là yêu vô vị lợi Agapao, nhưng mỗi lần Phêrô trả lời “Có” thì lại là loại yêu tình cảm phileo. Lần thứ ba Chúa chuyển qua cách dùng chính lời của ông Phêrô. Phêrô đã ba lần chối Chúa thì nay lỗi lầm được hủy bỏ vì cũng ba lần ông quả quyết với Chúa là ông yêu Chúa thực sự.

Với câu hỏi cuối cùng, Phêrô cảm thấy đau và nhức nhối vì Chúa hỏi ông tới ba lần, Phêrô đã buồn bã trả lời: “Thưa Thầy, Thầy biết hết mọi sự, hẳn Thầy biết con yêu mến Thầy” (c.17). Sau mỗi lần tuyên xưng Tình Yêu, Chúa đều truyền cho Phêrô một mệnh lệnh tương tự nhưng với những từ khác nhau. Thoạt đầu Người dùng từ “Hãy chăm sóc (boske) chiên con (arnia) của Thầy, kể đến “Hãy chăn dắt (poimaine) chiên (probate) của Thầy. Lần thứ ba là lời bao hàm cả hai mệnh lệnh trên (boske/probate) (c. 17), và như vậy là Chúa đã gom cả ba mệnh lệnh làm một.

TƯ CÁCH MỤC VỤ CỦA PHÊRÔ

Tại sao Chúa Giêsu muốn trao cho ông Phêrô nhiệm vụ đứng đầu cai quản đoàn chiên mà lại hỏi những câu hỏi như vậy, không hỏi những câu để xem khả năng của Phêrô có thích hợp với nhiệm vụ hay không? Chẳng hạn: “Simon, con ông Gioan, người có hiểu biết tường tận trách nhiệm lớn lao mà người sẽ phải gánh chịu không?” “Người có biết người là một kẻ yếu đuối, dễ sa ngã và đã phạm nhiều lỗi lầm ở quá khứ không?” “Simon, con ông Gioan, người có hiểu vấn đề này là quan trọng không?” “Người có biết có bao nhiêu người đang cần sự giúp đỡ và che chở của người không?” “Người có đáp ứng được tất cả những đòi hỏi mà ta kỳ vọng nơi người không?”

Ở thời đại văn minh kỹ thuật ngày nay, tài trí và hiệu năng phải là ưu tiên hàng đầu trong những khả năng chuyên môn về mục vụ. Người đó phải là đa năng đa hiệu. Nó cũng phụ thuộc: tuổi tác, sự lanh lợi, học thức cao và uyên bác, tinh thần, tâm lý vững chắc và cân bằng, kinh nghiệm chỉ huy, khả năng điều hành tài chánh, giao thiệp thành công, hùng biện, ngoại giao giỏi v.v. Những câu hỏi như vậy có thể quan trọng tùy theo mức độ đòi hỏi hiệu quả của công tác mục vụ. Nhưng Chúa Giêsu tóm gọn tất cả lại thành một câu hỏi căn bản duy nhất, được lặp lại hai lần bằng danh từ Yêu trong ngôn ngữ Hy Lạp với những ý nghĩa khác nhau về tình yêu và tình bạn được ám chỉ ông Phêrô: “Simon, con ông Gioan, con có yêu Thầy không? Con có thực sự là bạn của Thầy không?” Câu hỏi này đã đánh trúng ngay tim đen ông Phêrô.

Khả năng mục vụ chính của Phêrô cũng như của bất cứ ai dưới danh nghĩa Chúa Giêsu Kitô phải là Yêu Chúa được biểu hiện qua đức khiêm nhường, đáng tin cậy và vâng lời. Phêrô đã tận hiến cho Chúa, nhưng ông vẫn còn đầy vị kỷ và hay xông xáo nhẩy ra trước mọi người. Thái độ kiêu hãnh ấy có thể gây tai họa nguy hiểm cho cộng đồng như đã từng thấy trong lịch sử Israel cho đến những người chống đối đã đóng danh chúa Giêsu cũng như trong lịch sử giáo hội ngày nay của chúng ta.

Chính Phêrô đã học được bài học đó, như ông đã tâm sự trong thư thứ nhất của ông viết cho các bô lão trong cộng đồng. Ông đã gọi những bô lão là “bạn” và khuyên họ hãy trở thành những chủ chăn của đoàn chiên Chúa, hãy lo lắng cho họ, săn sóc họ với tinh thần tự nguyện, không vì ham hố lợi lộc thấp hèn, nhưng vì lòng nhiệt thành tận tụy. Đừng lấy quyền mà thống trị những người mà Thiên Chúa đã trao phó cho mình, đừng kiêu hãnh, tự cao tự đại, nhưng

hãy làm gương sáng cho đoàn chiên...” (1Pr 5:1-4). Đây là loại quyền bính phải được các chủ chiên thi hành trong khiêm tốn và có lương tâm. Đó là khẩu hiệu của chủ chăn, của mục tử đích thực.

ĐÔI LỜI KẾT: TRÁCH NHIỆM TỐI HẬU ĐỐI VỚI ĐOÀN CHIÊN

Khi ông Phêrô để cho Chúa Phục Sinh nhìn thấu suốt lòng ông: “Thưa Thầy,

Thầy biết hết mọi sự hầy Thầy biết con yêu mến Thầy” (Ga 21: 17) là lúc tình yêu của ông đã chín mùi. Chỉ khi Phêrô tự để cho Chúa tha thứ ông thì ông mới nhận trách nhiệm mới đối với đoàn chiên. Phêrô, vì sống gần gũi Chúa nên ông thấu hiểu tính tình và lòng trắc ẩn của Chúa nên đã được Chúa ủy thác trách nhiệm mới. Phêrô thực sự là một mẫu gương cho chúng ta, vì ông luôn luôn nhớ lại những thất bại của mình cũng như khi ông lãnh trách nhiệm đứng đầu Giáo Hội. Việc hồi tưởng đó thay vì làm cho ông mất khả năng thì lại giúp ông trở thành nhà lãnh đạo có hiểu và đầy lòng trắc ẩn thương người.

Làm sao chúng tôi có thể đương đầu với những thất bại của chúng tôi khi chúng tôi đưa tay giúp đỡ những người khác? Thiên Chúa đang kêu gọi chúng tôi phải dấn thân vào nơi thân thiết nào đây trong lúc này, ở thời đại của chúng tôi quá khó khăn, nhiều nhượng và đầy gian trá này? Thiên Chúa đang kêu gọi chúng tôi phải thân mật với ai? Sau khi chúng tôi tuyên xưng niềm tin vào chúa Giêsu, chúng tôi phải hiểu trách nhiệm của chúng tôi như thế nào? Phêrô đã học bài học rất kỹ, ông đã bắt chước Chúa Giêsu trong cuộc đời còn lại của ông đến độ dám hy sinh mạng sống tử đạo, chết lộn ngược đầu trên thập giá ở đồi Vatican. Chúng tôi có được chuẩn bị đến tột đỉnh cực đoan vì niềm tin vào Chúa Giêsu không? Chúng tôi có yêu Chúa Giêsu hơn “những cái này” không, những cái thuộc thế trần, phồn vinh giả tạo, phù phiếm ?

Chúa đã phục hồi danh dự cho Phêrô, chúng tôi có được Chúa phục hồi cho không? Chúng tôi có thực tâm trả lời những câu hỏi như Phêrô đã trả lời Chúa không?

Fleming Island, Florida

April 14, 2013

NTC

VỀ MỤC LỤC

CẦU NGUYỆN VÀ LỜI CHÚA

Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

Lời Mời gọi của HĐGMVN:

Giáo Hội tại Việt Nam phải “phát động chương trình mỗi gia đình một cuốn Kinh Thánh được đặt nơi xứng hợp, cổ võ đọc và cầu nguyện với Lời Chúa”, khuyến khích học thuộc lòng những đoạn Kinh Thánh cốt yếu. Mọi thành phần Dân Chúa, giáo dân, chủng sinh, tu sĩ và các mục tử, cần tập thói quen đọc và suy niệm Lời Chúa hằng ngày, đặc biệt theo phương thức Lectio divina. (Thư Chung của HĐGMVN, ngày 1.5.2011, số 11)

Xin giới thiệu cho nhiều người thân tham gia Gia Đình Lectio Divina Lecdiv@gmail.com để có thể hiệp thông với nhau trong đời sống cầu nguyện và cùng giúp nhau thực hành "điều cần thiết nhất trong mọi điều cần thiết". Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang, sẽ cầu nguyện lâu dài cho tất cả những ai trung thành thực hành và cố võ việc thực hành Lectio divina.

Mọi thắc mắc về Lectio divina, xin gửi email cho cha Bảo Tịnh, O.Cist fr.baotinh@yahoo.fr

Tác Phẩm: MỘT VỊ THIÊN CHÚA NGỎ LỜI!
Thiên Chúa tỏ mình cho con người thế nào?

Nguyên tác:
Michel HUBAUT
UN DIEU QUI PARLE!
Comment Dieu se révèle-t-il à l'homme?

Chương 17: CẦU NGUYỆN VÀ LỜI CHÚA

Theo mạc khải do thái-kitô giáo, chính Thiên Chúa đã khởi xướng việc thông giao với con người bằng lời của loài người "được linh hứng" để con người có thể đáp trả ý định yêu thương của Người và đi vào đối thoại với Người. Sự khởi xướng này của Thiên Chúa đã thể hiện hoàn tất trong việc nhập thể của Đức Ki-tô, Lời của Người hóa thành nhục thể (làm người) và ơn ban của Thánh Thần. Do vậy, một cách nào đó, chính Chúa là Đấng đã sáng tạo ra "cầu nguyện" bằng cách yêu thương chúng ta trước, bằng cách lấp đầy khoảng cách vô tận giữa Người và chúng ta, bởi ơn ban Thánh Linh là ơn ban làm cho chúng ta có thể tiếp nhận Lời của Người và đi vào trong giao tiếp với Người.

Sự lắng nghe của đức tin – và như vậy cầu nguyện là một hình thức diễn tả ưu tiên – là sự đáp lời của con người đối với sự khởi xướng này của Chúa. Chắc hẳn, Thiên Chúa có thể đụng chạm tới trái tim của con người bằng nhiều cách, tuy nhiên từ nay, Lời này của Chúa, được tiếp nhận và chuyển trao qua Thánh Truyền, là con đường ưu tuyển mà Chúa cho chúng ta để gặp gỡ Người, để đi vào đối thoại với Người, để cầu nguyện. *"Xin thực hiện nơi tôi theo Lời của Ngài"*, Mẹ Ma-ri-a đã nói như thế! Người ta không thể tưởng tượng ra được một lời kinh đẹp hơn! *"Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha của Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy"* (Ga 14, 23), chính Chúa Giêsu đã nói như thế.

Như vậy có một sự liên kết rất chặt chẽ giữa cầu nguyện và Lời Chúa là nguồn mạch chính yếu của cầu nguyện. Chúng ta đã thấy rằng, nếu Thiên Chúa "nói", nếu Thiên Chúa tự mạc khải, không phải là để đáp lại sự tò mò về kiến thức của chúng ta nhưng để tỏ lộ ý định yêu thương của Người đối với chúng ta, cho chúng ta sống. Do vậy, cầu nguyện không bao giờ là một tự kỷ quay về mình nhưng là một sự đi ra khỏi mình để tiếp nhận Lời của Người. Cầu nguyện sẽ không bao giờ là một "thao tác đạo đức", nhưng là sự tiếp nhận Lời sự Sống, tiếp nhận một lời của Tình yêu là Lời đã dựng nên chúng ta và làm cho chúng ta lớn lên bằng cách yêu thương chúng ta.

Cầu nguyện là một nơi đặc biệt ở đó tôi học biết chuyển đổi các "ý nghĩ" của tôi về Thiên Chúa sang lắng nghe Chúa "nói" với tôi. Cầu nguyện, trước hết đó là "lắng nghe bằng con tim", để cho Lời Chúa đào luyện mình.

Chúng ta hãy nhớ rằng hạn từ "lời" bao gồm ba bình diện:

- Lời là một tác động: tôi nói, tôi làm một điều gì đó, tôi hành động;

- Lời là một sứ điệp: nội dung của lời tôi nói, tôi nói một điều gì đó;
- Lời là một dấu chỉ: để diễn tả ý tưởng của tôi cho ai đó, tôi phải sử dụng những môi giới, những từ ngữ, những cử điệu, những dấu chỉ của việc liên lạc.

Ba bình diện này của lời, tác động, sứ điệp, dấu chỉ của liên lạc, không luôn luôn phối hợp trọn hảo nơi con người. Nhưng nơi Thiên Chúa, ba bình diện này hoàn toàn thống nhất. Nơi Người không có sự chênh lệch gián đoạn, giữa điều Người là, cuộc Sống của Người, ý định yêu thương của Người và hành động của Người. Người nói điều Người là và Người làm điều Người nói. *“Thiên Chúa phán, và điều đó được thực hiện”*. Lời của Người là một tác động tạo dựng. Và, trong điều Người nói và điều Người là, chính Người được tỏ hiện, được trao ban. Thiên Chúa luôn trao ban trong điều Người nói. Để hiểu được mầu nhiệm này của Lời Chúa, *Lời hữu hiệu, sáng tạo sự sống*, chúng ta có thể làm một so sánh với lời của con người.

Chúng ta hãy lấy một bài văn của Saint-Exupéry, một bài thơ của Marie Noël, một bản nhạc của Bach hay của Mozart, một ô kiếng mầu của nhà thờ chính tòa, một họa phẩm của Raphaël... Tất cả những “lời” này, theo nghĩa rộng, đều là *sáng tạo* trong mức độ chúng khơi dậy trong chúng ta những giá trị, những tình cảm, những ước vọng mới. Những “lời con người” này cũng có thể khơi dậy trong chúng ta một hướng thượng nào đó: một đoản khúc của Mozart hoặc một cảnh mặt trời mọc có thể mở lòng chúng ta hướng tới Thiên Chúa.

Qua trải nghiệm, chúng ta biết rằng trong những giao tiếp giữa con người với nhau, một lời càng chất chứa tình yêu, diễn đạt sự trao ban mình, càng thông truyền sự sống, nó càng trở thành *sáng tạo*. Một người mẹ giúp con mình lớn lên bằng chính những lời yêu thương dịu hiền của mình giống như bằng sữa bà cho con bú. Bởi vì bà yêu con, lời của bà, dù chỉ là tiếng thủ thỉ, cũng làm cho con lớn lên, khơi động, ban sức sống cho con bà. Hai người yêu nhau, trao ban cho nhau qua câu nói “anh yêu em, em yêu anh” sáng tạo lẫn nhau. Thánh Phao-lô đã không ngại viết: *“Trong Đức Ki-tô Giê-su, nhờ Tin Mừng, chính tôi đã sinh ra anh em” (1 Cr 4, 15)*.

Nếu đó là hiệu quả của lời con người khi nó diễn tả tình yêu và trao ban chính mình, thì phải nói gì hơn nữa về Lời Chúa! Lời Người là diễn đạt tình yêu của Người có sức sáng tạo qua yêu thương. Khi Thiên Chúa nói với con tim loài người, Người yêu thương, Người hành động, Người ban mình, Người thông ban chính sự sống của Người. Điều gì là thật đối với những lời được linh hứng của Kinh Thánh lại càng thật hơn đối với Giê-su Ki-tô, Lời nhập thể của Cha. Lời của Người hữu hiệu, chữa lành, giải thoát, tác tạo con người mới, thông ban sự sống của Người. Thầy Giê-su đã không nói: “Tôi là một diễn văn”, Người cũng không nói: “Tôi là thần học”, nhưng Người nói: *“Tôi là Sự Sống”*. *“Tôi đến để cho chiến được sống và sống dồi dào” (Ga 10, 10)*.

Trong thinh lặng của cầu nguyện, khi tôi nguyện gẫm, nghiền ngẫm (suy niệm) Phúc Âm, tôi tiếp nhận Lời sáng tạo của Chúa Ki-tô, hôm nay đang sống, Lời là “Thần Khí và Sự Sống”. Trong Lời Chúa mà tôi tiếp nhận và suy niệm trong cầu nguyện, luôn có sức mạnh sự sống, một sức mạnh nội tại riêng của Lời thực hiện trong tôi điều Lời nói. Và hiệu quả này không hề tùy thuộc điều tôi nghĩ hoặc điều tôi cảm nhận, nhưng tùy thuộc ở sự sẵn sàng của nội tâm tôi.

Lời Chúa, một “bí tích” của sự Hiện Diện thực sự của Chúa Ki-tô

Tất cả Kinh Thánh, và đặc biệt các bản văn Tân Ước đều là một “bí tích” của Chúa Ki-tô hằng sống, của sự Hiện Diện thực sự, hôm nay, làm sinh động, tác động của Người. Đối với con người, sự Hiện Diện của Chúa Ki-tô là nguồn mạch sự sống vĩnh hằng. Chính vì thế Kinh Thánh, được tiếp nhận và suy niệm trong cầu nguyện, là mạc khải và giải phóng. Mạc khải, bởi vì Kinh Thánh tỏ bày con tim của Chúa và căn tính của tôi. Giải phóng bởi vì Kinh Thánh cứu thoát tôi.

Lời Chúa và Thánh Thể, đối với Ki-tô giáo, thuộc diện hợp lý của việc Nhập Thể mà Thiên Chúa đã muốn để có thể tới được với con người ở mọi thời. Thật hợp lý khi Thánh Truyền khai triển chủ đề “hai Bàn Tiệc” của Chúa: bàn tiệc Bánh Thánh Thể và bàn tiệc Lời. Các Giáo Phụ

luôn đặt cả hai trên cùng một bình diện: Thân Thể của Chúa Ki-tô” và “Lời Chúa”. Thánh Ignace d'Antioche viết: “Nơi trú ẩn của tôi là trong Phúc Âm mà đối với tôi *Phúc Âm là xác thịt của Chúa Giê-su*”. Và thánh Giê-rô-ni-mô: “Chúng ta ăn thịt của Người và uống máu của Người trong Thánh Thể thần thiêng nhưng cũng trong việc đọc Kinh Thánh”.

Tính “bí tích” này của Lời Chúa cho chúng ta thấy việc nghiền ngẫm (đọc và suy niệm) Lời trong cầu nguyện quan trọng như thế nào. Lắng nghe và cầu nguyện Lời Chúa không phải là tra cứu một quyển sách trong thư viện nhưng là tiếp nhận sự Sống. *“Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi: xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tủy; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của lòng người”* (Hr 4, 12).

Cầu nguyện, Lời Chúa và Thánh Linh

Chính Thánh Linh đã linh hứng cho các tác giả Kinh Thánh, cư ngụ trọn vẹn trong Lời của Chúa Ki-tô. Chính Thánh Linh mở lòng những người nghe Thầy Giê-su nói, linh hứng các tác giả Phúc Âm. Và cũng chính Thánh Linh làm cho chúng ta nghe và hiểu, thường thức và sống Lời của Chúa Ki-tô hôm nay. Chính Người làm nên tính nhất quán (thống nhất) của mầu nhiệm này. Không có Thánh Linh, Chúa Giê-su chỉ là một con người của quá khứ. Chính Thánh Linh lấp đầy khoảng cách giữa Giê-su Na-da-rét của lịch sử và làm cho Người hiện diện với kẻ tiếp nhận Lời của Người. Vì thế, trong đối thoại nhiệm lạ của cầu nguyện lắng nghe, không bao giờ được tách rời hoạt động chung của Lời và Thánh Linh. Chúng ta hãy nhớ rằng, đối với thánh Gio-an, vai trò của Thánh Linh gồm ba:

- Người là thầy nội tâm: Người dạy dỗ;
- Người là trí nhớ nội tâm của ta: Người nhắc nhở;
- Người là vị hướng dẫn nội tâm: Người dẫn đường.

*“Lời anh em nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Cha, Đấng đã sai Thầy. Các điều đó, Thầy đã nói với anh em, đang khi còn ở với anh em, Nhưng khi Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ **đạy** anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em **nhớ lại** mọi điều Thầy đã nói với anh em”* (Ga 14, 24-26).

*“Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em, nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ **dẫn** anh em tới sự thật toàn vẹn, Người sẽ không tự mình nói điều gì, nhưng nghe gì, Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ đến”* (Ga 16, 12-13)

Hoạt động không tách biệt này của Lời và của Thánh Linh đã tỏ hiện ngay từ đầu cuộc tạo dựng: *“Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước. Thiên Chúa phán: **“Phải có ánh sáng.”** Liền có ánh sáng”* (St 1, 1-3).

Và cho tới khởi đầu của Tân Ước, chúng ta lại thấy hoạt động song đôi này của Lời và của Thánh Linh. Chính như thế mà Mẹ Ma-ri-a *lắng nghe* Lời Chúa và Mẹ để cho Lời *thụ thai* bởi quyền năng sáng tạo của Thánh Linh. Trong cuộc sống cầu nguyện của chúng ta cũng thế, Thánh Linh hiện tại hóa, nhập thể Lời trong chúng ta và làm cho Lời sinh hoa trái. *“Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống”* (Ga 6, 63). Tất cả cầu nguyện là thời gian đặc biệt trong đó chúng ta để cho mình được yêu thương, được uốn nắn bởi Lời Chúa tùy theo mức độ tình yêu của Người.

Đức tin không là thành quả của tranh cãi hay lý luận phức tạp, nhưng là của thình lặn để Thánh Linh ngự trị, của thình lặn lắng nghe. Chính Người, Thánh Linh của Thiên Chúa, mở lòng chúng ta lắng nghe Lời của Thầy Giê-su, Đấng Cha sai đến, và mở lòng chúng ta đón nhận mạc khải của Người: *“Chẳng ai đến với tôi được, nếu Chúa Cha, là Đấng đã sai tôi, không lôi kéo người ấy... Xưa có lời chép trong sách các ngôn sứ: Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa*

dạy dỗ. *Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi*” (Ga 6, 44-45).

Chúng ta đừng bao giờ mở Sách Kinh Thánh mà không xin Thánh Linh làm cho Kinh Thánh trở thành sống động cho chúng ta. Chỉ mình Người mới có thể mở lòng chúng ta, làm cho lòng chúng ta sẵn sàng tiếp nhận Lời và giúp chúng ta sống Lời trong cuộc sống thường nhật của chúng ta. Lời và Thánh Linh không bao giờ tách biệt. Lời mà không có Thánh Linh sẽ có nguy cơ chỉ là “bên ngoài”. Thánh Linh mà không có Lời có nguy cơ bị nhầm lẫn với tâm thần của con người. Trong chính ngày Hiện Xuống, Phê-rô phải “*nói*” để giải thích hoạt động của Chúa Thánh Thần. Thánh Linh chỉ thông giao qua Lời. Lời không sống động nếu không có Thánh Linh. Thiên Chúa uốn nắn chúng ta bằng “hai bàn tay”, các Giáo Phụ đã từng nói như thế.

Không có sự tỉnh lặng của cầu nguyện tiếp nhận Thánh Linh, chúng ta sẽ có nguy cơ chỉ đọc trong các bản văn những dự phóng của tư tưởng của chính chúng ta, sử dụng Lời Chúa đơn thuần chỉ như một hệ thống đề quy chiếu. Hơn chẳng, Lời Chúa chỉ còn như một phân tích xã hội. Cầu nguyện mở lòng chúng ta cho một sự Hiện Diện nội tâm làm cho đời thường được thăng hoa. Câu trả lời cho những vấn nạn của chúng ta không tự động tìm thấy trong Kinh Thánh, nhưng nó cũng hé dạng trong lịch sử, từ các biến cố được Lời Kinh Thánh soi sáng. Đó là cách thể “*đọc sách thiêng liêng*” về các biến cố của dân tộc Kinh Thánh đã biết phân định hoạt động của Thiên Chúa trong hiện tại khi đọc lại lịch sử.

Cầu nguyện, tỉnh lặng và Lời

Tỉnh lặng không phải là sự thiếu vắng lời, nhưng trái lại, là tiếp nhận một lời ở bên trong, nội tâm. Nếu không có tỉnh lặng đi trước hoặc tiếp theo, lời của con người hoặc ca nhạc cũng không hơn gì một thác đổ những ngôn từ hay âm thanh ồn ào bất tận! Sự tỉnh lặng cho mỗi lời và mỗi nốt nhạc cái ý nghĩa và màu sắc riêng.

Không phải không có lý mà trong truyền thống kinh thánh những cảnh “hiền dung” (sự tỏ hiện của Chúa) thường được bao phủ bởi một sự tỉnh lặng kính cẩn lớn lao: “*Còn Đức Chúa, Người ngự trong thánh điện, toàn thể cõi đất, hãy tỉnh lặng trước nhan Người*” (Ha 2, 20)!

Và sự thông báo về việc Người can thiệp giúp dân Người, thường được chuẩn bị bằng lời mời gọi dân tỉnh lặng đợi chờ: “*Ông Mô-sê cùng với các tư tế Lê-vi nói với toàn thể Ít-ra-en rằng: Hỡi Ít-ra-en, anh em hãy tỉnh lặng và nghe tiếng Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, và đem ra thực hành những mệnh lệnh và thánh chỉ của Người mà tôi truyền cho anh em hôm nay*” (Đnl 27, 9-10).

Như thánh Gioan viết cách tuyệt vời trong chương mở đầu: “*Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời...và Ngôi Lời là Thiên Chúa*” (Ga 1, 1). Và theo các tác giả được linh hứng, Lời này đã được bao bọc bởi một sự tỉnh lặng tròn đầy. “*Khi vạn vật chìm sâu trong tỉnh lặng, lúc đêm trường chùng như điểm canh ba, thì từ trời cao thăm, lời toàn năng của Ngài đã rời bỏ ngôi báu*” (Kn 18, 14-15).

Và về sự Nhập Thể của Chúa Ki-tô, của Lời Chúa, thánh Phao-lô nói về một “*mặc khải mầu nhiệm vốn được giữ kín từ ngàn xưa nhưng nay lại được biểu lộ như lời các ngôn sứ trong Sách Thánh. Theo lệnh của Thiên Chúa, Đấng hằng có đòi đòi, mầu nhiệm này được thông báo cho muôn dân biết, để họ tin mà vâng phục Thiên Chúa*” (Rm 16, 25).

Thinh lặng đi trước, bao bọc Lời được mạc khải. Hôm qua cũng như hôm nay, Lời chỉ có thể “sinh ra” trong lòng tôi trong sự thinh lặng chú tâm như hạt giống nảy mầm trong thinh lặng, như nhựa sống lưu chuyển trong thinh lặng, như hoa nở ra trước ánh dương trong thinh lặng.

Trong giờ cầu nguyện, việc nhâm nhi nghiền ngẫm Lời, đôi khi chỉ cần một lời duy nhất cũng đủ chạm tới chúng ta và trở thành một cuộc gặp gỡ đích thật với Chúa. Và khởi đi từ chính cùng một bản văn, mỗi người có thể tiếp nhận một lời khác nhau. Thường phải để cho Lời này nảy sinh, bén rễ trong lòng ta và chiếm hữu trọn vẹn con người ta. Đôi khi trong ngày sống, chỉ cần hiện diện với lời sống mà Thánh Linh đã đặt để trong tôi vào buổi sáng khi tôi cầu nguyện: *“Xin cho con được uống”*; *“Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban”*; *“Tôi là ánh sáng thế gian”*... thì cũng đủ để thay đổi kiểu cách sống của tôi trong ngày.

Thiên Chúa là một nhà giáo dục đầy tâm lý, một người thợ làm vườn kiên nhẫn gieo vào lòng chúng ta những lời mà mỗi người chúng ta cần để mình lớn lên. Chúa Ki-tô tiếp tục sứ vụ *Lời của Cha* trong tôi, nhập thể Lời của Người trong lòng tôi. Sự Nhập Thể là một mẫu nhiệm vượt trên cuộc sống trần thế của Thầy Giê-su.

“Cũng như mưa với tuyết sa xuống từ trời không trở về trời nếu chưa thấm xuống đất, chưa làm cho đất phì nhiêu và đâm chồi nảy lộc, cho kẻ gieo có hạt giống, cho người đói có bánh ăn, thì lời Ta cũng vậy, một khi xuất phát từ miệng Ta, sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả, chưa thực hiện ý muốn của Ta, chưa chu toàn sứ mạng Ta giao phó” (Is 55, 10-11).

Lời kinh nguyện thoát lên từ một Lời Chúa được đặt để trong cõi lòng của tôi, thinh lặng, sẵn sàng. Lời cầu nguyện này là Lời quay trở về với Thiên Chúa khi trở thành một biểu hiện tình yêu của chính cá nhân tôi.

VỀ MỤC LỤC

GIỚI RĂN MỚI : “MỚI” Ở ĐÂU ?

CN 5C Phục Sinh

Từ khi có con người xuất hiện trên địa cầu, thì đã có yêu thương. Yêu thương hạn hẹp nhất là giữa người nam và người nữ, để làm phát sinh ra những con người mới. Yêu thương mở rộng thì coi mọi người là anh em. Khổng Tử với thuyết “tứ hải giai huynh đệ,” Mạnh Tử thì nói rõ hơn bốn phạm với những anh em (huynh đệ) đó, bằng thuyết Kiêm Ái : Yêu tất cả. Đức Phật với chủ trương từ bi cũng chẳng muốn loại trừ ai ra khỏi quỹ đạo yêu thương. Và trong Cựu Ước, sách Luật Lêvi 19,18 đã ghi rõ lệnh của Đức Chúa: “Hãy yêu thương người khác như chính mình.” Tức là đâu đâu, thời nào cũng có yêu thương. Vậy tại sao khi nói với các môn đệ trong bữa ăn ly biệt, Đức Giêsu lại nói : Thầy ban cho anh em một điều răn mới, mà chẳng thấy mới ở chỗ nào, vì cũng là nội dung : hãy yêu thương nhau.

Chuyện yêu thương đã xưa như trái đất, cũ như con người mà Chúa Giêsu lại cứ gọi là mới. Vậy vì Chúa cố ý gọi là mới – mới đến nỗi Ngài gọi đó là luật của riêng Ngài : Đây là điều răn của Thầy (Ga 15,12), nên ta thử tìm hiểu xem, giới luật mới, mới ở điểm nào ?

Người ta đã tìm ra được ba, bốn điểm “mới”. Thánh Âu-cu-tinh cũng có một bài phân tích rất hay về cái mới này : những con người mới hát bài ca mới. Hôm nay chỉ nói 2 điểm. Gọi là Luật mới : vì nó mới trong tư cách và mới trong thể cách.

1) Mới trong tư cách

Khi một quốc gia được tuyên bố độc lập, hoặc khi có cuộc đảo chánh hay thay ngôi đổi chủ, người ta viết một Hiến pháp mới. Hiến Pháp là luật căn bản của một Nước. Nhiều khi cùng một thể chế, nhưng có sự đổi ngôi, thay vị, người ta cũng viết Hiến pháp mới, như Hiến Pháp đệ II Cộng hoà của Việt Nam thời TT Thiệu so với Đệ I Cộng Hoà thời TT Diệm. Ở Pháp có Hiến pháp đệ ngũ cộng hoà thời TT De Gaulle... Những Hiến pháp đó cũng lấy lại những chất liệu trong hiến pháp cũ hay Hiến pháp của những quốc gia tiên tiến... nhưng vẫn mang tên là Hiến pháp mới, Hiến pháp của riêng Nước mình, vì đây là Hiến Pháp của một nước, một dân tộc trong tư cách mới, trong vị thế mới.

Năm 1250 trước Công nguyên tại núi Si-nai, bán đảo Ai cập, Đức Chúa đã ký một giao ước với Mô-sê để thành lập một Dân tộc: Dân Israel – Dân của Chúa. Hiến Pháp của Dân Israel là thập giới ghi trên bia đá. Máu để ký giao ước là máu chiên bò được rảy trên bàn thờ và trên Dân.

1283 năm sau tức năm 33 sau Công nguyên, Đức Giêsu đã ký một giao ước mới – dĩ nhiên là sẽ có lề luật mới. Luật không ghi trên bia đá nữa, mà ghi trong trái tim bằng Thần khí (Ed 31, 25-28) và máu để ký giao ước mới là Máu Chúa : “Đây là chén Máu Thầy, máu giao ước mới.” Tuy Giao ước mà Đức Giêsu ký vẫn còn dây mơ rễ má với giao ước cũ, dân mà Đức Kitô thiết lập vẫn liên tục với dân cũ, nhưng đã được gọi là Dân mới rồi. Dân tộc mới, Giao ước mới, thì lề luật phải mới và người dân sống trong tư cách mới. Công đồng Vatican II mô tả Nước mới, Dân mới này như sau: (số 9):

Có Thủ lãnh (Tổng thống, Chủ tịch, Vua) là Đức Kitô.

Có biên giới là vô biên (không chỉ gói gọn trong nước Israel)

Có cùng đích là Nước Trời.

Có Hiến Pháp là điều răn mới

Có Qui chế – quốc tịch là chức vị và sự tự do của con cái Chúa.

Vậy ta có thể tóm điểm mới thứ nhất như thế này : Đây là luật mới, vì ở trong một Dân mới là Giáo Hội, một Nước mới là Nước Trời. Và người dân trong nước này có quốc tịch mới, vị thế mới, tư cách mới là con cái Chúa.

Yêu người khác trong tư cách mình là con Chúa, chứ không phải trong tư cách người nô lệ, như nô tì Isaura nữa !

2) Mới trong thể cách

Tức là mới trong cách thể. Nói nôm na hơn, mới nơi chữ như.

Khi chúng ta nói đẹp : đẹp như tiên giáng trần, đẹp như Tây Thi, đẹp như Điêu Thuyền... thì khác, mà “đẹp” như Chung vô Diệm thì lại khác xa ! Nó khác, nó mới là ở chữ như.

Khi chúng ta nói về màu sắc, thí dụ trắng, thì có thể trắng như vôi, trắng như tuyết, trắng như trứng gà bóc... mỗi cái như là một cái khác...

Cũng như căn nhà trước đây ta quét vôi trắng : trắng như vôi. Nay ta cạo vôi ra, xịt sơn nước Thái Lan, ta có căn nhà mới, trắng tinh !

Cũng là yêu thương, nhưng yêu thương trong luật cũ thì “yêu tha nhân như chính mình.” Còn yêu thương trong Luật mới là yêu thương như Chúa yêu ta. “Thầy ban cho anh em giới luật mới là : hãy yêu nhau như chính Thầy đã yêu anh em”. Mà Chúa yêu ta với cách thế nào, ta đã rõ : yêu đến cùng. Yêu đến hi sinh mạng sống vì người mình yêu.

Hai người tình, yêu nhau sẵn sàng chết cho nhau ; người mẹ kia bị ung thư đã không hoá trị, xạ trị, để cho bào thai được sống. Khi con đồ hít hơi chào đời, mẹ trút hơi lìa đời. Con vuông mà mẹ không tròn. Người mẹ đó là nữ thánh Gioanna.

Và xa hơn tình vợ chồng, tình mẹ con, tình bạn, ta có tình đồng loại : người tù số 16670 tại trại tập trung Auschwitz tức linh mục Phan Sinh Maximilianô Kolbe, người Ba Lan đã chết thay cho người tù khác Francois Ga-jo-nic-zek. Đó là những gương mẫu về chữ như : Yêu người như Chúa yêu ta. Yêu người như Thầy yêu thương.

Có một bà đạo đức kia bệnh nặng. Bạn bè đến thăm an ủi, và cầu nguyện : Lạy Chúa, Chúa biết người này yêu Chúa biết bao! Bà bệnh liền chèn vào : Các bạn đừng thưa với Chúa như thế. Các bà có biết khi Maria và Matta đến với Chúa để nói về Lazaro, em họ đang bệnh nặng, các bà ấy nói gì không ? Các bà không thưa với Chúa: thưa Thầy, kẻ yêu Thầy đang bệnh, mà là kẻ Thầy yêu mến đang bệnh. Bà bệnh nói tiếp, không phải tình yêu tôi đối với Chúa làm tôi lành bệnh, mà là tình Chúa yêu tôi làm tôi mạnh sức. Tức là không phải yêu như tôi đây yêu Chúa, mà là như Chúa yêu tôi đây. Tôi yêu Chúa thì có hạn, nhưng Chúa yêu tôi thì vô cùng.

Thánh Phaolô đã nói đến chiều cao, chiều sâu, chiều dài, chiều rộng của tình Chúa yêu con người (x. Ep 3, 18). Và cũng có người đã tìm ra chiều cao, sâu, rộng dài của tình yêu Chúa như thế này :

Yêu người như người yêu người là bậc thấp, là luật cũ của Cựu Ước.

Yêu người như Chúa yêu người là bậc cao, là luật mới của Tân Ước.

Nhưng chúng ta còn được kêu gọi đạt tới cái mới tinh, cái cao chói vót của luật yêu thương nữa. Yêu người như Chúa yêu Chúa : Xin cho họ nên một. Như Cha và Con là một. (Vợ chồng yêu nhau nên một, tuy hai là một, nhưng vẫn còn ranh giới vì còn trong thân xác, nên tuy một mà hai. Còn yêu như Chúa Cha yêu Chúa Con trong Chúa Thánh Thần thì nên một trọn vẹn).

Chúng ta phải làm sao, trong Vương Quốc mới, giầy căn cước của ta ghi dấu vết riêng không phải là nốt ruồi trên mép, vết sẹo nơi tai... mà là yêu thương. “Kìa họ yêu nhau đến chừng nào.” (x. Cv 1-2). “Người ta cứ dấu này mà nhận biết các con là môn đệ Thầy, là các con yêu thương nhau, ... như Thầy yêu các con.”

Năm nay là Năm Đức Tin, cha ông của chúng ta truyền đức tin lại cho chúng ta và đã từng làm được chuyện đó : Chính trong bản báo cáo dài 98 trang khổ lớn của cha Gaspar d'Amaral viết bằng tiếng Bồ Đào Nha từ kinh đô Thăng Long ngày 31-12-1632 gửi cha André Palmeiro ở Macao, chẳng những thuật lại những kết quả truyền giáo lớn lao, mà còn ghi nhận rằng "người lương dân gọi bọn đạo là những người theo đạo yêu nhau". Thật là tuyệt vời! Người lương không biết đặt tên cho nhóm người theo đạo mới này là đạo gì, đã nghĩ ngay đến cách họ sống mà đặt tên : Đạo yêu nhau. Mặc dầu đây là bản văn tiếng Bồ Đào Nha, nhưng tác giả có chêm một số chữ Quốc ngữ thời đó, như đạo, yêu nhau (ley de se amar), đảng ngoà, đảng tảo, đảng tiên ..., là thứ chữ Palmeiro chẳng hiểu gì, cả đến người Việt cũng chưa biết.

Với tư cách là người con, hãy yêu nhau như Chúa yêu, vậy là ta chu toàn luật mới của Chúa.

Anphong Nguyễn Công Minh, ofm

VỀ MỤC LỤC

ĐỔI MỚI MỌI SỰ

Cách đây vài tuần tôi có việc ra phi trường đón người anh cả về từ Hoa Kỳ, anh đi sang bên đó theo diện HO sau những ngày lao tù ở trại cải tạo, nay mẹ tôi đã quá già (93 tuổi), anh trần trở về với mẹ, sống với mẹ ít ngày mỗi khi có thể, tôi thu xếp được công việc để ra phi trường đón anh trong tình nghĩa huynh đệ, dù biết rằng việc đón đưa anh không ưa, vì nó phiền toái và làm mệt nhiều người. Phi trường quốc tế Tân Sơn Nhất vào những ngày đầu tháng tư không phải là mùa cao điểm, nhưng về nhện nhện cố hữu mà bất cứ ai có việc đến đều phải chấp nhận, vì thế tôi không lạ lẫm gì và đã chuẩn bị tinh thần chấp nhận điều ấy.

Nhưng phi trường hôm nay nhện nhện một cách lạ thường, chỉ cần bước vào sảnh đón thân nhân trong ít phút sẽ thấy ngay sự lạ thường đó, giới trẻ học sinh tụ họp rất đông, nhiều em mặc đồng phục, nhiều em mang theo cặp hoặc khoác bao lô. Các em đứng từng đoàn dán mắt vào phía bên trong, chăm chú theo dõi đoàn người xa thật xa đang làm thủ tục kiểm tra hải quan, thỉnh thoảng các em reo hò vang dội, tiếng vỗ tay, tiếng la hét, nhiều em giơ cao tấm bảng mang sẵn đến phi trường lác qua lác lại, những em hình như mệt mỏi ngồi xuống đất vội vàng nhồm dấy, những em đang ngồi uống nước ở nhà hàng vội vàng cầm ly hoặc chai nước chạy ra, chúng chạy quanh, nhảy cả lên ghế ngồi lấp đặt cho người đợi, em nào cũng hoảng hốt như sợ vượt mất một cái gì, một bầu khí hoảng loạn, ồn ào lạ kỳ, bầu khí ấy kéo dài hàng giờ vẫn chưa thấy khác đi.



(ảnh: <http://www.thanhvien.com.vn/pages/20130404/don-sao-han-nhieu-fan-viet-khoc-ngon-lanh.aspx>)

Có tiếng của những người đi đón thân nhân bảo nhau: “Ồi ! Chúng nó đón ca sĩ Hàn quốc gì đó mà !” Có tiếng khác vừa đi vừa nói “con cái không lo học, bày đặt sao với trắng”. Tôi đứng xa xa để tránh cái không khí ồn ào nóng nực và hỗn loạn đó, có một ông đứng tuổi vừa đi vừa

nhìn tôi nói như phân bua “chúng nó kêu học quá nhiều, quá tải mà có giờ đi đón sao Hàn?”, tôi không gặp được lời nào bệnh vực dù là bệnh nhẹ nhàng từ phía “người lớn” cho hành động “mê” sao Hàn của các em.



Tôi xin phép được nghĩ khác, tôi không dám trách các em, tôi cảm thấy có lỗi với các em. Tuổi trẻ ai mà không trải qua thời kỳ mang hình ảnh thần tượng, ngày xưa (thế hệ người lớn) mỗi người cũng đã có hình ảnh thần tượng, nên các em có thần tượng không phải là điều xấu, cái đáng trách là ngày nay chúng ta không cung cấp, không gây dựng, không hình thành cho các em những hình ảnh thần tượng mà chúng ta muốn, hình ảnh thần tượng mà chúng ta muốn khả dĩ là hình ảnh có sức xây dựng cho các em một hướng sống lành mạnh và vươn lên. Tại sao ngày xưa tôi có thể viết lên trang trong của cuốn sách học luyện thi Tú tài câu thơ của Nguyễn Công Trứ:

Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông ?

(bài “Đi thi tự vịnh”)

Thưa là vì tôi đã được thế hệ cha anh ban cho tôi hình ảnh con người hiên ngang khí phách Nguyễn Công Trứ, con người kẻ sĩ, trung trực, tiết tháo, quân tử, tài ba.... Viết những dòng thơ đó nhắc tôi miệt mài “sôi kinh nấu sữ”, cầm lòng cầm trí chờ khoa thi.

Tôi không thể quên hình ảnh của bác tôi, một linh mục gương mẫu, thánh thiện, khiêm tốn và nhân bản, tôi không quá khen bác tôi đâu, năm nay bác đã 97 tuổi, một đời người đi qua, tuổi già bác vẫn sống mực thước, là tấm gương cho anh em thế hệ nối tiếp trong dòng, là hình ảnh cho các thế hệ học trò của bác noi theo, những học trò của bác nay đã già vẫn làm chứng về những nhận định này. Tôi biết hình ảnh người linh mục đó đã tác động rất nhiều đến chọn lựa cuộc sống của tôi hôm nay. Ngày Đà Nẵng thất thủ (tháng 3 năm 1975), Bác viết một lá thư về gia đình, lúc đó là lá thư “tuyệt mệnh”, tôi còn nhớ một dòng chữ: “ ...Tôi không về Saigon đâu, biết rằng về đó sẽ được an toàn hơn, nhưng tôi không thể bỏ rơi bao nhiêu người đang lâm vào tình trạng dở sống dở chết ở đây, hơn nữa về Saigon thừa linh mục, sợ con vi trùng rãnh rỗi sẽ đục khoét trái tim của tôi, Xin chào mọi người thân yêu, cầu nguyện cho tôi, ...”. Cha tôi đã thần thờ khi đọc xong lá thư cuối cùng của bác, nước mắt cha tôi trào ra, ông lặng lẽ đi thấp nền trên bàn thờ để nguyện kinh.

Sau đó ít ngày ông tìm cách ra Vũng Tàu để lo cho gia đình ra đi, hai cha con tôi ở lại Vũng Tàu vài ngày để thu xếp công việc, khi đã xong cha tôi trở vào Saigon để đón gia đình, tôi ở lại Vũng Tàu chờ ngày xuất bến. Ngay sau đó cầu Cỏ May bị giật sập, cắt đứt giao thông Vũng Tàu Saigon, ngày 29/4 tôi chia tay với mối quen ở Bến Đá sau khi tiễn chú tôi ra khơi, ngày 30/4 tôi chia tay với mối quen đón ở Bãi Trước, gia đình người bạn thân tôi ra khơi, mùng 2/5 tôi tìm cách trở lại Saigon gặp lại cha mẹ, ông bà sửng sờ kinh ngạc, cha mẹ tôi tưởng tôi đã đi thoát rồi. Ngày ấy dòng chữ của bác vang dội trong lòng tôi, tôi quyết định trở về, tôi ước ao làm linh mục của và cho người nghèo, người đau khổ, tôi muốn và cố gắng vượt qua thân phận hèn yếu của mình để sống lời nguyện ngày ấy.

Cái lỗi của chúng ta là đã không xây dựng được hình tượng lý tưởng cho thế hệ các em, chúng ta có lỗi, các em không có lỗi. Cuộc sống tiến hóa không ngừng, hình ảnh lý tưởng của

tôi ngày xưa không thể là hình ảnh lý tưởng cho các em ngày nay, nhưng phải là hình ảnh lý tưởng được diễn tả theo ngôn ngữ của ngày nay, chứ không phải là tràn lan những hình ảnh lừa bịp, giả dối, hung bạo, tàn ác, bất trung, vô cảm, tráo trở, dâm dật... như các em đang phải chứng kiến hàng ngày, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu.

Tôi không dám phủ nhận rất nhiều cố gắng của nhiều người, của nhiều đẳng bậc, nhưng sự thật cứ phơi bày trên mọi trang báo, mọi phương tiện truyền thông, mọi biến cố xảy ra quanh chúng ta.

“Này đây Ta đổi mới mọi sự” (Kh 21, 5a). Hôm nay Chúa nhật thứ năm mùa Phục Sinh, có lời trong sách Khải Huyền kêu gọi chúng ta hướng lên Đấng có đủ quyền năng làm thay đổi mọi sự. Chúng ta bất lực, chúng ta bất xứng, nhưng chúng ta có quyền tin vào quyền năng của Đấng đổi mới mọi sự.

Lạy Chúa xin hãy đến giúp chúng con.

Lm. Vĩnh Sang, dcct. 28/04/2013



VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THỌAI NĂM ĐỨC TIN—VẤN ĐỀ 06 (THÁNG 05. 2013)

NHỮNG VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ ĐỨC TIN

VẤN ĐỀ 06: Trong con người không có yếu tố nào gọi là linh hồn thiêng liêng cả mà chỉ có thân xác vật chất thôi. Tư tưởng của con người là sản phẩm do óc não bài tiết ra, giống như gan trong bụng bài tiết ra mật vậy.

TRẢ LỜI:

Ngày nay, một số người chủ trương duy vật: chỉ công nhận những gì là vật chất mà người ta có thể thấy, sờ hay cân đo đong đếm được, đồng thời phủ nhận tất cả những gì vô hình được gọi là tinh thần, linh hồn nơi con người, hay những thực tại thiêng liêng siêu nhiên như Thượng Đế, Thiên Chúa, thần linh nơi vũ trụ thiên nhiên. Theo họ: Mọi thực tại đang hiện hữu đều là vật chất, đều do vật chất mà phát sinh. Con người cũng chỉ thuần là vật chất như bao vật khác. Ngay cả ý thức, tư tưởng mà người ta gọi đó là tinh thần v.v...cũng chỉ là sản phẩm của vật chất không hơn không kém, do óc não bài tiết ra giống như gan trong bụng bài tiết ra mật vậy.

Engels viết: chỉ có một thực tại duy nhất, đó là thế giới vật chất mà con người có thể tri giác được bằng giác quan... Ý thức và tư tưởng của chúng ta mặc dù có siêu việt tính, nhưng cũng chỉ là sản phẩm của cơ thể vật chất (thể xác, khối óc...). Tinh thần chỉ là sản phẩm thượng đẳng của vật chất (Engels: ludwiffucrbach)

Nhưng hầu hết những người có lương tri đều không chấp nhận lập trường duy vật nói trên. Bất cứ ai cũng cảm thấy rằng: con người không chỉ là vật chất, vì ngoài thể xác vật chất, còn có một yếu tố khác siêu vật chất, làm cho con người khác hẳn vật chất, đồng thời vượt trên mọi động vật khác trong thiên nhiên. Yếu tố siêu vật chất ấy được gọi là linh hồn

Sau đây chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu những khác biệt giữa con người và vật chất, giữa con người với các loài vật khác, chứng tỏ con người không chỉ thuần là vật chất vì có linh hồn, và tư tưởng của con người thực sự không phải chỉ là sản phẩm của óc não vật chất, nhưng chính là một hoạt động của linh hồn qua trung gian óc não.

I. CON NGƯỜI TUY LÀ VẬT CHẤT ,NHƯNG KHÁC VẬT CHẤT VÌ CÓ LINH HỒN:

1. CON NGƯỜI LÀ VẬT CHẤT:

Nếu đem con người đi phân chất thì kết quả cho thấy: con người cũng chỉ là vật chất, được cấu tạo bằng vật chất tầm thường như bao vật khác. Gần đây, một nhà bác học Hoa Kỳ đã phân tích và đánh giá thân xác con người như sau:

“Trong con người có một số nước đủ giặt một chiếc khăn bàn; máu đỏ chứa đựng chất sắt có thể làm được 7 cái đinh đóng móng ngựa. Xương cốt có một số chất vôi có thể dùng để quét được một bức tường nhỏ. Nếu đem đốt con người ra than thì có thể dùng số than ấy làm ra được 65 cây viết chì. Ngoài ra con người còn có một ít chất phốt phat đủ làm một hộp diêm và chừng mấy muống cà phê chất muối. Đem tất cả nhưng thứ đó bán chỉ được 98 xu, không được một mỹ kim!”.

Đó là giá trị của con người vật chất. Nhưng may mắn thay, con người còn có linh hồn. Chính linh hồn đã làm cho con người có giá trị hơn mọi vật trong vũ trụ thiên nhiên. Sau đây là những lý chứng cho thấy con người không thuần là vật chất vì còn có linh hồn siêu vật chất nữa.

2. CON NGƯỜI KHÁC VẬT CHẤT:

a) Vật chất thì bất động, khác hẳn với con người sống động vì có linh hồn:

- Thực vậy, vật chất chỉ biến đổi từ tình trạng này sang tình trạng kia chứ không sống động và xê dịch được như con người: Vải vóc là vật chất, theo định luật lý hóa thì sau một thời gian, sẽ trở nên cũ hơn và bị mất màu do ảnh hưởng của ánh sáng, không khí... Rượu nho là vật chất sẽ bị ố xít hóa biến thành giấm chua nếu tiếp xúc với không khí một thời gian... Tuy có sự biến đổi, nhưng vật chất nói trên không tự mình di dời sang chỗ khác được, không thể tự hấp thụ đồ ăn để tăng triển dần ...như các sinh vật khác.

- Nguyên lý của sự sống được gọi là hồn với 3 cấp bậc: từ đơn sơ đến phức tạp, từ tầm thường đến cao quý như sau:

+ **SINH HỒN:** Có đặc tính sống động, tự dinh dưỡng và tăng triển. Sinh hồn xuất hiện nơi các loài thảo mộc cây cối .

+ GIÁC HỒN: Vừa có các đặc tính của sinh hồn nói trên, mà còn có thêm cảm giác, có thể chuyển dịch từ nơi này đến nơi khác... Giác hồn có nơi các loài động vật và hoạt động theo một qui luật thiên nhiên gọi là bản năng như: bản năng tự vệ, bản năng sinh tồn...

+ LINH HỒN: Sự sống trở nên phức tạp. Vì vừa có tất cả các đặc tính của các loài sinh vật động vật, lại vừa có cả lý trí biết suy nghĩ và ý chí quyết định cách tự do nữa. Sự sống đặc biệt này chỉ có nơi con người và được gọi là linh hồn. Như vậy, con người tuy là vật chất, nhưng khác hẳn vật chất vì có linh hồn.

b) Vật chất thì vô tri, khác với con người ý thức về mình:

- Theo các nhà bác học: con người có thân xác vật chất, được cấu tạo bằng những tế bào vật chất, và chỉ trong thời gian 7 hoặc 8 năm, khi mọi tế bào trong thân xác biến đổi tăng triển, thì thân xác con người cũng sẽ biến đổi hoàn toàn nên một người mới.

- Vậy ngoài phần thân xác vật chất thay đổi nói trên, con người đã phải có một yếu tố siêu vật chất và tồn tại mãi khi vật chất thay đổi, để có thể nhận ra mình vẫn là mình từ sơ sinh cho đến lúc chết. Yếu tố thiêng liêng siêu vật chất ấy được gọi là LINH HỒN.

Claude Bernard, giáo sư y khoa đại học Paris, nhân viên hàn lâm viện khoa học Pháp đã trình bày vấn đề này như sau: “Thân xác con người là một tổ hợp những chất luôn thay đổi theo định luật biến hóa không ngừng. Mỗi ngày bạn mất một ít ca-lo-ri của thể xác, và cái phần mất ấy sẽ được bù lại và tăng triển biến đổi nhờ những thực phẩm mới hấp thụ. Như thế trong khoảng thời gian 8 năm, thịt xương của bạn hiện nay sẽ được thay thế bằng thịt mới xương mới. Bàn tay bạn đang cầm bút viết hôm nay không phải bàn tay trước đây 8 năm. Cái sọ của bạn không chứa đựng chất óc như cách đây 8 năm, vì tất cả các tế bào óc não đều đã biến đổi hết. Nhưng tại sao bạn vẫn nhớ được những điều đã xem, đã làm, đã học cách đây 8 năm? Nếu tư tưởng là những hình ảnh được in vào các ô xếp trong óc thì những hình ảnh ấy làm sao tồn tại được nếu các ô tế bào trong óc đã đổi mới hết? Như vậy, trong con người phải có một cái gì khác với vật chất, không phải vật chất, luôn tồn tại mãi và biệt lập với thân xác vật chất. Cái đó chính là LINH HỒN vậy”.

c) Vật chất thì cố định, hạn hẹp trong không gian và lệ thuộc vào thời gian, khác với con người có khả năng vượt trên không gian thời gian:

- Con người tuy có thân xác vật chất: sống trong thời gian và chiếm một vị trí bé nhỏ trong không gian, nhưng con người lại trỗi vượt hơn hẳn vật chất, vì có khả năng lục xét mọi thời đại: quá khứ, hiện tại và tương lai, đồng thời còn có thể nghiên cứu được mọi vị trí trong không gian. Chẳng hạn: bạn đang ngồi trong lớp học, nhưng bạn có thể không ý thức đang làm gì mà lại để tâm nghĩ đến cha mẹ ở nhà, hoặc sống lại giây phút thần tiên của buổi đi chơi xa trong tuần qua...

- Như vậy, trong con người, ngoài phần vật chất thể xác, còn phải có một nguyên lý linh thiêng siêu vật chất, biệt lập với vật chất để có thể vượt ra ngoài không gian và thời gian hiện tại. Nguyên lý linh thiêng ấy được gọi là LINH HỒN.

TÓM LẠI con người tuy là vật chất, nhưng có những đặc tính khác hẳn vật chất, vượt lên trên vật chất để trở thành một loài có giá trị đặc biệt. Nếu con người chỉ thuần là vật chất, hoàn

toàn lệ thuộc và ở trong thế giới vật chất... thì trí khôn họ làm sao xuất hiện? Nếu chỉ là vật chất thì tại sao con người lại ý thức được mình đang bị cột chân xuống thế giới vật chất? Nếu không vượt được ra ngoài vật chất thì làm sao thống trị được vật chất? Hơn nữa, trong con người có lương tâm luân lý với nhiệm vụ phê phán các hành động của chính mình: Khi làm được một việc tốt, con người sẽ cảm thấy vui sướng tự hào... Trái lại sẽ cảm thấy hổ thẹn với bản thân, sẽ bị lương tâm cáo trách dày vò, nếu làm một việc sai trái không tốt. Như vậy, lương tâm ấy có phải vật chất, có tùy thuộc vật chất hay không?

Khi so sánh con người với các hiện tượng thiên nhiên vật chất, ÉTIENNE BERNE đã viết: “Hiện tượng người có liên quan chặt chẽ với thiên nhiên... Con người không phải chỉ là một hiện tượng thiên nhiên, vì họ đã phát sinh ra khoa học để tra vấn, lục xét thiên nhiên và ý thức mình là một chủ thể tự do. Khoa học càng tiến bộ, người ta càng nhận thấy mối tương quan mật thiết giữa con người với thiên nhiên, nhưng đồng thời người ta cũng nhận thấy con người có khả năng tách biệt ra khỏi thiên nhiên hỗn mang. Chính hai sự kiện trái nghịch nhau trong con người như thế là yếu tính của con người” (E.Berne: Dieu n'est pas mort).

II CON NGƯỜI TUY GIỐNG CON VẬT, NHƯNG VẪN KHÁC VÌ CÓ LINH HỒN:

1. CON NGƯỜI GIỐNG CON VẬT: Khi so sánh con người với một số động vật thượng đẳng, người ta thấy dường như có sự giống nhau nào đó, khiến cho nhiều người lầm tưởng: con người cũng chỉ là con vật, và không có cái gì gọi là linh hồn nơi con người. Người ta đã nêu ra một số điểm giống nhau giữa con người và một số loài vật như sau:

a) Về hình dạng thân thể: Loài khỉ vượn có khuôn mặt, thân hình, tay chân và các bộ phận nằm sâu trong cơ thể... rất giống con người. Khi một con khỉ bị bệnh, người ta cũng có thể chữa trị với cùng một cách thức như chữa bệnh cho con người. Ngoài ra, con khỉ còn có cảm giác đau đớn, sợ hãi... giống như con người, nên có người đã đi đến kết luận: “Nhân sao vật vậy”..

b) Về sự hiểu biết: Con vật cũng có sự hiểu biết tương tự như trí khôn con người. Chẳng hạn, con chó có thể phân biệt được chủ hay khách lạ. Một võ quan thú y kể rằng: mấy con ngựa cũng biết giả bộ bị què đi khắp khiêng để khỏi phải ra mặt trận là nơi trước đó nó đã từng bị thương.

Nhà bác học KOHLER đã làm một thí nghiệm để thử trí thông minh của loài khỉ Chimpazé, như sau: Ông treo một nải chuối lên trên cao, và không quên để sẵn nhiều dụng cụ cho loài khỉ này có thể sử dụng để với tới nải chuối mà nó rất ưa thích. Ông nhận xét: Con khỉ lần lượt thử lấy chuối bằng dụng cụ này rồi dụng cụ khác. Sau cùng nó cũng biết cắm hai khúc tre vào nhau cho dài ra để khều được chuối. Cũng có lần nó biết chồng các hộp vuông lên nhau, trèo lên để lấy chuối xuống ăn.

c) Về sự tài khéo: Nhiều con vật khi được tập luyện cũng có sự tài khéo tương tự như con người. Chẳng hạn: có những con khỉ biết đi xe đạp, biết nhào lộn, đá banh. Loài cá heo cũng có sự hiểu biết tương đương với một đứa trẻ 1-2 tuổi: nó biết gật đầu chào khách, biết tuân theo hiệu lệnh của huấn luyện viên để nhảy xuống nước hay ngoi lên bờ... Nếu hỏi các huấn

luyện viên loài chó thì họ sẽ kể cho chúng ta nghe về vô số tài khéo đặc biệt của những con chó đã được huấn luyện.

Tuy nhiên, tất cả những sự tương tự nói trên vẫn không đủ để kết luận con người hoàn toàn chỉ là con vật như bao loài vật khác, vì con người còn có những yếu tố siêu việt mà loài vật không bao giờ có được. Ngay trong những điều tưởng chừng giống nhau, cũng vẫn có khác biệt về trình độ cao thấp giữa con người với con vật.

2. CON NGƯỜI KHÁC CON VẬT.

a) Khác biệt về trình độ cao thấp:

- Cơ thể con người tuy rất giống với loài khỉ, nhưng nếu quan sát kỹ ta vẫn thấy có khác biệt: Thân xác con người đẹp đẽ, tinh vi...khác hẳn tình trạng xấu xí, thô kệch của loài vượn.

- Con vật có sự hiểu biết, nhưng cái biết ấy là do bản năng thiên nhiên phú bẩm chứ không học hỏi để mỗi ngày tiến bộ thêm như sự hiểu biết của con người.

+ Sự hiểu biết ấy thiếu thích nghi và có tính cách máy móc: Tò vò trước khi đẻ trứng sẽ bắt một con sâu, chích một phát cho sâu bị tê liệt, rồi bỏ sâu vào một lỗ trong tổ. Sau đó, tò vò leo lên miệng lỗ, đẻ vào lỗ một cái trứng, rồi vít cửa lỗ lại, để khi tò vò con nở ra sẽ có sẵn đồ ăn tươi ngon. Nhưng nếu bạn lấy con sâu và cái trứng mà tò vò mẹ vừa đẻ ngay trước mặt nó, tò vò mẹ vẫn vít cửa lỗ lại như không có gì xảy ra. Làm như vậy có khác gì một cỗ máy vô tri vô giác.

+ Sự hiểu biết ấy vẫn luôn có sẵn trong con vật và không đổi mới: khi quan sát, so sánh các tổ chim, các nhà sinh vật học cho biết: mỗi loài chim có một loại tổ riêng, và trong mỗi loại, mọi con chim đều có cách dựng tổ giống y như nhau, dù con chim ấy được nuôi riêng biệt tách khỏi đàn, không trông thấy các con chim khác làm tổ bao giờ. Loài chim sẻ xưa kia làm tổ thế nào thì con cháu của chúng sau này cũng làm tổ y như vậy, nhưng không có bất cứ thay đổi nào. Như vậy, sự hiểu biết ấy của con vật là do bản năng thiên phú, khác hẳn với sự hiểu biết của con người luôn có sự tiến bộ do học hỏi và không ngừng thay đổi thích nghi với hoàn cảnh chung quanh.

- Con vật có tài khéo, nhưng sự tài khéo ấy chúng không thể tự tập luyện, mà phải do con người khổ công tập luyện cho. Chẳng hạn: Con khỉ sở dĩ biết chơi bài là vì người ta đã dùng miếng ăn để huấn luyện thành thói quen cho nó bằng cách dính thịt bít-tết vào các quân bài, khỉ muốn ăn bít-tết, con khỉ phải lật bài lên. Cứ làm đi làm lại mãi sẽ thành thói quen. Rồi đến một ngày kia dù không có bít-tết, con khỉ vẫn có khả năng lật bài theo ý của huấn luyện viên.

b) Khác biệt về trí khôn, lòng muốn và trực giác:

-Con người có trí khôn, nghĩa là có tư tưởng tổng quát trừu tượng, có óc sáng tạo và tiến bộ, đang khi con vật không bao giờ có những điều này: Một vị bác sĩ đã làm thí nghiệm để chứng minh trí khôn con người có những đặc tính khác hẳn với cái biết sơ thiếu nơi con vật. Ông cho một con khỉ lớn khôn và đưa con nhỏ hai tuổi của ông chơi chung một số hộp bánh kẹo được đậy nắp kín. Lúc đầu khỉ thành công hơn đưa con ông: nó cầm hộp lắc, cạy lung tung và lâu lâu lại may mắn mở được một hộp bánh, và lại tiếp tục cạy lắc với những hộp bánh còn lại. Còn đưa con ông tuy lúc đầu chậm hơn, nhưng khi đã mở được một hộp nào rồi, thì những

hộp khác có hình dạng tương tự, nó đều mau chóng mở được. Sở dĩ đĩa trẻ mở được mau lẹ là do có ý niệm tổng quát trừu tượng, biết nhận ra những điểm giống nhau giữa các hộp bánh kẹo.

Ngoài ý niệm tổng quát trừu tượng nói trên, con người còn biết chế biến các dụng cụ làm tăng khả năng và sức lực của mình lên gấp bội, đang khi con vật chỉ biết sử dụng thân thể làm khí cụ chuyên biệt mà thôi: Con cá dùng vây làm mái chèo và bánh lái để bơi, chim thì dùng cánh giang rộng để lướt bay trên không trung, con voi dùng ngà và vòi làm khí giới tự vệ... Duy chỉ có con người là có khả năng sáng tạo để làm được những việc vượt quá khả năng tự nhiên giới hạn của mình: Tuy không thể sống dưới nước như loài cá nhưng con người đã sáng chế ra tàu ngầm để lặn sâu và ở dưới đáy biển lâu hơn mọi loài cá biển; Con người tuy không có cánh để bay nhưng đã chế tạo ra máy bay có khả năng bay tít tận trời cao với tốc độ nhanh gấp mấy lần âm thanh mà không loài chim nào sánh bằng; Con người chỉ là một loài yếu đuối nhỏ bé hơn nhiều động vật khác, nhưng đã biết sử dụng trí khôn làm ra khí giới tối tân để tự vệ cách hữu hiệu, gấp trăm ngàn lần những loài vật mạnh mẽ nhất...

Cũng chính vì có trí khôn trời vượt khác hẳn con vật, mà loài người đã tiến bộ và tiến thật nhanh. Ngày xưa đã có thời kỳ con người rất gần con vật: họ phải vừa lo kiếm ăn, lại vừa lo chống lại kẻ thù và truyền sinh nòi giống... Nhưng chính vì có trí khôn, nên chỉ duy con người có sự tiến bộ vượt mức về mọi phương diện (văn hóa tinh thần, khoa học kỹ thuật...) như hiện nay. Trái lại con vật do chỉ có bản năng thiên phú nên không tiến bộ và cũng không thể truyền lại cho con cháu những gì đã đắc thủ nhờ sự tập luyện giống như con người. Tổ tiên con khỉ ngày xưa đã sống hoang dã thế nào thì con cháu của chúng ngày nay cũng sống y như vậy, chứ không tiến bộ như con người.

-Ngoài phần trí khôn nói trên, con người còn khác hẳn con vật vì có ý chí tự do: Con người biết lựa chọn điều tốt và loại bỏ điều xấu, miễn là có lợi cho bản thân. Còn con vật hoạt động phần lớn do bản năng chứ không có tự do lựa chọn và tự chủ như con người. Chẳng hạn: Một con chó khi đứng trước miếng thịt thơm ngon sẽ không thể tự kiềm chế được sự ham ăn. Nó chỉ không dám ăn là do bản năng tự vệ, sợ bị chủ đánh đòn. Bao lâu sự sợ mạnh hơn cái đói thì nó còn chịu đứng nhìn chảy nước dãi. Nhưng nếu cái đói lấn át sự sợ hãi, nó sẽ nhào đại vào ăn miếng thịt bất chấp roi đòn của chủ. Đang khi trong hoàn cảnh đó, nhiều người có lòng tự trọng và ý chí mạnh sẽ thà chịu chết đói hơn là chịu khuất phục vì miếng ăn, như những nhà đấu tranh cho công lý đã từng thực hiện.

-Cuối cùng, trong lãnh vực tinh thần, con người còn trội vượt loài vật vì có tư tưởng và ý thức về chính mình: con người có khả năng nhận biết ngoại giới nhờ giác quan giống như con vật, nhưng con người còn có khả năng nhận biết những thực tại siêu thực nghiệm dù mắt không thấy, tay không sờ, tai không nghe, mũi không ngửi, lưỡi không nếm... vượt hẳn con vật. Đó là khả năng tư duy, suy luận và trực giác... Chẳng hạn: loài người chúng ta có thể tin vào những điều mà người khác đã nhìn thấy nói ra ... nếu điều ấy hữu lý, đáng tin vì có bằng chứng xác đáng. Hoặc khi trông thấy khói, chúng ta suy luận đã phải có lửa dù mắt ta không nhìn thấy lửa cháy; khi trông thấy một quả sòai, ta biết đã phải có cây sòai... dù mắt ta không thấy cây sòai. Về trực giác cũng vậy: trực giác là một cái nhìn trực tiếp, không qua trung gian của giác quan. Người phụ nữ chỉ cần thấy mặt một người là có thể trực giác biết đó là hạng người nào, tốt xấu ra sao và có đáng tin hay không. Trực giác đó được gọi là giác quan thứ sáu, điều mà con vật không bao giờ có.

Như vậy, có thể nói: con người tuy giống con vật về thân xác vật chất, nhưng lại khác biệt về trí khôn, ý chí tự do và suy tư trực giác. Những hoạt động tinh thần ấy chứng tỏ con người ngoài phần thể xác vật chất còn có phần linh thiêng hơn hẳn loài vật gọi là LINH HỒN.

III. TƯ TƯỞNG KHÔNG LÀ SẢN PHẨM CỦA ÓC NÃO VẬT CHẤT, NHƯNG LÀ MỘT HOẠT ĐỘNG CỦA LINH HỒN:

Một số người đã nêu ra nhận xét về ảnh hưởng giữa thể xác và linh hồn: thay đổi bộ óc tức cũng thay đổi con người, cắt đi một hai lá óc, con người có thể không còn cảm giác đau, có thể bị câm không nói được, không đọc được hiểu được, có thể quên quá khứ... Tâm tính con người cũng tùy thuộc vào hệ thống tuyến giáp và thần kinh hệ. Do bao tử bị đau có thể làm cho người ta ra khó tính; Gan yếu có thể phát sinh sự cau có khó chịu; Một người nát rượu say sấn có thể trở thành đàn độn, không nhớ được mình đã nói đã làm gì trong lúc say... Từ những nhận xét ấy, có người đã kết luận: không có linh hồn nào trong con người, tư tưởng siêu hình cũng chỉ là sản phẩm của óc não, là một hình thức của vật chất do óc não bài tiết ra, giống như mật do gan tiết ra vậy.

Thực ra, những nhận xét nói trên không đủ bằng chứng kết luận: óc não vật chất sản sinh ra tư tưởng được. Đồng ý là thân xác có ảnh hưởng đến tâm hồn, nhưng cũng đừng quên: tâm hồn cũng ảnh hưởng đến thân xác nữa. Chẳng hạn: khi một người nóng giận, mặt họ có thể đỏ ửng lên; Khi sợ hãi thì mặt mũi tái mét; Khi quá xúc động trái tim sẽ đập nhanh và té xỉu, thần trí có thể rơi vào hôn mê bất tỉnh. Chỉ nghĩ đến me chua cũng có thể làm cho nước miếng trong miệng ta chảy ra...

Tuy bộ óc con người có ảnh hưởng rất nhiều đến tư tưởng, nhưng điều đó chỉ minh chứng rằng: óc não là điều kiện để con người hiểu biết và ước muốn. Không thể dựa vào lý do óc não ảnh hưởng đến tư tưởng, để kết luận tư tưởng là sản phẩm của óc não được vì những lý do như sau:

-Nếu óc não sinh ra tư tưởng thì bộ óc to, dĩ nhiên tư tưởng phải nhiều. Vậy tại sao nhiều người có đầu óc thật to mà lại dốt nát ngu muội? Óc bò cũng được cấu tạo bằng những tế bào giống như óc người, thế mà người ta vẫn thường nói: “Ngu như bò !”.

-Nếu óc sinh ra tư tưởng thì óc phải giống như một thư viện chứa đựng tư tưởng. Mỗi tư tưởng sẽ chiếm một chỗ riêng: hổng chỗ nào thì những tư tưởng nơi đó sẽ bị mất đi. Thế nhưng trong thực tế: những người bị hư màng óc tuy có quên các điều đã biết trong một thời gian nào đó. Rồi sau khi bộ óc đã được chữa trị bồi bổ, khi những tế bào mới đã mọc ra thay thế cho những tế bào cũ bị hư hại thì họ lại có thể nhớ được những gì đã quên khi bị bệnh trước đó. Như vậy, chứng tỏ rằng: óc không phải là “nguyên nhân sản xuất” mà chỉ là “phương tiện sản xuất” ra tư tưởng, qua “dụng cụ trung gian” là óc não. Chúng ta có thể ví linh hồn con người giống như một người đánh máy chữ. Người này muốn sản xuất ra tư tưởng là các hàng chữ trên mặt giấy, cần phải sử dụng dụng cụ trung gian óc não như chiếc máy đánh chữ. Cũng như khi máy chữ bị hư hỏng làm cho người đánh máy không thể đánh ra các hàng chữ thế nào, thì khi bộ óc con người bị hư hại, linh hồn cũng không thể sản xuất ra tư tưởng thế ấy. Rồi sau khi máy đã sửa xong, khi bộ óc đã được chữa lành, người đánh máy lại có thể sản xuất ra các hàng chữ, người bệnh lại có thể nhớ lại được những gì đã quên khi bị bệnh trước đó.

-Đàng khác, nói rằng: óc não sinh ra tư tưởng là điều vô lý, vì theo nguyên tắc triết học: “Không ai cho kẻ khác điều mình không có”, và trong thực tế: loài nào chỉ sinh ra sản phẩm mang những đặc tính của loài đó. Chẳng hạn: Cây mít vật chất chỉ có thể sinh ra quả mít cũng là vật chất. Gan trong bụng là vật chất cũng chỉ sinh ra mật là vật chất... Thế thì óc não vật chất làm sao có thể sinh ra tư tưởng siêu vật chất, với phẩm chất vượt không gian, thời gian mà vật chất không bao giờ có được? Vậy tư tưởng do đâu mà phát sinh nếu không bắt nguồn từ một nguyên nhân linh thiêng mà chỉ duy loài người mới có. Nguyên nhân ấy là LINH HỒN.

KẾT LUẬN:

Tất cả những lý lẽ viện ra để phủ nhận linh hồn đều không đứng vững trên bình diện triết lý cũng như khoa học. Ta phải cùng với mọi người có lương tri ngay thẳng mà quả quyết rằng: CON NGƯỜI KHÁC HẸN CON VẬT VÌ CÓ LINH HỒN THIÊNG LIÊNG SIÊU VIỆT, LINH HỒN ẤY CHÍNH LÀ NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH TƯ TƯỞNG VÀ MỌI HOẠT ĐỘNG SIÊU VIỆT, THÔNG QUA TRUNG GIAN LÀ ÓC NÃO. Pascal đã viết: “Tất cả mọi thể xác, bầu trời và các vì tinh tú, trái đất và các quốc gia trên trái đất... cũng không có giá trị bằng một tinh thần nhỏ mọn nhất. Vì tinh thần ấy biết những vật kia và biết cả chính mình, còn thể xác và các vật kia không hiểu biết gì cả. Từ hết mọi thể xác gom lại cũng không thể làm phát sinh được một tư tưởng nhỏ mọn, vì tư tưởng ở một cấp bậc khác hẳn, cấp bậc thiêng liêng tinh thần”.

PHÚT HỒI TÂM:

LỜI CHÚA: “Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật” (St 2,7).

LỜI CẦU: Lạy Chúa Giê-su. Xin thổi Thần Khí của Chúa xuống trên chúng con, để chúng con luôn ý thức loài người không những là thân xác vật chất có sinh có diệt, mà còn là hồn thiêng bất tử do Thiên Chúa phú ban và sẽ tồn tại vĩnh hằng. Xin cho chúng con luôn sống tình hiệp thảo với Chúa Cha bằng lời cảm tạ tri ân và nhìn nhận mọi người là anh chị em, là con cùng một Cha Chung trên trời. Nhờ đó chúng con hy vọng sau khi chết linh hồn chúng con sẽ được về trời với Chúa hưởng hạnh phúc muôn đời. - AMEN.

LM ĐAN VINH

www.hiephoithanhmau.com

VỀ MỤC LỤC

TÓM LƯỢC SẮC LỆNH TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN APOSTOLICAM ACTUOSITATEM (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II – BÀI 6)

Trong Chương 4 của Lumen gentium, Công Đồng vẫn tiếp tục bàn về vai trò của giáo dân trong Hội Thánh, và nhấn mạnh rằng: “giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Hội Thánh hiện diện và hoạt động nơi và trong những hoàn cảnh mà nếu không có họ, thì Hội Thánh sẽ không trở thành muối của thế gian” (LG 33). Vì đối với Hội Thánh giáo dân quan trọng như thế nên Công Đồng đã dành riêng cho giáo dân một văn kiện trong 16 văn kiện của Công Đồng. Đây là văn kiện đầu tiên trong lịch sử các Công Đồng được soạn thảo dành riêng cho giáo dân. Công Đồng mở đầu Sắc Lệnh này bằng cách nói lên ước muốn của các Nghị Phụ là tăng cường các hoạt động tông đồ của Dân Thiên Chúa. Sắc Lệnh Apostolicam Actuositatem (viết tắt AA) định

nghĩa vai trò tông đồ của giáo dân trong sứ mệnh của Hội Thánh, đưa ra các những hình tông đồ thích hợp với hoàn cảnh giáo dân và nền tảng linh đạo của nó cùng nhấn mạnh đến nhu cầu và cách thức đào tạo tông đồ giáo dân. Các Nghị Phụ đã thông qua Sắc Lệnh này vào ngày 18-11-1965 với 2.305 phiếu thuận và 2 phiếu chống.

Mở Đầu

Thánh Công Đồng muốn phát động mạnh mẽ hơn việc tông đồ của dân Thiên Chúa. Trong những buổi đầu của Hội Thánh, việc tông đồ này thật là hăng say và kết quả. Thời đại chúng ta đòi hỏi người giáo dân phải nhiệt thành không kém, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại. Càng ngày dân số càng gia tăng, khoa học và kỹ thuật càng tiến triển, những mối tương quan mật thiết hơn giữa con người không những mở rộng môi trường hoạt động tông đồ giáo dân đến vô hạn, mà còn tạo nên nhiều vấn đề mới đòi họ phải đặc biệt lưu tâm học hỏi. Việc tông đồ này lại càng trở nên khẩn trương hơn, vì sự biệt lập trên nhiều phương diện của cuộc sống con người càng gia tăng, đôi khi gây nên một sự tách biệt với trật tự luân lý và tôn giáo, cũng như tạo ra một sự nguy hiểm trầm trọng cho đời sống Kitô hữu. Hơn nữa, trong những miền thiếu linh mục, Hội Thánh khó có thể hiện diện và hoạt động hữu hiệu nếu không nhờ giáo dân cộng tác. Dấu hiệu cho thấy nhu cầu muôn mặt và khẩn trương ấy chính là hoạt động tổ tường của Chúa Thánh Thần đang làm cho giáo dân hôm nay mỗi ngày một ý thức hơn phần trách nhiệm riêng của mình và thúc bách giáo dân mọi nơi phục vụ Đức Kitô và Hội Thánh (x. AA số 1).

1. Ơn Gọi Của Giáo Dân

Hội Thánh được thành lập với mục đích truyền bá Nước Thiên Chúa trên khắp hoàn cầu, tức là làm cho mọi người được thông phần vào ơn chuộc tội và cứu rỗi. Để rồi nhờ họ, toàn thể thế giới thực sự được qui hướng về Đức Kitô. Mọi hoạt động hướng về mục đích này gọi là việc tông đồ. Thật ra ơn gọi làm Kitô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ.

Vì vậy, trong Hội Thánh có sự đa dạng trong việc phục vụ, nhưng có một sự hợp nhất trong sứ mệnh. Đức Kitô ủy thác cho các tông đồ và những người kế của các ngài (tức là các giám mục) nhiệm vụ nhân danh Người mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản Hội Thánh bằng thẩm quyền của Người. Qua bí tích Thánh Tẩy, giáo dân cũng được tham gia vào chức vụ Tư Tế, Ngôn Sứ và Vương Giả củ Đức Kitô. Họ trở thành chi thể của nhiệm thể Người.

Giáo dân có bổn phận và quyền làm tông đồ vì Đức Kitô là Đầu của họ. Họ được chính Chúa chỉ định làm việc tông đồ. Nhiệm vụ của giáo dân là chu toàn phận vụ của mình trong sứ mệnh của Hội Thánh và ở giữa trần gian. Giáo dân thực sự thi hành việc tông đồ bằng công việc của mình để rao giảng Tin Mừng và thánh hóa nhân loại, đem tinh thần Tin Mừng thấm nhuần và hoàn hảo hóa những việc thuộc phạm vi trần thế, để họ thành nhân chứng hữu hình của Đức Kitô trước mặt mọi người và góp phần vào việc cứu độ nhân loại. Sắc Lệnh viết, “bản chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa đời và làm việc đời nên chính họ được Thiên Chúa mời gọi để một khi tràn đầy tinh thần Kitô giáo, họ làm việc tông đồ giữa đời như men trong bột.” (AA 2). Việc tông đồ được thực thi nhờ đức tin, đức cậy, đức ái. Lại nữa, nhờ giới luật Yêu Thương mọi tín hữu được thúc đẩy để tìm vinh danh Thiên Chúa bằng cách làm cho nước Ngài trị đến và mưu tìm sự sống đời đời cho mọi người để họ nhận biết một Thiên Chúa chân thật và Đáng Ngài đã sai đến là Chúa Giêsu Kitô. Chúa Thánh Thần ban cho tất cả mọi người, qua bí tích Rửa Tội và Thêm Sức, những đặc sủng phải được đưa ra phục vụ của Hội Thánh và cho việc làm cho thế giới nên tốt đẹp hơn.

2. Mục Tiêu của Việc Tông Đồ Giáo Dân

Sứ vụ của Hội Thánh không những chỉ để mang sứ điệp cứu rỗi đến cho thế giới, nhưng còn nhằm hoàn thiện và canh tân toàn thể trật tự trần thế. Giáo dân vừa là tín hữu vừa là công dân của thế trần, nhưng họ chỉ có một lương tâm, một lương tâm Kitô hữu, và chính vì thế mà họ phải được hướng dẫn liên tục cả đạo lẫn đời.

Trong ánh sáng này, Hội Thánh trình bày ba lãnh vực phải quan tâm cho việc tông đồ giáo dân.

Lãnh vực thứ nhất là rao giảng Tin Mừng. Mục tiêu chính của Hội Thánh là mang sứ điệp của Chúa cho mọi người. Việc tông đồ của Hội Thánh, nói chung là cho tất cả các phần tử của mình, là nhằm rao giảng sứ điệp này bằng lời nói và việc làm. Các giáo dân có rất nhiều cơ hội để đạt được mục tiêu này qua việc làm chứng bằng cách sống của họ, và các việc lành mà họ làm phát sinh từ đức ái siêu nhiên.

Lãnh vực thứ hai là thánh hóa trật tự trần thế. Lãnh vực này bao gồm tất cả mọi bình diện của đời sống của chúng ta: các giá trị cá nhân và gia đình, văn hóa, kinh tế, thương mại và chuyên môn, các cơ cấu chính trị,... Mọi hoạt động của giáo dân phải được hướng dẫn bởi những nguyên tắc của Tin Mừng và đức ái Kitô giáo, bất kỳ họ có trách nhiệm hay chức vụ gì trong xã hội. Nhờ ánh sáng đức tin và suy niệm Lời Chúa mỗi người có thể nhận ra Chúa ở mọi nơi và mọi lúc, tìm ý Chúa trong mọi biến cố, và nhất là nhìn thấy Đức Kitô trong mọi người, dù là kẻ thù, cùng phê phán đúng đắn về ý nghĩa đích thực và giá trị của các sự vật trần thế..

Sau cùng, lãnh vực thứ ba bao gồm những công tác bác ái và trợ cấp xã hội. Bất cứ Đức Kitô khiêm hạ, họ không háo danh nhưng chuyên lo làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn làm đẹp lòng người ta. Để thực thi bác ái cần phải nhìn nhận nơi tha nhân hình ảnh Thiên Chúa và nhìn nhận nơi họ chính Đức Kitô, bởi vì bất cứ sự gì được tặng cho người nghèo là đã thực sự được dâng cho Người. Phải tổ chức giúp đỡ sao cho những người được trợ giúp dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc người khác và có thể tự túc.

Gương mẫu hoàn hảo của đời sống thiêng liêng và đời sống tông đồ ấy chính là Đức Trinh Nữ Maria.

3. Các Môi Trường Hoạt Động Tông Đồ

Môi trường đầu tiên là chính Hội Thánh. Giáo dân có một vai trò trong việc đưa mọi người đến với Hội Thánh, kể cả những người rất xa lạ với Hội Thánh. Họ phục vụ trong việc dạy giáo lý và rao truyền Lời Chúa. Tùy theo ngành chuyên môn của họ, họ có thể phục vụ trong việc quản lý tài sản của Hội Thánh, và làm tăng hiệu quả của việc chăm sóc các linh hồn.

Môi trường thứ nhì là gia đình. Theo Công Đồng thì, “Đấng Tạo Hóa đã đặt cộng đoàn hôn nhân làm nguồn gốc và nền tảng cho xã hội loài người và dùng ơn thánh Ngài nâng lên hàng bí tích cao cả trong Đức Kitô và trong Hội Thánh” (AA 11). Việc tông đồ của những người đã lập gia đình và các gia đình quan trọng đặc biệt đối với cả xã hội lẫn Hội Thánh. Chính cha mẹ là những người đầu tiên phải rao truyền và giáo dục đức tin cho con cái họ. Bằng lời nói và gương sáng họ huấn luyện con cái sống đời Kitô giáo và làm việc tông đồ. Họ thận trọng giúp đỡ con cái trong việc lựa chọn ơn kêu gọi, và nếu thấy chúng có ơn thiên triệu, họ tận tình nuôi dưỡng ơn kêu gọi đó. Những giá trị này cũng mở rộng đến những tương quan giữa gia đình và xã hội, để chắc chắn là các quyền của gia đình phải được bảo vệ trong pháp luật dân sự, chẳng hạn như gia cư, giáo dục con cái, điều kiện làm việc, và luật di dân.

Môi trường thứ ba là xã hội. Giáo dân phải làm tông đồ trong môi trường xã hội, tức là cố gắng đem Tin Mừng giáo thấm nhuần não trạng, phong tục, luật lệ và cơ cấu của cộng đoàn nơi họ sống: bổn phận và trách nhiệm này không ai có thể làm thay họ cách đầy đủ được.

Môi trường thứ tư là chính trường quốc gia và quốc tế. Lòng trung thành của giáo dân với nghĩa vụ công dân đòi buộc mọi giáo dân phải tham gia chính trị để đảm bảo rằng các giá trị Kitô giáo có tiếng nói trong các vấn đề công cộng. Đồng thời qua việc cộng tác với tất cả mọi người thiện chí, họ cổ vũ tất cả những gì là chân thật, đúng và tốt trong xã hội dân sự.

4. Các Hình Thức Tông Đồ Giáo Dân

Giáo dân có thể phục vụ hoặc từng người, hoặc trong các đoàn thể.

Việc tông đồ được thực thi bởi cá nhân là khởi điểm và điều kiện cho tất cả các loại tác vụ của giáo dân. Văn kiện nói, “Mọi giáo dân, bất kể hoàn cảnh của mình, được mời gọi và có nghĩa vụ làm việc tông đồ, ngay cả khi không có cơ hội hoặc khả năng cộng tác trong các hội đoàn” (AA 16). Một hình thức đặc biệt của việc tông đồ này là việc làm nhân chứng của một đời sống bắt nguồn từ đức tin, đức cậy và đức mến. Việc tông đồ cá nhân này là điều đặc biệt quan trọng ở những vùng mà Hội Thánh chịu bách hại. Giáo dân được mời gọi như những cá nhân để thực thi việc tông đồ theo hoàn cảnh cuộc sống của họ.

Nhưng vì con người là một sinh vật xã hội, nên ơn gọi này có thể được thực thi trong bối cảnh của một nhóm hay hội đoàn. Việc cùng nhau làm việc cách hòa hợp theo nhóm của các tín hữu là một dấu chỉ của sự hiệp thông và hiệp nhất mà chúng ta có với Đức Kitô và Hội Thánh. Cách làm việc theo nhóm này cũng rất quan trọng bởi vì có nhiều công tác đòi hỏi phải hành động phối hợp. Các hội đoàn có thể có nhiều hình thức. Ví dụ, hội đoàn này có thể nhằm mục đích truyền giáo, hội đoàn khác có thể hoạt động nhằm thánh hóa các hội viên và thế giới, và vẫn còn những hội đoàn khác có thể tham gia vào công việc thương xót và bác ái. Tuy nhiên, các hội đoàn tự nó không phải là cứu cánh của mình, như Công Đồng viết, “... Chúng phải nhằm giúp Hội Thánh chu toàn sứ mệnh đối với trần gian. Các hội đoàn chỉ có giá trị tông đồ nhờ việc phù hợp với các mục tiêu của Hội Thánh, việc từng hội viên hay cả hội đoàn có tinh thần Tin Mừng và làm chứng cho Đức Kitô.” (AA 19).

5. Trật Tự Phải Theo

Chương năm nói về sự liên hệ giữa việc tông đồ giáo dân và Hàng Giáo Phẩm. Văn kiện này trình bày rõ ràng vai trò của Hàng Giáo Phẩm như sau, “Bổn phận của Hàng Giáo Phẩm là phải hỗ trợ cho hoạt động tông đồ của giáo dân: đề ra những nguyên tắc và giúp các phương tiện thiêng liêng. Phải phối hợp việc tông đồ của họ để sinh ích chung cho toàn thể Hội Thánh. Hàng Giáo Phẩm cũng phải lo sao cho giáo thuyết và những chỉ thị của Hội Thánh được tuân hành” (AA 24). Tuy nhiên, việc giám sát này không có nghĩa là làm phương hại đến quyền thành lập và tổ chức những việc tông đồ của giáo dân, và điều hành chúng theo ý họ. Sự liên hệ này nhằm mục đích giúp ích cho cả hai bên. Thẩm quyền Hội Thánh có nhiệm vụ đối với nhu cầu công ích của Hội Thánh, và phải thực thi thẩm quyền hợp pháp của mình vì mục đích ấy.

Công Đồng khuyến cáo các giáo sĩ và tu sĩ làm việc chặt chẽ với giáo dân trong các sáng kiến này. Sắc Lệnh nói rằng giáo sĩ “... phải nhớ rằng quyền và bổn phận làm tông đồ là quyền và bổn phận chung cho tất cả mọi tín hữu không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và trong việc xây dựng Hội Thánh, giáo dân cũng có phần riêng của họ” (AA 25). Việc hợp tác với hàng giáo sĩ và tu sĩ này mở rộng cho cả các Kitô hữu khác và những người ngoài Kitô giáo. Vì con người có cùng chung những giá trị nhân bản, nên các Kitô hữu đang theo đuổi mục đích tông đồ cũng thường phải cộng tác với những người tuy theo không theo Kitô giáo, nhưng nhìn nhận những giá trị nhân bản đó, trong một mối liên hệ được Sắc Lệnh gọi là “năng động, nhưng thận trọng”.

6. Việc Đào Tạo Tông Đồ Giáo Dân

Các Nghị Phụ Công Đồng dành chương cuối của văn kiện để bàn về nhu cầu phải làm sao đào tạo các giáo dân cho việc tông đồ một cách thích hợp. Chương trình đào tạo này là một nỗ

lực kéo dài suốt đời một người. Văn kiện đưa ra những nguyên tắc cơ bản cho việc đào tạo này.

Trước hết, Việc đào tạo này phải dựa trên những nền tảng đã được Thánh Công Đồng đề xướng và công bố trong nhiều văn kiện khác. Ngoài việc huấn luyện chung cho mọi tín hữu, còn phải có thêm lớp huấn luyện chuyên biệt cho một vài đoàn thể tông đồ có nhiều đoàn viên và hoàn cảnh khác nhau. Việc huấn luyện cũng bao hàm việc huấn luyện toàn diện con người cho phù hợp với nhân cách và hoàn cảnh của mỗi người.

Người giáo dân phải học sao cho biết chu toàn sứ mệnh của Đức Kitô và của Hội Thánh bằng sống đức tin vào mầu nhiệm Thiên Chúa tạo dựng và cứu độ dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần.

Họ còn phải được huấn luyện vững chắc về giáo lý, và ngay cả về thần học, luân lý, triết học. Cũng không thể coi thường việc giáo dục văn hóa tổng quát cùng đào tạo về kỹ thuật và thực hành.

Việc đào luyện làm tông đồ phải bắt đầu ngay từ lúc mới khởi sự giáo dục các trẻ em. Nhưng đặc biệt phải tập cho các thanh thiếu niên biết làm tông đồ và thấm nhuần tinh thần này. Cha mẹ khai tâm con cái của họ vào đức tin, cũng cần phải chăm lo để con em bắt đầu học về nhiệm vụ tông đồ của các em. Các trường học, trường cao đẳng, và những cơ sở giáo dục Công Giáo khác, cũng như các nhóm giáo dân và các hội đoàn khác nhau cũng phải chăm lo việc giáo dục tông đồ này. Cuối cùng, từng giáo dân phải tự mình tích cực chuẩn bị riêng cho việc tông đồ.

Văn kiện liệt kê nhiều phương pháp giúp việc đào tạo và giáo dục, bao gồm cả những đại hội, tĩnh tâm, hội nghị, sách vở, và tạp chí. Như Sắc Lệnh viết, “. . . tất cả những điều đó giúp họ đào sâu kiến thức của họ về Kinh Thánh và giáo lý Công Giáo, nuôi dưỡng đời sống tâm linh, và cũng làm quen với những hoàn cảnh của thế giới cùng khám phá và áp dụng các phương pháp phù hợp” (AA 32).

Phản Kết Luận

Cuối cùng, Công Đồng nhân danh Chúa mời gọi tất cả giáo dân, đặc biệt là giới trẻ, nghe theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, hãy mau mắn, đại độ và sẵn sàng đáp lại tiếng gọi của Đức Kitô tham gia việc tông đồ như được diễn tả bởi Công Đồng. Giáo dân hãy chứng tỏ mình là cộng tác viên của Chúa, cộng tác vào cùng một công cuộc tông đồ của Hội Thánh bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau. Những cộng tác viên phải luôn luôn thích nghi với những đòi hỏi mới của thời đại và không ngừng ra sức phục vụ Chúa.

Tóm Lại

Vì Đức Kitô là nguồn mạch của mọi việc tông đồ trong Hội Thánh, nên kết quả của việc tông đồ giáo dân tùy thuộc vào sự kết hiệp sống động của họ với Đức Kitô. Người giáo dân phải làm sao để chu toàn nhiệm vụ trần thế trong những hoàn cảnh thường xuyên của cuộc sống mà vẫn không tách khỏi đời sống mình sự kết hiệp với Đức Kitô. Đời sống như thế đòi hỏi việc thực hành liên tục đức tin, đức cậy và đức ái. Chỉ nhờ ánh sáng đức tin và nhờ suy niệm Lời Chúa và cầu nguyện mà mỗi người có thể nhận ra Chúa trong mọi nơi và mọi lúc, tìm Thánh Ý Chúa trong mọi biến cố và nhìn thấy Đức Kitô trong mọi người. Noi gương Đức Kitô khiêm hạ, họ không mưu cầu danh lợi, cũng không màng khen chê, nhưng chuyên lo làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn làm đẹp lòng người ta. Họ luôn sẵn sàng từ bỏ mọi sự vì Đức Kitô, và chịu bách hại vì sự công chính. Họ sống với mọi người trong tình thân hữu của Đức Kitô và sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi cần thiết. Lòng yêu thương phát xuất từ Thiên Chúa thúc đẩy họ làm việc thiện cho hết mọi người, và như vậy lôi kéo mọi người đến với Đức Kitô. Ngoài ra

họ cần chuyên lo học hỏi để biết thêm về giáo huấn của Chúa và Hội Thánh ngõ hầu họ có thể chu toàn việc tông đồ giáo dân của họ cách hiệu quả.

Phaolô Phạm Xuân Khôi tóm tắt theo bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

<http://giaoly.org/vn>

VỀ MỤC LỤC

Nhân cách và biểu hiện

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là khâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : Các “Thánh”

152. Nhân cách và biểu hiện

Ressen là một thầy chùa, cũng là một nghệ nhân rất tài năng. Tuy nhiên, trước khi bắt đầu vẽ bất kỳ bức tranh nào, anh luôn đòi tiền trước và giá thì cắt cổ. Vì thế, người ta gọi anh là Thầy Tu Tham Lam.

Có lần, một vũ nữ tìm đến anh, nhờ vẽ một bức tranh. Gessen bảo, “Cô sẽ trả tôi bao nhiêu?”. Tình cờ lúc đó, cô gái đang tiếp một khách quen. Cô đáp, “Bất kỳ giá nào anh yêu cầu. Nhưng bức tranh phải được hoàn thành ngay bây giờ trước mặt tôi”.

Gessen tra tay làm việc ngay lập tức và khi bức tranh hoàn tất, anh đòi cái giá cao nhất từ trước đến nay. Vũ nữ trả tiền cho anh, cô nói với khách hàng của mình, “Người này được cho là một thầy tu. Nhưng tất cả những gì anh nghĩ tới chỉ là tiền. Tài năng của anh ta thì tuyệt, nhưng anh ta có một đầu óc bệnh hoạn, tham tiền. Làm sao người ta có thể trưng bày bức

tranh của một người đàn ông bệnh hoạn, tham tiền như thế? Tác phẩm của anh ta chỉ đủ tốt cho đồ lót của tôi!”.

Nói xong câu đó cô ném cho anh một chiếc váy ngắn và yêu cầu anh vẽ một bức tranh trên đó. Gessen đặt câu hỏi thông thường trước khi bắt tay vào việc, “Cô sẽ trả tôi bao nhiêu?”, “Ồ, bất kỳ giá nào anh yêu cầu”, cô gái đáp. Gessen ra giá, vẽ tranh, trơ trên đút tiền vào túi và bỏ đi.

Nhiều năm sau, hoàn toàn tình cờ, có ai đó tìm ra nguyên nhân vì sao Gessen tham tiền đến thế.

Nạn đói khốc liệt thường xảy ra ở quê nhà. Người giàu chẳng làm gì để giúp người nghèo đang khi Gessen lại xây những kho thóc bí mật trong vùng và đổ đầy thóc để phòng khi cần kíp. Không ai biết thóc từ đâu ra và ai là ân nhân của dân làng.

Một lý do khác tại sao Gessen tham tiền là con đường từ làng lên thành phố dài hàng dặm. Con đường xấu đến nỗi xe bò cũng không thể di chuyển. Điều này gây đau đớn cho người già và người bệnh khi họ cần lên thành phố. Vì thế Gessen thuê người sửa đường.

Lý do cuối cùng là ngôi nhà nguyện mà thầy của Gessen luôn ước ao xây nhưng lực bất tòng tâm. Gessen xây nhà nguyện này như một biểu hiện của lòng biết ơn vị thầy đáng kính của mình.

Sau khi Thầy Tu Tham Lam đã sửa đường, xây nhà nguyện và các kho thóc, ông vứt bút cọ, tỉnh dưỡng trên núi với đời chiêm niệm và không bao giờ vẽ thêm một bức tranh nào.

Nhân cách của một con người thường biểu lộ những gì mà người quan sát tưởng tượng ra.

گ

153. Nhà thổ

Hai công nhân Ái Nhĩ Lan đang làm việc trên con đường bên ngoài một nhà thổ.

Bấy giờ, một mục sư Tin Lành tiến đến, kéo mũ xuống, đi vào tòa nhà. Pat bảo Mike, “Anh có thấy không? Chúng ta có thể trông mong điều gì? Ông ta chẳng phải là Tin Lành sao?”.

Ngay sau đó là một giáo sĩ Do Thái. Ông kéo cổ áo của mình lên và cũng đi vào. Pat nói, “Kinh khủng biết bao tám gương mặt mà một lãnh đạo tôn giáo nêu cho dân mình!”.

Cuối cùng, một linh mục công giáo đi qua. Ông trùm chiếc áo choàng quanh đầu và lên vào. Pat nói, “Mike, một trong các cô gái đã bị ốm nặng quả là điều kinh khủng phải không?”.

گ

154. Ngôn từ của giám mục

Ngày kia, hướng dẫn viên của một người đàn ông câu cá ở miền núi phía bắc kể cho ông nghe những câu chuyện về vị giám mục mà anh hướng dẫn mùa hè năm trước.

“Vâng”, anh kể, “ngài là một người tốt, ngoại trừ ngôn từ của ngài”.

“Anh nói giám mục chửi thề sao?” ông hỏi.

“Ồ, nhưng thưa ông, dĩ nhiên rồi”, hướng dẫn viên đáp. “Câu được một con cá hồi, ngay khi ngài sắp nhấc nó lên, thì con cá vượt khỏi lưới câu. Vì thế, tôi thưa với giám mục, ‘Mẹ kiếp!’, và giám mục nhìn thẳng vào tôi và nói, ‘Ồ, đúng thế!’ nhưng đó là lần duy nhất tôi nghe giám mục dùng thứ ngôn ngữ đó”.

گ

155. Dễ tính và cáu kỉnh

Vào thời Minh Trị Thiên Hoàng, có hai giáo sư nổi tiếng sống ở Tokyo rất khác biệt nhau. Unsho, giáo sư trường Shingon, một người tỉ mỉ tuân giữ mọi giáo huấn của Phật. Ông thức dậy trước bình minh, nghỉ khi trời vừa xế, không ăn gì sau khi mặt trời lên tới ngọn và không uống thức gì có cồn.

Người khác, Tanzan, là giáo sư triết tại học viện Hoàng Gia Tokyo, còn gọi là Todai. Ông không tuân giữ giáo huấn nào, ông ăn khi cảm thấy thèm và ngủ suốt ngày.

Ngày kia, Unsho thăm Tanzan, thấy ông đang chè chén. Quả là bê bối vì một tín đồ Phật Giáo thì không được nếm ngay cả một giọt rượu.

“Chào ông bạn”, Tanzan hô lên. “Mời ông vào và dùng với tôi một chén”.

Unsho cảm thấy nhục. Nhưng cảm mình, ông nói, “Tôi không bao giờ uống”.

“Ai không uống thì chắc không phải là người”, Tanzan bảo.

Lần này, Unsho nổi giận. “Ông muốn nói tôi không phải là người vì tôi không chạm đến điều mà Phật rõ ràng đã cấm sao? Nếu tôi không phải là người, thế tôi là gì?”.

“Là Phật”, Tanzan vui vẻ đáp.

Cách chết của Tanzan thì bình thường như cách sống của ông. Vào ngày cuối đời, ông viết sáu mươi bưu thiếp, mỗi tấm đều có nội dung:

Tôi đang rời xa thế giới này

Đây là lời công bố cuối cùng của tôi.

Tanzan.

27 tháng 7, 1892

Ông nhờ một người bạn gửi những bưu thiếp này rồi lặng lẽ tắt hơi.

Đạo sĩ Junaid de Bagdad nói: “Kẻ nuông chiều xác thịt mà dễ tính vẫn tốt hơn vị thánh cáu kỉnh”.

گ

156. Người lượm thủy tinh

Một gia đình năm người đang nghỉ ở bãi biển. Bọn trẻ đang tắm và xây những lâu đài cát đang khi ở đằng xa, một phụ nữ cao niên nhỏ nhắn xuất hiện. Mái tóc râm của bà bay trong gió, áo quần thì dơ dáy và rách rưới. Bà đang lẩm bẩm điều gì với chính mình khi cúi nhặt rác rến từ bãi biển bỏ vào túi xách.

Cha mẹ gọi bọn trẻ lại và bảo chúng tránh xa bà lão. Khi bà đi ngang qua, thỉnh thoảng cúi xuống để nhặt đồ, bà cười chào gia đình. Nhưng lời chào của bà không được đáp lại.

Nhiều tuần sau, họ mới biết bà cụ nhỏ nhắn ấy đã tự nguyện hiến cả đời mình để nhặt những mảnh thủy tinh từ bãi biển kéo sợ bọn trẻ bị đứt chân.

گ

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG TRÔNG ĐỢI

BẢN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHURNG VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG HAI

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI LINH MỤC (tiếp theo)

B. NHỮNG TRÔNG ĐỢI

B.1. Linh mục tương lai trông đợi

B.1a Nơi Giám Mục và Linh mục đoàn

- Cần có sự cảm thông, chia sẻ và nâng đỡ từ Giám Mục, nhưng không nên quá kỳ vọng vào Ngài, đòi hỏi sự nâng đỡ đặt biệt hơn anh em khác.
- Cần có tình hiệp thông liên đới trong linh mục đoàn, cùng cộng tác trong mục vụ, chia sẻ và nâng đỡ giữa anh em với nhau. Mong sự cộng tác và nâng đỡ, hiểu biết lẫn nhau, cùng nhau hướng tới vinh danh Thiên Chúa.

B.1.b Nơi bản thân mỗi linh mục

- Mong chính bản thân linh mục luôn biết hướng tới Chúa là trung tâm và cùng đích của đời sống linh mục của mình. Cần ơn Chúa giúp phát triển đời sống thiêng liêng, gắn bó mật thiết với Thiên Chúa tình yêu, sống hiền hoà với mọi người theo gương Chúa Kitô Mục Tử nhân lành.
- Không nên thần thánh hoá đời sống linh mục để đòi hỏi sự phục vụ, trọng vọng nơi giáo dân và tìm vinh danh cho mình; quan cách trong giao tiếp, coi khinh người khác, độc tài trong khi làm việc, coi mình là người biết mọi thứ mà không chịu học hỏi, kiêu căng, tự phụ.
- Mong linh mục dành nhiều thời giờ hơn cho việc giảng dạy giáo lý và soạn bài giảng lễ, luôn cập nhật và tự trau dồi thêm kiến thức đạo đời để tiến kịp với thời đại, nếu không sẽ trở nên lạc hậu đối với giáo dân.

B.1.c Nơi cha xứ

- Mong cha xứ luôn hết lòng vì giáo dân, chu toàn bổn phận của mình, nhất là việc cử hành các bí tích; sống chan hoà, chịu khó tiếp khách, lắng nghe và ghi nhận những tâm tình, tiếp thu ý kiến của giáo dân...
- Mong cha xứ không co cụm lại, chỉ biết mỗi xứ mình, một mình một kiểu, không giống ai, không chơi với ai; phân bì, so sánh, khích bác, nói xấu cha xứ cũng như giáo dân các xứ lân cận.
- Mong cha xứ không tự ti về những yếu kém của mình mà thụ động, dù Chúa ban cho một nén cũng hãy cố gắng làm lợi cho Chúa một nén khác.
- Mong cha xứ không bỏ xứ đi quá nhiều, khổ cho dân, tạo vất vả cho các cha khác trong việc ban các bí tích; hoặc nghĩ mình chuẩn bị chuyển xứ, nên không làm gì cả hay làm qua loa cho xong chuyện.

- Mong cha sở cùng anh em linh mục khác cộng tác làm việc chung với nhau, thường xuyên giúp đỡ, ủi an, thăm viếng, tạo uy tín và giữ uy tín cho nhau.

B.1.d Nơi Cha phó

- Mong cha phó ý thức rõ quyền hạn và nghĩa vụ của mình, làm mọi việc mà cha xứ nhờ hay uỷ quyền và làm tốt nhất những gì có thể.

- Mong cha phó năng động, cộng tác, chia sẻ gánh nặng mục vụ với cha xứ trong mọi lãnh vực; cảm thông, tha thứ những khiếm khuyết, yếu kém của cha xứ và giúp đỡ cha xứ chu toàn sứ vụ...

- Mong cha phó coi cha xứ như người anh, tế nhị, tôn trọng, để cùng nhau phục vụ trong yêu thương.

- Mong cha phó không qua mặt, coi thường, hay chống đối cha xứ; gây áp lực, bắt cộng tác, kết bè kết cánh, gây chia rẽ, phá rối cộng đoàn, chiến tranh lạnh với cha xứ, gây gương mù gương xấu cho giáo dân.

- Mong cha phó không ù lỳ, lười biếng, chỉ làm lễ lấy tiền, còn mọi việc mặc kệ; coi cha xứ là ông chủ còn mình là nô lệ. Trái lại, hãy mặc lấy tâm tình phục vụ như Chúa Kitô.

B.1.e Nơi Thầy Xứ

- Mong Thầy xứ ý thức mình chỉ là người cộng tác, cố gắng giúp cha xứ cách tốt nhất trong các lãnh vực ca đoàn, giáo lý, phụng vụ.

- Mong thầy xứ làm mọi việc có sự đồng thuận của cha xứ; không làm gì theo ý mình, ngược với ý cha xứ.

- Mong thầy xứ sống cởi mở, hoà nhã, lịch sự với hết mọi người; nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc, chứ không lười biếng công việc, mà chỉ lo tìm kiếm các mối quan hệ vì tiền bạc hay tình cảm.

- Mong thầy xứ không ngông cuồng coi mình là giỏi, là hiểu biết rồi không coi ai ra gì. Ai mời đi ăn cũng đi, rồi rượu chè say sưa 100%, tiếng tốt thì ít, tiếng xấu thì nhiều, có thể gặp trở ngại trên đường tiến chức.

- Mong các tu sĩ cũng tương tự như thầy xứ vậy.

B.1.f Nơi Giáo dân

- Mong có sự cộng tác tích cực từ phía thường trực Ban Hành Giáo với cha xứ, cùng bàn hỏi và tìm ra phương hướng chung hiệu quả trong việc phát triển giáo xứ để các hội đoàn cùng hiệp nhất phát triển đức tin.

- Mong giáo dân cầu nguyện cho cha xứ và nâng đỡ cha xứ về vật chất cũng như tinh thần.

- Mong giáo dân yêu thương, tôn trọng cha xứ như người cha tinh thần mà Chúa gửi đến cho giáo xứ và giúp cha thi hành tác vụ cách tốt nhất.

- Mong giáo dân tha thứ cho cha xứ về những yếu kém, thiếu sót, lỗi lầm... và góp ý cho cha xứ về những gì ngài không chuyên môn, những mặt trái mà ngài không biết ...

- Mong giáo dân cộng tác với cha xứ trong những công việc chung, trong việc lãnh đạo cộng đoàn, xây dựng đoàn hội, cơ sở vật chất của giáo xứ... Đoàn kết một lòng, luôn là những cánh tay cùng với cha xứ xây dựng giáo xứ, thăng tiến giáo xứ về mọi mặt.

- Mong giáo dân không lỗi đức bác ái: chửi bới, nói xấu, nói hành, vu cáo, kiện tụng, bôi nhọ cha xứ; coi cha như người xa lạ, rồi ác cảm, tránh mặt, không gặp, không đối thoại, không cộng tác.
- Mong giáo dân không tìm cách ảnh hưởng lên cha xứ, cố gắng làm được một chức gì đó trong xứ rồi ý thể làm càn, mang tiếng cho cha xứ, gây gương mù cho cộng đoàn.
- Mong giáo dân không vay mượn tiền bạc cũng như vật dụng của cha xứ, vì vay mượn thì dễ mà trả thì khó, sinh ra nhiều phiền phức mất lòng nhau; cũng đừng lừa dối cha xứ về tình, tiền, quyền.
- Mong giáo dân không bè phái, cực đoan dòng họ, làm việc thì ít mà bàn mưu tính kế hại nhau, làm mất mặt, mất thể diện của nhau thì nhiều...

B.1.g Nơi Chính quyền

- Mong Chính quyền tôn trọng và tạo điều kiện để giáo dân thi hành bổn phận tôn giáo của mình; đồng thời tạo sự đoàn kết, thông thoáng hơn trong các vấn đề xã hội, để giáo dân có thể tham gia nhiều hơn trong việc đóng góp xây dựng đất nước.
- Mong Chính quyền để giáo dân được tham gia nhiều hơn trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bác ái xã hội; thay đổi những chính sách hay thái độ cư xử kỳ thị, thù nghịch, không công bằng; không làm gì cách áp chế, khiến người dân có ác cảm với chính quyền.

B.2. Giáo dân trông đợi

B.2.a Trong tương quan linh mục với giáo dân

- Giáo dân Việt Nam rất quý trọng linh mục và lòng quý trọng này vừa là một lợi điểm lại vừa là một nguy cơ: Là lợi điểm vì giúp cho linh mục cảm thấy mình cần thiết và có ích, ít cảm thấy bị cô đơn; là nguy cơ, vì lòng quý trọng ấy có thể làm cơ cho linh mục ý y mà tôn mình lên, coi thường thiên hạ, cho mình có quyền ăn trên ngồi trước, hách dịch, quan liêu.
- Mong linh mục coi lòng quý trọng này là một ơn riêng Chúa dành cho hàng ngũ linh mục Việt Nam, để nhờ đó các vị được an vui và phấn khởi trong chức vụ chứ không phải ngược lại.

B.2.b Trong căn tính linh mục

- Linh mục được đề cao là một Chúa Kitô khác và do sự đề cao quá đáng quyền chức này mà linh mục dễ bị cám dỗ tôn mình lên (khác Chúa Kitô), ví dụ trong ngày chịu chức, khi người ta đến xin phép lành đầu tay hay ngỏ lời chúc mừng. Đây là một cử chỉ đầy lòng tin và khiêm nhường, chớ gì tân linh mục xúc động mà tăng thêm lòng tạ ơn Chúa và sống cho xứng đáng.
- Giáo dân muốn linh mục nên giống Chúa Giêsu về lòng nhân ái và tinh thần phục vụ: Chúa Giêsu luôn gần gũi tiếp xúc với người ta và tìm cách làm ơn cho họ. Giáo dân cũng chờ đợi nơi linh mục đức tính này là dễ gặp, dễ gần và dễ nhờ việc thiêng liêng. Vì đức tính này mà linh mục được định nghĩa rất sâu sắc và thâm thúy là con người “bị ăn” (Le prêtre est un homme mangé).
- Nhiều linh mục ngày nay dành nhiều thời giờ cho mình mà ít cho giáo dân. Có linh mục làm lễ sáng xong là rút lui lên lầu, suốt ngày sống với máy vi tính và các thứ máy móc khác, hoặc đi vắng không mấy khi có mặt ở nhà, mọi việc giao cho thầy xứ, dì xứ hay Ban hành giáo, khiến cho giáo dân nhiều người cần gặp mà không gặp được. Có những cha sở tuy gặp được, nhưng giáo dân rất sợ tính lạnh lùng và hay bẳn gắt của cha. Vì thế, giáo dân mong linh mục họa lại hình ảnh Chúa Giêsu trong cách hành xử, nói năng và tiếp xúc.
- Đức Giáo hoàng Grêgoriô Cả than phiền là có nhiều linh mục, nhưng rất ít linh mục chịu làm việc theo chức năng của mình hay có làm thì lại làm những việc ở bên ngoài chứ không phải việc

bên trong. Việc chính yếu của linh mục là rao giảng lời Chúa, cử hành bí tích, giáo dục đức tin và lo phần rỗi cho các tín hữu. Những việc này phải làm trước rồi mới đến những việc khác như xây cất, mở mang cơ sở, hoạt động xã hội, phát triển dân sinh v.v...

- Ở Việt Nam, cha sở có một vị trí xã hội tốt, nói thì dân dễ nghe và người ta cũng hay nhờ thế cha sở dễ làm công kia việc nọ. Vì thế, cha sở cũng dễ bị cám dỗ trở thành một nhân vật ngoài đời để có thể ăn nói với người ta. Điều này có thể đưa linh mục đi ra khỏi phạm vi chức vụ chính thức của mình. Linh mục phải coi chừng với tính thích làm quan tự nhiên của mình mà luôn nhớ rằng linh mục chính yếu là người của Chúa, phục vụ Chúa và Tin Mừng của Người.

- Linh mục không chỉ biết có phòng thánh, nhà thờ và nhà xứ, mà cũng không ham mê lo những công việc bên ngoài. Phải theo bậc thang giá trị mà dành ưu tiên cho những việc thuộc bổn phận linh mục: làm lễ, giải tội, giảng thuyết, đi kẻ liệt, thăm viếng người nghèo khổ, ốm đau bệnh tật. Một linh mục làm đầy đủ bổn phận của mình thì chẳng còn thời giờ rảnh rỗi bao nhiêu; mà nếu có rảnh rỗi thì cũng nên dành thời giờ để học hành, đọc sách vở thêm.

B.2.c Trong đời sống tri thức

- Làm linh mục rồi nhưng vẫn còn phải học, phải viết bài giảng và giảng thế nào cho người ta nghe được. Thường sau khi làm linh mục rồi, ít vị còn thích tiếp tục làm việc tri thức. Vì vậy, giáo dân mong linh mục dành giờ làm việc tinh thần mỗi ngày: soạn bài giảng không dài quá, không chạy theo thời sự nhưng chú trọng vào sứ điệp lời Chúa, không khuyến lơn hời hợt nhưng mở lối cho những áp dụng thiết thực đức tin vào cuộc sống, không chiều theo thị hiếu người nghe mà chú tâm vào việc giáo dục đức tin và đem lại cho người ta một cái gì có chất lượng: giáo dân muốn thấy một bài giảng chứ không muốn nghe một bài giảng.

- Dân chúng hôm nay thích sự hào nhoáng và hình thức bên ngoài: thích vui, thích dễ, thích ồn ào. Linh mục phải giữ chừng mực, nếu chiều theo khuynh hướng này thì linh mục cũng dễ trở thành hời hợt nông cạn.

B.2.d Trong tác phong linh mục

- Giáo dân muốn linh mục có tác phong thích đáng trong cách ăn mặc, nói năng, cư xử. Ăn mặc như người ta có cái lợi là dễ hoà đồng, thoải mái, nhưng có cái bất lợi là có thể làm cho linh mục quên căn tính của mình mà không còn giữ gìn hay ít giữ gìn trong lời ăn tiếng nói và cư xử với người ta nữa.

- Vì vậy, tuy ăn mặc như người đời, nhưng linh mục vẫn phải giữ cho mình cái cốt cách là linh mục: đơn sơ xứng đáng với con người được học hành, có chữ nghĩa và có văn hoá, không chải chuốt quá đáng mà cũng không lôi thôi, áo quần luộm thuộm, đầu tóc bù xù, nói năng bừa bãi.

- Có dư luận rằng nhiều linh mục trẻ sau 1975 thiếu nhân bản trong cách hành xử, đáng cho các linh mục lưu ý vì có liên quan đến ảnh hưởng và uy tín của các vị trong vấn đề làm chứng cho Chúa và cho Đạo.

- Thận trọng trong vấn đề vật chất: tiền bạc, cửa cải, đất đai, nhà ở, đồ dùng cá nhân. Giáo dân rất dễ ý, họ thích những linh mục không lo làm giàu hay tìm kiếm của cải vật chất cho mình hoặc bà con họ hàng; họ nể trọng những linh mục sống đơn sơ giản dị, không xa hoa trong cách ăn mặc và biết sử dụng tiền bạc cách chính đáng.

B.2.e Trong các tương quan

- Một trong những lý do khiến ít người theo đạo, dù đạo có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, nhà thờ đẹp đẽ, nhiều cơ sở to lớn và các lễ nghi rất tưng bừng lôi cuốn, đó là tại giới linh mục xa cách dân chúng. Do đó, linh mục phải để ý hơn đến những nghèo và ít học, chứ không chỉ chơi với người giàu và có học.

- Giáo dân mong muốn thấy cha sở và cha phó sống gần bó thân tình, đồng tâm nhất trí với nhau trong công tác mục vụ và hướng dẫn cộng đoàn. Gương sống hiệp thông thân mật, kính trọng, yêu thương và nhường nhịn nhau giữa các vị mục tử là yếu tố có sức thuyết phục nhất đối với cộng đoàn dân Chúa.

- Giáo dân mong linh mục bén nhạy với mọi diễn biến đổi thay của tình hình xã hội để có những kế sách và phương án uyển chuyển, thích nghi năng động và cảm thông sâu sắc những khó khăn trong việc sống đạo của người tín hữu.

- Mong các ngài nhiệt thành việc tông đồ và vui vẻ hoà nhã, tận tâm phục vụ như người cha, người anh và là trụ cột vững vàng trong đại gia đình giáo xứ giữa những biến động phức tạp của xã hội hôm nay.

VỀ MỤC LỤC

TRUY TÌM UNG THƯ RUỘT GIÀ

Từ năm 2000, tháng Ba mỗi năm đã được các tổ chức phòng chống ung thư tại Hoa Kỳ chọn là thời gian để nhắc nhở bà con "đề cao cảnh giác" với nan bệnh ung thư Ruột Già và nhớ yêu cầu bác sĩ làm các xét nghiệm để sớm tìm ra bệnh.

Thống kê cho biết, năm 2008, có 139,000 người lớn tại Hoa Kỳ được xác định bị ung thư ruột già với hơn 50.000 tử vong.

Theo Hội Ung Thư Hoa Kỳ, phân nửa số tử vong này có thể được cứu sống nếu mọi người hiểu rõ về bệnh, biết cách phòng tránh các nguy cơ gây ra bệnh và làm các thử nghiệm truy tìm bệnh. Theo bác sĩ Durado D. Brooks, Giám đốc khoa ung thư nhiếp tuyến và ruột già thuộc Hội Ung Thư Hoa Kỳ thì "Ung thư ruột già là một trong những ung thư duy nhất có thể phòng tránh qua khám nghiệm đều đặn".

Ngoài ra nghiên cứu cho hay, 90% người được sớm khám phá ra ung thư ruột già có tỷ lệ sống sót 5 năm, trong khi đó nếu tìm ra trễ thì số người sống sót còn có 10%.

Vậy thì những thử nghiệm đó là gì và được thực hiện như thế nào, xin bà con ta cùng tìm hiểu.

1- Khám hậu môn với ngón tay

Thử nghiệm đầu tiên mà thầy thuốc sẽ làm là khám hậu môn.

Nói tới khám xét là ta cứ ngỡ ngàng "em chã". Vì khi không lại phải "vạch mông" cho người coi cái "cửa sau", phần thẳm kín của con người, thì cũng lạnh mình, đỏ mặt. Nhưng khi cần thì vẫn phải làm.

Chổng mông để lương y thọc ngón tay chuối mẩn - ngọc ngà vào, ngoáy qua ngoáy lại từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Để coi mặt trong ruột có trơn tru, có cái u cái mụn nào không; rút ngón tay ra có chút máu dính vào bao cao su. Với chiêu thức ngoáy tay, thầy thuốc cũng kiểm tra coi cái tuyến tiền liệt của các ông xem có sưng, có gồ ghề. Chẳng là ung thư ruột cũng "nhân nghĩa bà Tú Để" thường tới thăm chú tuyến tinh dịch này của quý lão ông lắm đấy.

Với vài giọt hóa chất, thầy thuốc thử phân coi có vết máu.

Thử nghiệm này rất giản dị, không đau đớn mà lại rẻ tiền nhưng hữu ích thì “thần sầu”. Thần sầu vì có thể giúp ta sớm tìm ra những 10% nan bệnh, sớm điều trị, nâng cao kết quả, nhiều hy vọng lành bệnh. Do đó, ta nên làm mỗi năm.

Nếu thử nghiệm thấy có máu thì thầy thuốc sẽ tìm cách trực tiếp nhìn vào trong ruột.

2- Tìm máu ẩn trong phân

Trong điều kiện bình thường, phân không có máu và đờm. Phân có máu là dấu hiệu của một bệnh nào đó của ống tiêu hóa.

Máu có thể đỏ tươi, bầm đen hoặc nâu sẫm tùy theo vị trí bệnh xa hay gần hậu môn.

Máu đỏ tươi thường là do trĩ hậu môn, trĩ mạch lươn dưới da chung quanh hậu môn, bấu thịt hoặc ung thư ruột già, trực tràng.

Máu bầm đen trong các bệnh loét dạ dày, đứt mạch máu ở ruột già, dùng quá nhiều aspirin hoặc rượu, uống thuốc chống đông máu.

Số lượng máu có thể nhiều hoặc ít như trong trường hợp máu ẩn (occult blood).

Máu ẩn có rất ít trong phân mà mắt thường không thấy và chỉ tìm ra được khi nhìn qua kính hiển vi hoặc thử nghiệm hóa học.

Nguồn gốc máu ẩn có thể từ loét viêm dạ dày, viêm đường ruột, trĩ, ung thư hoặc polyp trong ruột già.

Để thử nghiệm, phân được lấy trong ba ngày liên tiếp và đựng trong hộp đặc biệt do phòng thí nghiệm cung cấp. Giao hộp phân cho phòng thí nghiệm để họ tìm máu.

Ba ngày trước và trong thời gian lấy phân, bệnh nhân cần theo hướng dẫn như sau:

- Tránh dùng vitamin C hoặc tiêu thụ quá nhiều thực phẩm chứa sinh tố này như chanh, cam vì sinh tố này cho kết quả dương tính sai.
- Tránh ăn nhiều thịt đỏ có nhiều heme, thực phẩm có nhiều enzym peroxidase như nấm, broccoli, giá đậu, cauliflower, táo, cam, chuối, dưa canteloup, nho. Các chất này có thể làm cho kết quả thử nghiệm dương tính sai
- Nên ăn thực phẩm có nhiều chất xơ như đậu, rau để khối phân mềm lớn.
- Tránh thuốc kích thích dạ dày, ruột gây ra xuất huyết như thuốc chống acid, thuốc có chất steroid, thuốc chống viêm đau có chất aspirin, rượu.
- Tránh uống sinh tố có chất sắt.

Kiểm máu ẩn trong phân có khả năng tìm ra polyp và ung thư ruột già khá sớm. Tuy nhiên, kết quả dương tính không có nghĩa là đã bị ung thư vì có nhiều nguyên do khác gây ra xuất huyết đường ruột. Thí dụ khi dùng thuốc aspirin, ibuprofen, trong bệnh loét dạ dày, viêm ruột... Do đó, bệnh nhân có máu ẩn trong phân cần được xác định với phương pháp nội soi, quan sát đường ruột.

3- Nội soi ruột già

Có người ví Nội soi Ruột già (Colonoscopy) là tiêu chuẩn vàng (golden standard) để truy tìm ung thư ruột già-trực tràng.

Đây là phương pháp khảo sát mặt trong của toàn thể trực tràng với một ống dây quang học bằng nhựa mềm dễ uốn, có đèn sáng dẫn đường và máy chụp hình. Đưa ống sâu vào hậu môn, điều chỉnh máy, bác sĩ có thể làm một vòng thám hiểm bất cứ góc cạnh nào của ruột và mao tôn cương: qua đèn, nhìn ruột rõ như ban ngày, nào là gồ ghề bướu thịt, loét lở thành ruột, bết máu tươi đều thấy hết, ngoại trừ bầy vi sinh vật lúc nhúc cộng sinh. Nhắc lại là trong trường hợp bình thường, lòng ruột già chơn mềm như mặt trong của má. Hình ảnh ruột được chiếu trên màn hình TV để phân tích và có thể lưu trữ.

a- Cần làm gì trước khi nội soi?

Nội soi được làm tại bệnh viện hoặc phòng nội soi ngoại chẩn, trung bình kéo dài từ 30-60 phút và do bác sĩ chuyên ruột-bao tử thực hiện. Bệnh nhân được cho dùng liều thuốc an thần để giảm lo âu, khó chịu, do đó cần người lái xe đưa về nhà sau khám nghiệm.

Trước khi làm nội soi, bệnh nhân được cho thuốc tẩy rửa ruột sạch sẽ để bác sĩ dễ quan sát. Đây là điểm mà nhiều người e ngại vì phải uống một lọ thuốc xổ cộng thêm cả lít nước để rồi tiêu chảy sền sệt. Hiện nay có thuốc tẩy rửa dạng viên cho nên việc sửa soạn ít khó chịu hơn.

Một ngày trước thử nghiệm, bệnh nhân không ăn thực phẩm mà chỉ uống nước trong không bã.

Nếu thử nghiệm vào buổi sáng, không ăn uống gì sau nửa đêm. Nếu là buổi chiều thì uống thuốc tẩy xổ theo đúng hướng dẫn.

Không nên uống aspirin hoặc thuốc chống viêm 5 ngày trước thử nghiệm để tránh nguy cơ xuất huyết khi polyp được cắt bỏ.

Cho bác sĩ hay nếu có vấn đề dị ứng, uống thuốc loãng máu, đang bị bệnh tiểu đường, có thai, cho con bú sữa mẹ hoặc khó khăn chích tĩnh mạch.

Sau thử nghiệm, bệnh nhân cảm thấy tức ở bụng, nhưng hết sau vài giờ. Dăm giờ sau thử nghiệm, bệnh nhân có thể ăn lại như thường lệ.

b- Mục đích của nội soi gồm có:

- Đánh giá các u bướu, loét lở, thu hẹp lòng ruột già khi chụp hình X-quang ruột;
- Chẩn đoán viêm ruột;
- Tìm nguyên nhân gây ra tiêu chảy khi các thử nghiệm thông thường không thành công;
- Tìm nguyên nhân xuất huyết đường tiêu hóa, đặc biệt trong bệnh thiếu máu do thiếu sắt;
- Chẩn đoán ung thư ở người có thân nhân bị ung thư hoặc bướu thịt;
- Cắt bỏ bướu thịt, chữa xuất huyết ruột hoặc lấy vật lạ trong ruột.

Nội soi được áp dụng khi có một trong các bất thường như thay đổi thói quen đại tiện, máu trong phân, đau bụng liên tục, người từ 50 tuổi trở lên.

Hội Ung Thư đề nghị những ai trên 50 tuổi nên làm nội soi ruột già mỗi 7-10 năm. Người có rủi ro ung thư ruột già cần thực hiện sàng lọc này gần hơn, tùy theo ý kiến của bác sĩ điều trị.

Bình thường, phương pháp rất an toàn, hầu như không có khó khăn như lồng ruột.

Nếu có u bướu, bác sĩ sẽ thực hiện sinh thiết (biopsy) để xác định tế bào ung thư, chụp x-quang xương, CT scan... rồi điều trị.

Mặc dù nội soi ruột là phương thức tìm bệnh hữu hiệu, nhưng số người thực hiện cũng khá khiêm nhường. Lý do là nhiều người ngại đau, ngại phải uống thuốc tẩy xổ để làm sạch ruột và lý do quan trọng hơn là chi phí nội soi khá cao. Nếu bảo hiểm không đài thọ thì bệnh nhân phải bỏ tiền túi ra trang trải.

Ngoài ra còn một số phương pháp khác như sau.

a- Chụp X-quang ruột với chất cản quang

Dung dịch cản quang được bơm vào ruột để hình ảnh ruột hiện rõ ràng trên phim X-quang. Quan sát hình chụp, bác sĩ có thể tìm ra u bướu hoặc bất thường trong ruột. Nếu thấy bướu thịt, bác sĩ sẽ đề nghị làm nội soi.

b- Nội soi trực tràng (Sigmoidoscopy) quan sát phần dưới của ruột già.

c- Thử phân tìm tế bào ung thư (Stool DNA test)

Đây là thử nghiệm tương đối mới.

Bác sĩ đưa cho bệnh nhân một hộp thử nghiệm với hướng dẫn cách thức lấy phân rồi chuyển cho phòng thí nghiệm để tìm tế bào ung thư tách ra từ u bướu của ruột.

d- Virtual Colonoscopy

Đây là phương pháp để chụp hình hiện trạng thực sự của ruột với máy CT scan (computerized tomography). Một loại gas được bơm vào để ruột già phồng lên rồi làm CT scan tìm polyp. Những hình ảnh này nom giống như khi nhìn trực tiếp ruột già.

Các nhà chuyên môn y học đề nghị là nam nữ từ 50 tuổi trở lên cần bắt đầu làm các xét nghiệm truy tìm ung thư ruột già.

- Nội soi ruột già mỗi 10 năm
- Kiểm máu ẩn trong phân mỗi năm
- Nội soi trực tràng mỗi 5-10 năm

Kết luận

Thưa đó là chuyện y học bên Mỹ của tháng Ba dương lịch.

Tháng 3 dương còn có ngày mùng 8 là ngày Phụ Nữ Thế Giới, ngày mà quý bà quý cô đã tranh đấu mãi mới được sự nam nữ bình quyền sau nhiều thế kỷ cảm thấy mình thiệt thòi, thua kém.

Riêng tháng Ba âm lịch mình cũng có nhiều việc đáng ghi nhớ.

Đây là tháng mà người Việt Nam ta “Dù ai đi ngược về xuôi, Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba”. Vâng Quốc Tổ Hùng Vương 18 đời dựng nước, tình nghĩa Vua-Tôi sâu đậm, con dân sống trong hòa bình, thịnh vượng, thái hòa.

Rồi “Tháng 3 trồng cà” là nông vụ truyền thống của người mình. Trồng cà tháng 3, làm tương tháng 6.

Cà dầm tương vẫn là món ăn nhiều dân tộc tính của ta, vì thế cho nên mới có “Anh đi anh nhớ quê nhà; Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.”

Tương cà rau muống có khi cũng giúp ta giảm thiểu rủi ro đưa tới ung thư Ruột Già đấy, thưa bà con cô bác.

Vì tương cà rau muống không có chất béo động vật, không có cholesterol mà lại nhiều chất xơ thiên nhiên giúp gạt bỏ chất có hại có thể gây ung thư đại tràng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

VỘI

Đời ! Có những chuyến đi chậm mà cũng có những chuyến đi quá vội. Nhanh hay vội không ai có thể biết được. Chỉ có Đấng là chúa, là chủ của sự sống mới biết mà thôi.

Sáng hôm kia, cùng gia đình, nhà dòng và thân bằng quyến thuộc dâng lễ tạ ơn với bà cố vì bà đã hoàn thành 96 năm làm người và làm con Chúa. Thánh Lễ an táng cho bà được cử hành trong bầu khí ấm cúng và sâu lắng. Theo nguyện ước của bà, tang lễ tổ chức sao cho giản đơn và nhẹ nhõm. Con cháu đã không giữ được những dòng lệ đầm trên mi bởi lẽ gia đình đã mất điều gì đó quý giá nhất trong cõi đời này.

96 tuổi đời quả là tuổi hiếm có và là quà tặng cho gia đình, cho bạn bè thân hữu. Dù muốn dù không cũng không thể nào bước qua khỏi ngưỡng cửa của cái chết và trở về tro bụi bởi kiếp nhân sinh là như thế.

Chiều hôm qua, có dịp vào thăm bệnh tại Chợ Rẫy. Ở góc hành lang chật hẹp của lầu 3 bệnh viện Chợ Rẫy là nơi nương ẩn của chàng thanh niên còn khá trẻ. Hỏi thăm thì anh cho biết sức khỏe anh bình thường và công việc hiện tại của anh là làm văn phòng. Cách đây một tuần, đầu anh hơi nặng một tí, gia đình đưa anh vào viện. Bệnh viện tuyến dưới đã chuyển anh về Chợ Rẫy. Vài phút trước khi tôi đến, tin dữ đã đến với người dì ruột - là một nữ tu luống tuổi - rằng người cháu này sẽ ra đi bất cứ lúc nào vì anh đang mang trong mình khối u trong não.

Bác sĩ cho biết rằng sức khỏe của anh không biết được ngày nào. Như vậy là anh sẽ ra đi bất cứ lúc nào bởi vì khối u trong não anh đang mang gần vỡ.

Khi thăm hỏi, anh vẫn tỉnh táo để trả lời những câu chào thăm. Vì đạo đức nghề nghiệp cũng như về lòng của lương y nên bác sĩ chỉ cho gia đình biết thôi. Thăm hỏi anh nhưng lòng quặn đau bởi lẽ anh đang tiến đến gần cõi chết nhưng anh không hề biết. Dù chỉ mới biết anh nhưng lòng tôi đau lắm. Nhìn tỉnh như vậy nhưng giờ của anh không còn bao lâu nữa.

Chuyến đi của anh quá vội so với bà cố mà ngày hôm qua tôi đưa tiễn.

Bước ra hành lang nơi người dì đang đứng với vài người thân, cũng chỉ biết xoa dịu dì với lời an ủi là hãy phó thác trong tay Chúa. Dĩ nhiên ai không biết là phó thác nhưng đứng trước nỗi đau này chẳng ai mong cả. Thương cháu quá nên những dòng lệ cứ tuôn trào không cầm được. Được biết gia đình của anh quá đơn chiếc để người dì phải xin phép Tổng Phụ Trách để ở bên cạnh cháu trong những ngày cuối đời.

Sáng hôm nay có dịp đến nơi hỏa táng, trước đó ghé vào thắp vài nén hương viếng Mẹ. Không quên gửi chút tâm tình cho những người quanh mộ mẹ. Đám tang một tín hữu nhờ giúp chẳng hiểu sao mà chưa đến như đã hẹn. Thời gian đợi càng dài hơn như đã tính. Thời gian ấy hết xe này lại xe kia nối tiếp nhau dừng ở tiền sảnh và lần lượt nhân viên mai táng khiêng cỗ quan vào. Nhìn trên bảng nhật ký hỏa táng lượng người đăng ký ngày hôm nay đầy bảng.

Chưa đến giờ nên cùng tham dự nghi thức hỏa táng của cụ già từ quận 8. Thấy chàng thanh niên cầm tờ giấy thông tin người quá cố mang dán vào áo quan để chuẩn bị cho nghi thức hỏa táng. Chợt vu vơ nghĩ không biết đến ngày nào lại đến phiên anh nằm trong đó cho người khác dán để đưa vào lò hỏa táng.

Nghĩ đến anh chẳng lẽ không nhớ đến phận mình ? Tôi lại thầm nghĩ một ngày nào đó tên tôi cũng nằm trên cái bảng ấy và rồi cũng phải đi qua ngọn lửa thiêu và trở về cùng với tro bụi trong cái hủ bé bé con con.

Cuộc đời là như thế ! Vắn - dài, lâu - vội ... rồi cũng thế. Cuối cùng cũng trở về với lòng đất Mẹ để chờ ngày phục sinh phán xét.

Không phải yếm thế hay bi quan nhưng phận người là như thế và cuộc đời cũng là như thế ! Ky cóp, vun vén, dành dụm để cuối cùng trở về với hai bàn tay trắng. Chuyện là 96 năm tuổi đời như bà cố kia hay vài chục năm như anh chàng bị u não cũng chẳng có gì quan trọng. Chuyện quan trọng là sau 96 năm, sau vài chục năm ở cái cõi tạm này ta đã làm gì và ta đã sống như thế nào.

Nhớ lại bảng tên ở trung tâm hỏa táng để nhắc mình một ngày nào đó mình cũng chẳng được miễn trừ. Ngày có tên trên cái bảng nhật ký thiêu hỏa ở cái trung tâm hỏa táng đó của mỗi người đến bất chợt không ai biết.

Và vì thế, hãy liệu liệu sống như thế nào đó để sống cho đến ngày ra trung tâm hỏa táng ta mỉm cười thanh thản chào mọi người ở lại và vui vẻ bước vào chốn thiên đình mà mấy chục năm sống ở cõi tạm mà ta ngong ngóng hướng về.

Anmai, CSsR

[VỀ MỤC LỤC](#)

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA